



**TÀI LIỆU**  
**HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA**

**“TRUNG QUỐC DƯỚI THỜI TẬP CẬN BÌNH:  
CẠNH TRANH CHIẾN LƯỢC MỚI TẠI KHU VỰC?”**

**Hà Nội, 9/2016**

**MỤC LỤC**  
**TÀI LIỆU HỘI THẢO KHOA HỌC**  
**“Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình: Cạnh tranh chiến lược mới tại khu vực?”**

Ngày 09/9/2016

Hội trường 801, Nhà E4, Đại học Kinh tế - ĐHQGHN  
Số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

**Phần 1: Các báo cáo trong Hội thảo**

- 1.1 ***“Kinh tế Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình”***  
TS. Phạm Sỹ Thành – Chương trình Nghiên cứu Kinh tế Trung Quốc thuộc VEPR (VCES)
- 1.2 ***“Sáng kiến “Một vành đai, một con đường” của Trung Quốc, vấn đề đặt ra và lựa chọn chính sách của Việt Nam”***  
ThS. Nguyễn Quốc Trường – Viện Chiến lược và Phát triển, Bộ KH-ĐT
- 1.3 ***“Vai trò của người Hoa và di dân người Trung Quốc mới trong chiến lược của Trung Quốc hiện nay”***  
TS. Dương Văn Huy – Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
- 1.4 ***“Những điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với Mỹ kể từ sau 2012 và hệ lụy đối với các quốc gia trong khu vực”***  
Ông Phạm Tiến – Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
- 1.5 ***“Một số ý kiến về nghiên cứu Trung Quốc”***  
PGS.TS. Lê Cao Đoàn – Chuyên gia cao cấp
- 1.6 ***“Tập trung quyền lực tại Trung Quốc từ Đại hội 18 đến nay”***  
TS. Trần Việt Thái – Học viện Ngoại giao Việt Nam

## Phần 2      Một số báo cáo toàn văn

- 2.1      *“Những điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với Mỹ kể từ sau 2012 và hệ lụy đối với các quốc gia trong khu vực”*  
Ông Phạm Tiến – Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
- 2.2      *“Hướng mới trong cải cách doanh nghiệp nhà nước của Trung Quốc – Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”*  
ThS. Phạm Thị Tường Vân – Viện Chiến lược và Chính sách Tài chính, Bộ Tài chính
- 2.3      *“Chính sách đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Trung Quốc và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”*  
ThS. Phạm Thành Chung – Viện Chiến lược và Chính sách Tài chính, Bộ Tài chính

## **KINH TẾ TRUNG QUỐC DƯỚI THỜI TẬP CẬN BÌNH**

**TS. Phạm Sỹ Thành**

Giám đốc Chương trình Nghiên cứu Kinh tế Trung Quốc - VEPR (VCES)  
Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

**Hà Nội, 9/9/2016**

Copyright © VEPR 2016

### **Nội dung báo cáo**

1. Những thách thức với kinh tế Trung Quốc trước thời Tập Cận Bình
2. Tái cân bằng 1: từ hiệu quả thấp sang tăng trưởng bền vững
3. Tái cân bằng 2: quan hệ giữa chính phủ và thị trường
4. Hướng ra bên ngoài
5. Đặc trưng quyết sách kinh tế Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình
6. Trung Quốc: lựa chọn cải cách hay tăng trưởng
7. Kết luận

Copyright © VEPR 2016

**2**

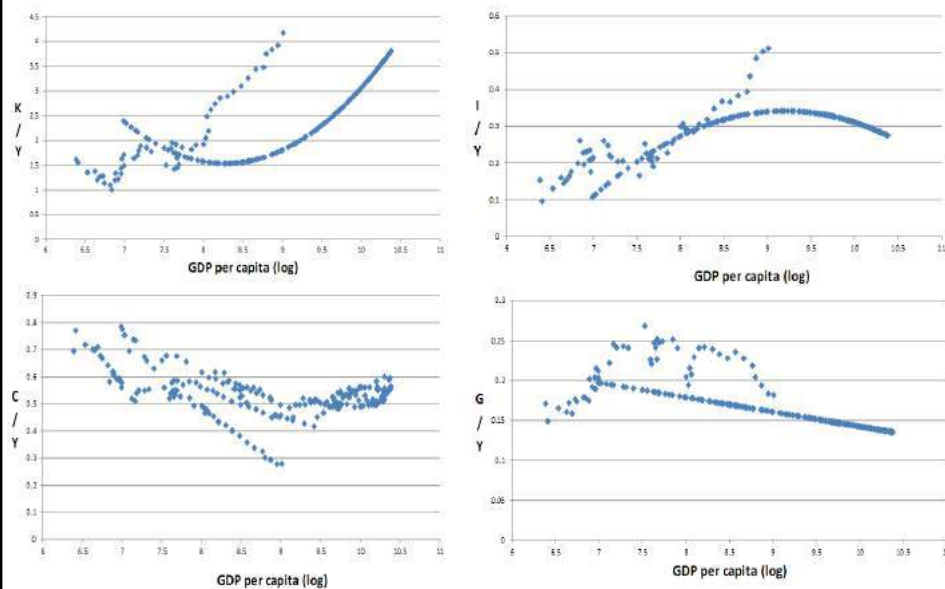
## **NHỮNG THÁCH THỨC VỚI KINH TẾ TRUNG QUỐC TRƯỚC THỜI TẬP CẬN BÌNH**

### **Những thách thức với kinh tế Trung Quốc trước thời Tập Cận Bình**

- Mô hình tăng trưởng: đầu tư, xuất khẩu
- Kinh tế thị trường: SOEs độc quyền, chi phối
- Các thị trường yếu tố bị méo mó
- Thị trường tài chính và thị trường tài sản kém phát triển
- Bong bóng nợ
- Tham nhũng, chủ nghĩa tư bản thân hữu

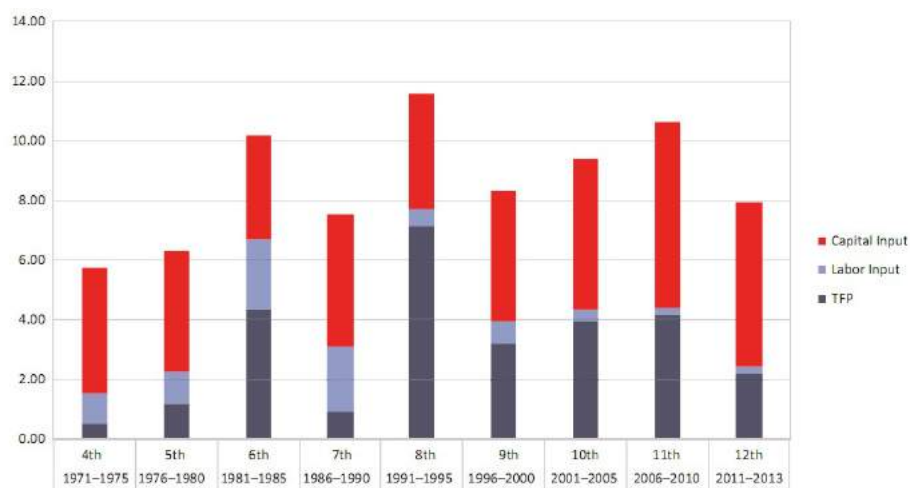
**VEPR**

## Mô hình tăng trưởng đặc thù của Trung Quốc

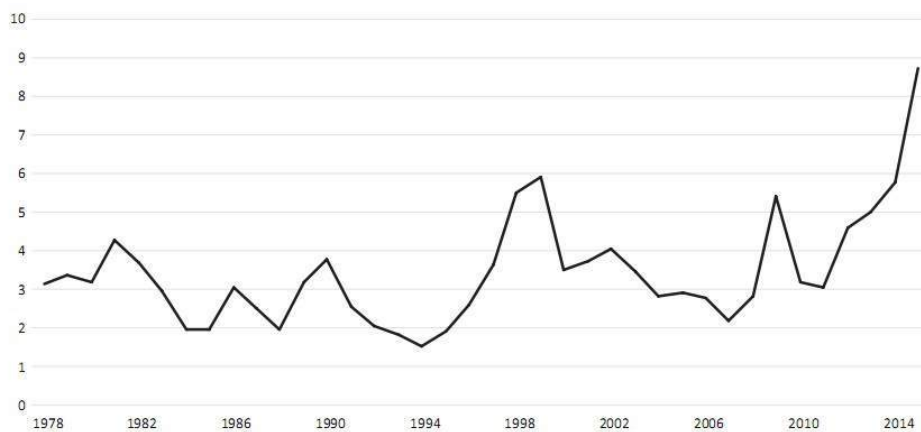


**VEPR**

## Đóng góp của TFP suy giảm khiến tăng trưởng suy giảm theo: từ kế hoạch 5 năm lần thứ 4 đến thứ 12



## VEPR ICOR Trung Quốc



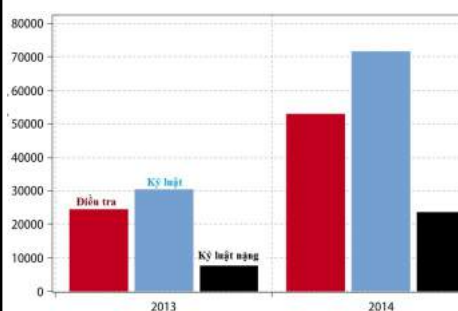
Tổng huy động vốn toàn xã hội đã tăng vọt từ 120% GDP (2005) lên 204% (năm 2015)

Copyright © VEPR 2016

7

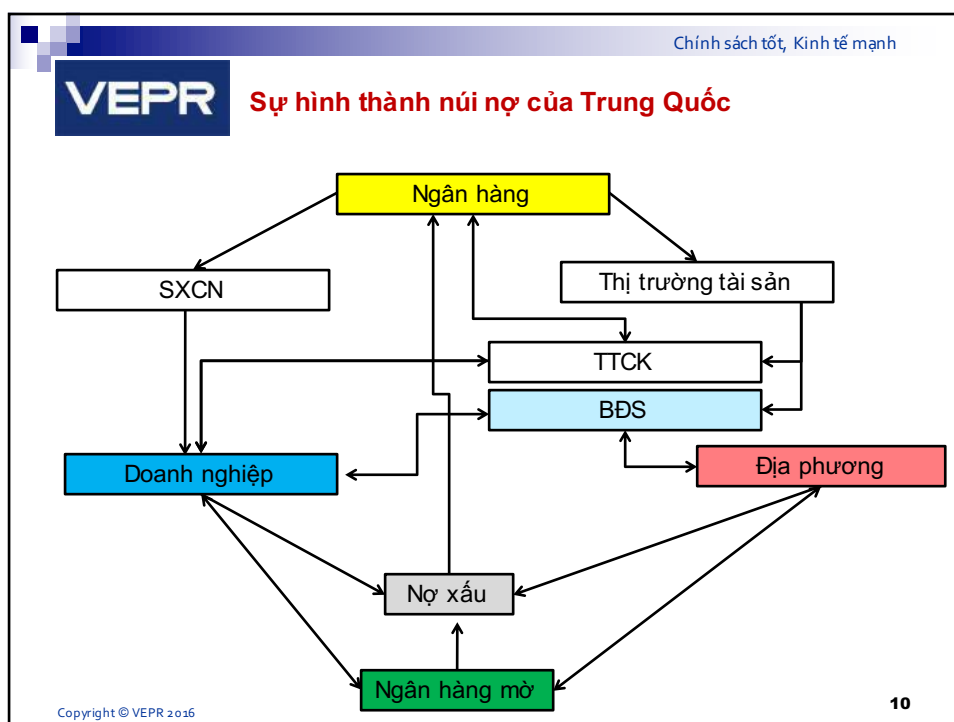
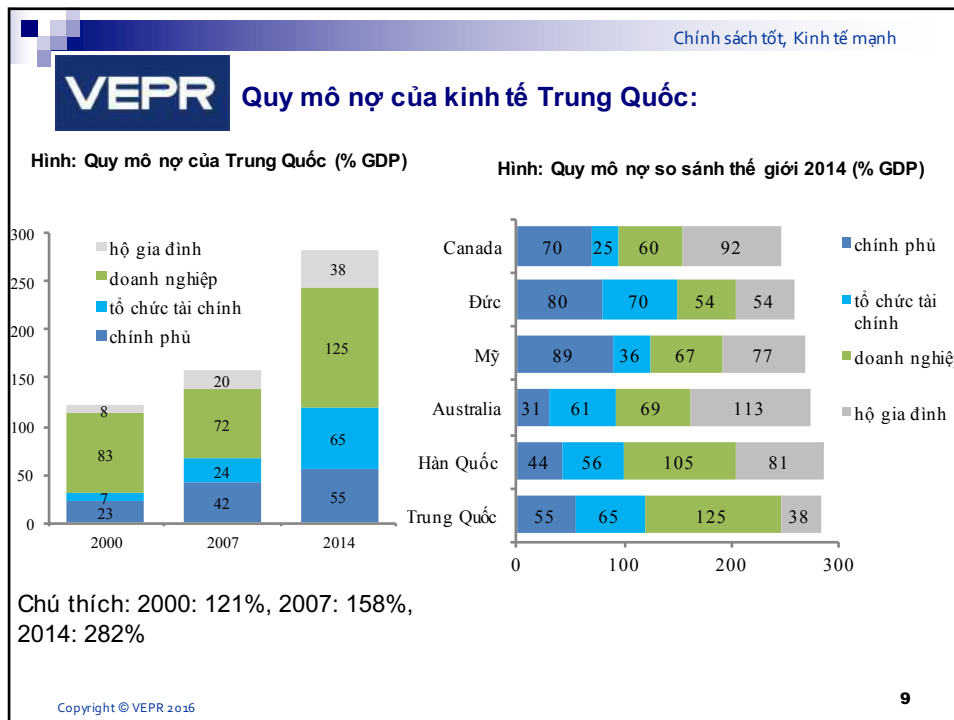
## VEPR Chống tham nhũng

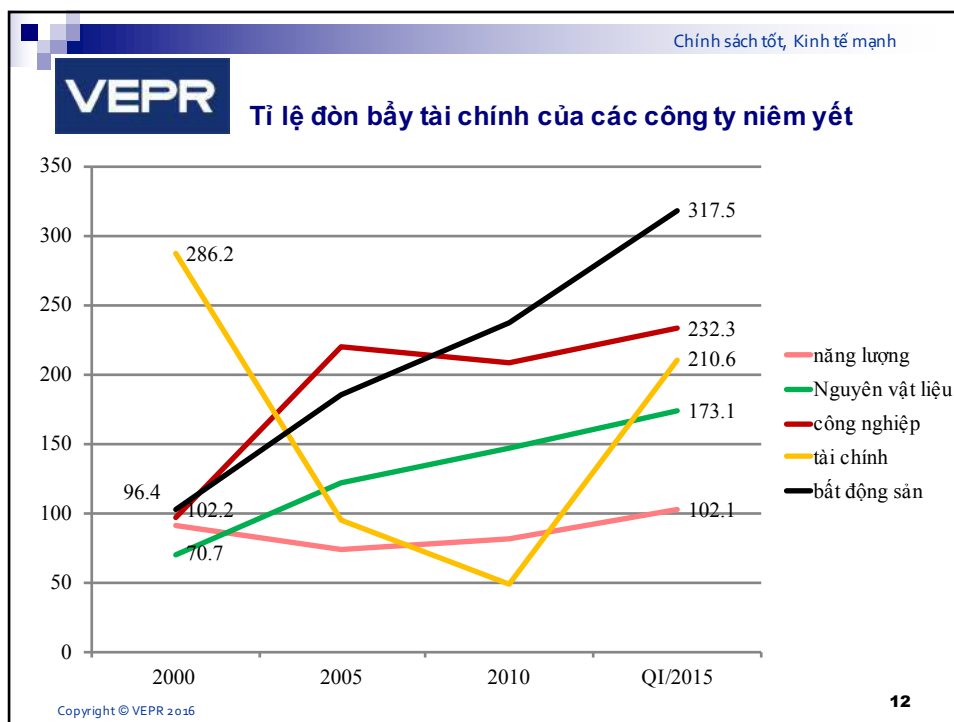
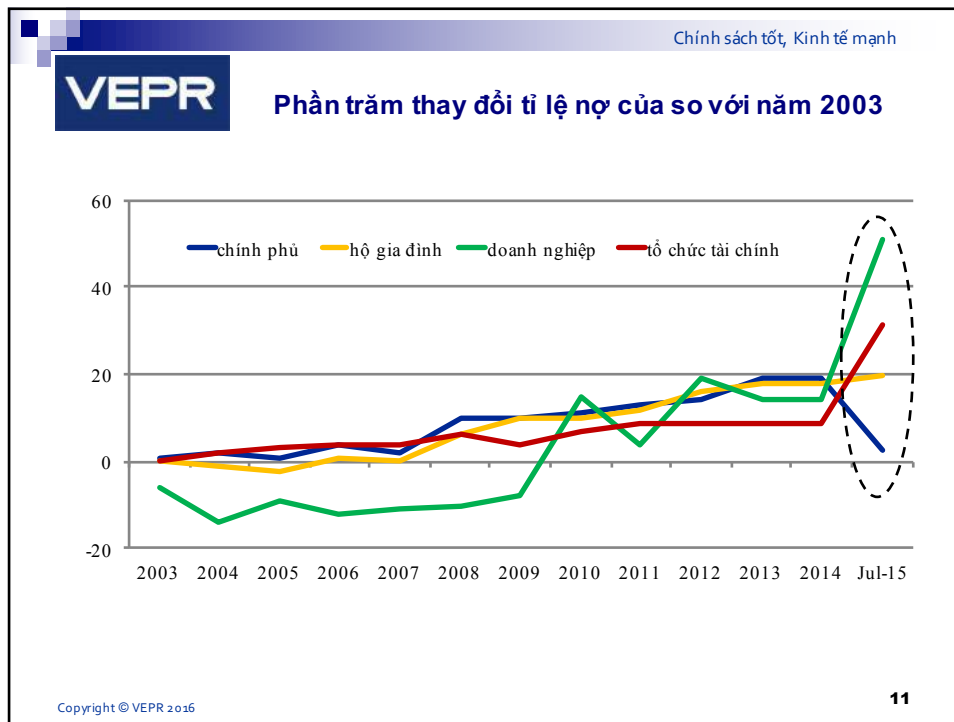
Hình: Số vụ điều tra - xử lý tham nhũng và số tỉnh có liên quan



Copyright © VEPR 2016

8





- Hai tái cân bằng của nền kinh tế Trung Quốc (the double rebalance)
  - Tái cân bằng nền kinh tế từ kém hiệu quả và lãng phí sang hiệu quả và bền vững hơn
  - Tái cân bằng lại quan hệ giữa chính phủ và thị trường
- Vươn ra bối ngoại nhằm thích ứng với bối cảnh mới của kinh tế trong nước

## **TÁI CÂN BẰNG 1: TỪ HIỆU QUẢ THẤP SANG TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG**

## VEPR Những trọng tâm tái cơ cấu kinh tế

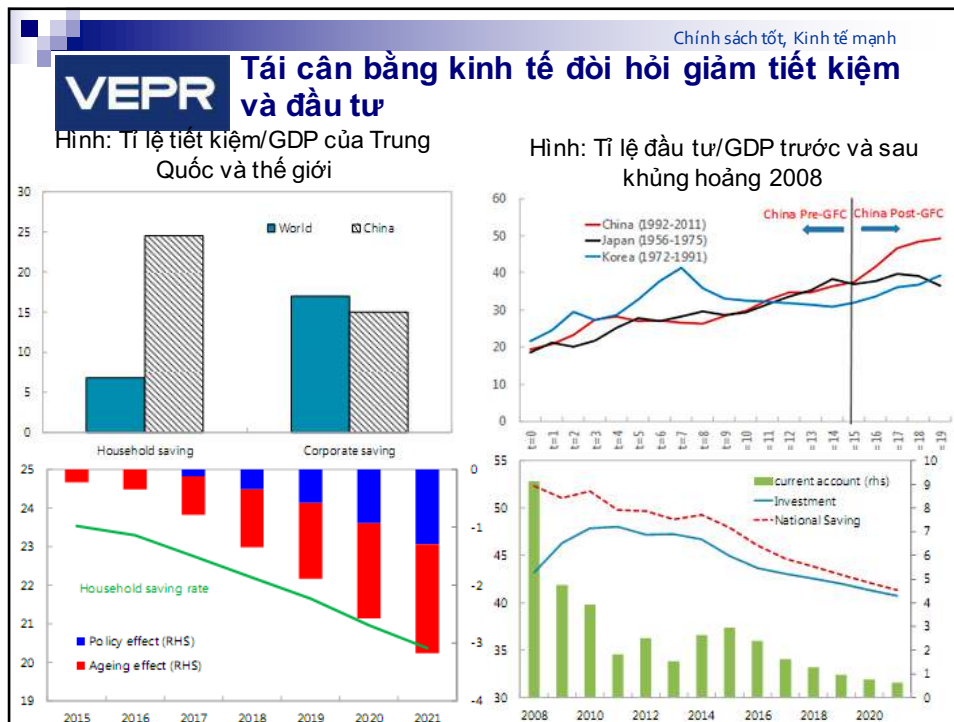
- Nêu lên khái niệm “trạng thái bình thường mới”
- Chuyển đổi mô hình tăng trưởng
- Thúc đẩy sáng tạo, sáng chế

## VEPR Kế hoạch 5 năm lần thứ 13

| Sections | Chapters | Page Length | Content                                            |
|----------|----------|-------------|----------------------------------------------------|
| 1        | 1-5      | 12          | Introduction: Aims, targets and themes             |
| 2-5      | 6-28     | 38          | Innovation: Science and technology                 |
| 6-9      | 29-41    | 28          | Coordination: Regional development and integration |
| 10       | 42-48    | 15          | Green: Environment and resources                   |
| 11-12    | 49-53    | 7           | Openness: International trade and investment       |
| 13-16    | 56-69    | 29          | Shared Growth: Social welfare                      |
| 17-18    | 70-76    | 10          | Governance: Social and political institutions      |
| 19       | 77-78    | 2           | The Economy and National Defense                   |
| 20       | 79-80    | 3           | Strengthening Implementation                       |

Bảng: Số lượng các mục tiêu mà các 5YPs đề ra

|                 | 10th<br>(2001-2005) | 11th<br>(2006-2010) | 12th<br>(2011-2015) | 13th<br>(2016-2020) |
|-----------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| The Economy     | 7                   | 5                   | 3                   | 5                   |
| Sci-Tech        | 4                   | 2                   | 4                   | 5                   |
| Environment     | 3                   | 8                   | 12                  | 16                  |
| Social Welfare  | 8                   | 8                   | 9                   | 7                   |
| Total           | 22                  | 23                  | 28                  | 33                  |
| Total Fulfilled | 14                  | 20                  | 28                  | —                   |



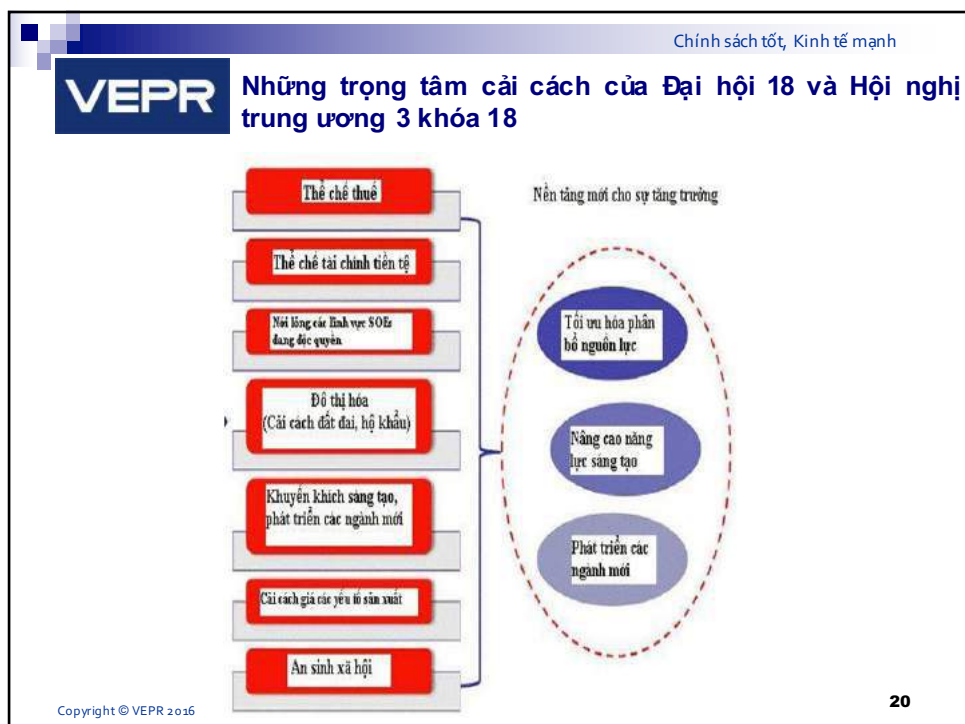
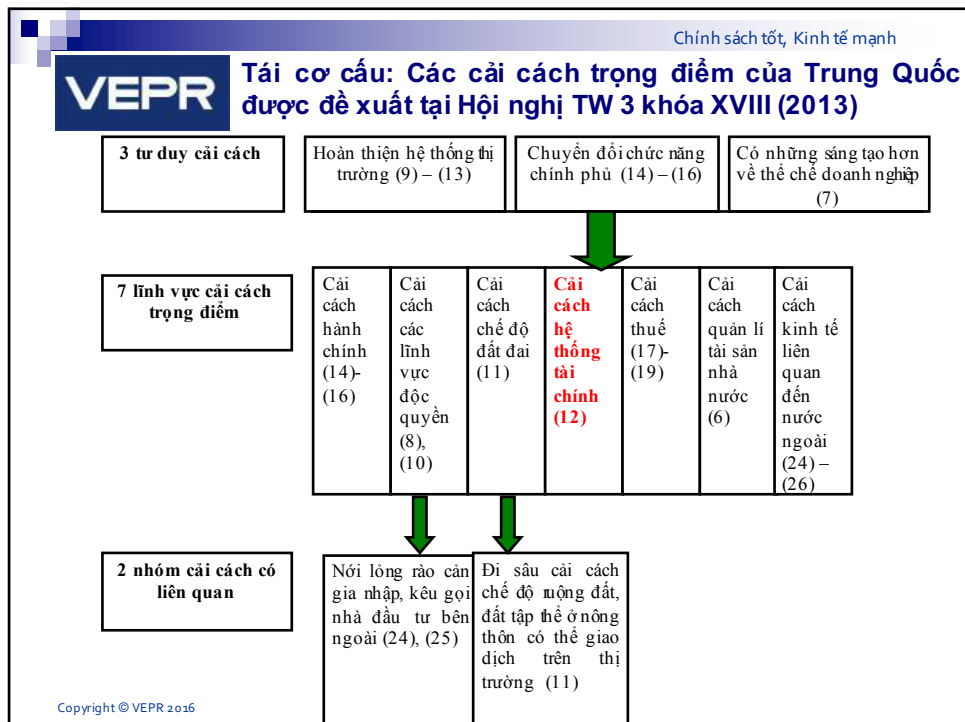
Chính sách tốt, Kinh tế mạnh

**VEPR**

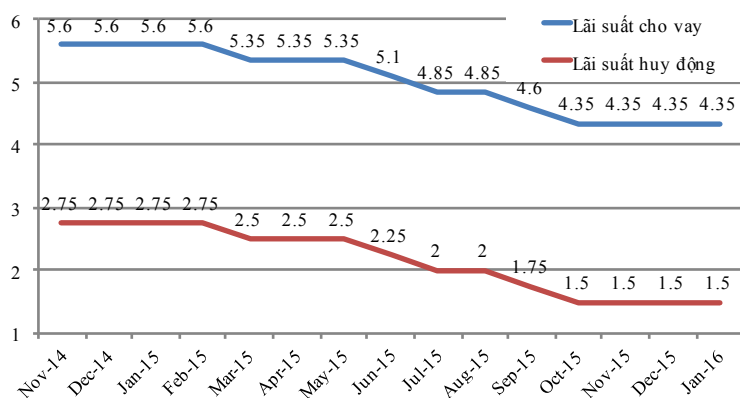
**TÁI CÂN BẰNG 2: QUAN HỆ GIỮA CHÍNH PHỦ VÀ THỊ TRƯỜNG**

Copyright © VEPR 2016

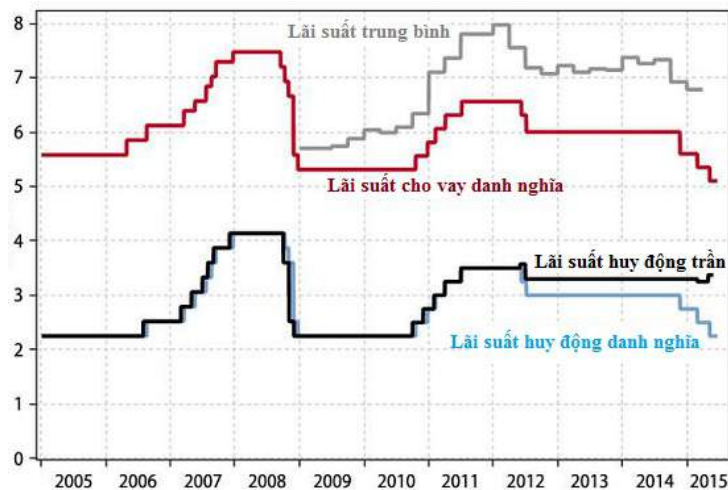
18



- Thị trường đóng vai trò quyết định trong việc phân bổ nguồn lực (thị trường vốn, thị trường lao động, thị trường đất đai)
- Cải cách chế độ sở hữu đất nông nghiệp
- Cải cách doanh nghiệp nhà nước
- Cải cách thể chế thuế
- Cải cách tài chính tiền tệ



## Nhưng NSEs vẫn tiếp cận vốn với chi phí cao hơn nhiều so với SOEs



Copyright © VEPR 2016

23

## Đánh giá các cải cách đã thực hiện trong tái cân bằng 2

| Lĩnh vực                 | Biện pháp                                                                                                                                                                                                                       | Tốc độ cải cách và độ sâu cải cách                                                                              | Đánh giá hạn chế                                                                                                                                                                                                          |
|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Cải cách đất nông nghiệp | Sở hữu đất tập thể được đưa vào lưu thông                                                                                                                                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>Một phần nhỏ của quyền tài sản</li> <li>Tốc độ chậm</li> </ul>           | <ul style="list-style-type: none"> <li>Một phần nhỏ của đất nông nghiệp</li> <li>Chiếm dụng đất nông nghiệp</li> <li>Quyền sở hữu đất nông nghiệp tư nhân</li> <li>Diện tích đất canh tác bị ô nhiễm 80%</li> </ul>       |
| Chế độ hộ khẩu           | Thị điểm tại một số tỉnh thành quan trọng                                                                                                                                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tiến hành trên phạm vi nhỏ, thị điểm, tốc độ chậm</li> </ul>             | <ul style="list-style-type: none"> <li>Bề tắc vì không đảm bảo được an sinh xã hội quy mô rộng</li> <li>Chi phí cơ hội nông nghiệp gia tăng dẫn đến làn sóng hồi hương</li> <li>Thị trường bất động sản ảm đạm</li> </ul> |
| Cải cách thuế            | Chuyển lợi thuế doanh thu thành VAT                                                                                                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>Mang tính kỹ thuật và là một phần nhỏ trong gói cải cách thuế</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tạo thêm áp lực tài chính lên chính quyền địa phương</li> <li>Mang tính tập quyền.</li> <li>Gia tăng các khó khăn về trả các khoản nợ địa phương đảo lộn</li> </ul>                |
| SOEs                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>Chế độ sở hữu hỗn hợp</li> <li>Chuyển nợ thành cổ phần</li> <li>Cho phá sản một số SOEs</li> <li>Yêu cầu tăng cường vai trò của chi bộ Đảng</li> <li>Sáp nhập SOEs quy mô lớn</li> </ul> | Thị điểm tại một số ít doanh nghiệp quy mô nhỏ, không quan trọng                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>Rất chậm chạp</li> <li>Tập trung vào chống tham nhũng</li> <li>Đảo ngược các quyết sách thị trường: Đảng can thiệp; sáp nhập tăng quyền lực và địa vị chi phối của SOEs</li> </ul> |
| Tài chính tiền tệ        | <ul style="list-style-type: none"> <li>SFTA</li> <li>Cơ chế quyết định tỷ giá</li> <li>Tự do hóa lãi suất huy động – cho vay</li> <li>SDR</li> <li>Liên thông Shanghai- HK</li> <li>Liên thông Shenzhen – HK</li> </ul>         |                                                                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tài khoản vốn chưa tự do chuyển đổi</li> <li>Chênh lệch giữa offshore market và trong nước còn lớn</li> <li>TTCK kém hoàn thiện</li> </ul>                                         |

24

## HƯỚNG RA BÊN NGOÀI

## Vươn ra bên ngoài để thích ứng bối cảnh mới

### ■ Bối cảnh mới:

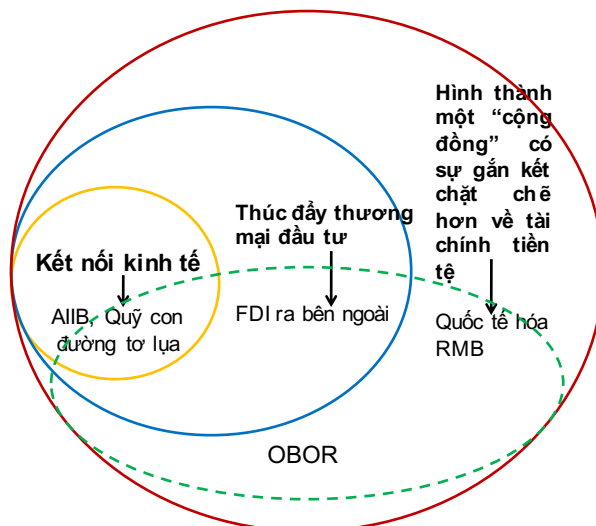
- Hiệu quả đầu tư vốn sụt giảm
- Dư thừa công suất và sản lượng
- Chi phí gia tăng

→ Đầu tư ra bên ngoài → cần các sáng kiến đa phương → thúc đẩy hoạt động ngoại giao kinh tế

## Ngoại giao Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình: Xây dựng hình ảnh cường quốc trỗi dậy và một nhà lãnh đạo toàn cầu

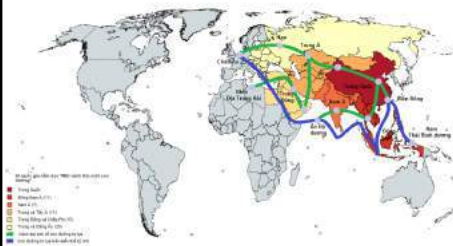
- Thành lập các định chế do Trung Quốc dẫn dắt: AIIB, NDB, SF
- Đầu tư và ODA ra bên ngoài, mua bán các tài sản, tài nguyên ở khắp các châu lục
- Các cải thiện vị thế quốc tế của Trung Quốc: SDR

## Thúc đẩy kinh tế đối ngoại thông qua các sáng kiến kinh tế đa phương và hợp tác khu vực

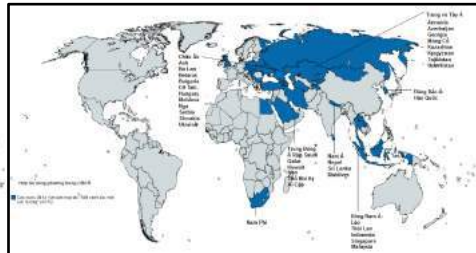


## Thúc đẩy kinh tế đối ngoại thông qua các sáng kiến kinh tế đa phương và hợp tác khu vực

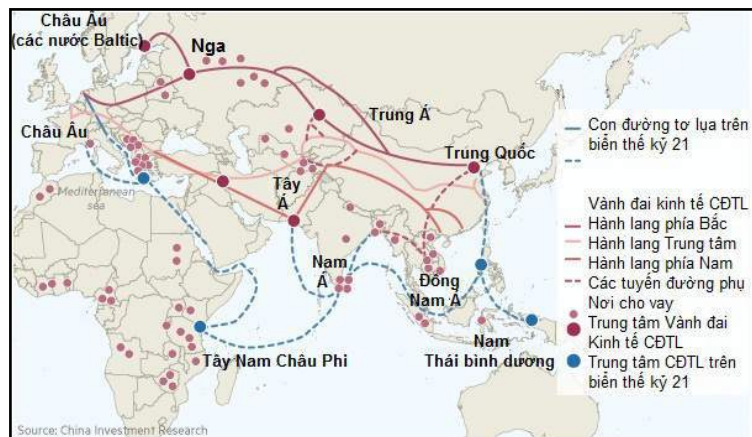
Hình : Các quốc gia nằm dọc “Một vành đai, một con đường”



Hình: Các nước đã ký văn bản hợp tác OBOR



## Vốn đầu tư của Trung Quốc bắt đầu bị định hướng bởi OBOR

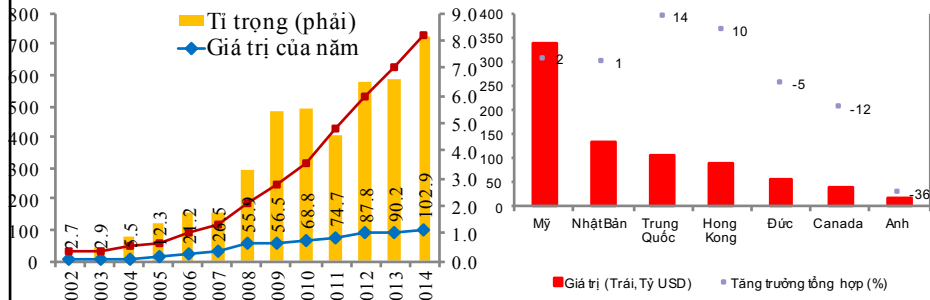


67% các khoản cho vay của 2 ngân hàng đầu tư lớn nhất Trung Quốc là China Development Bank và the China Ex-Im Bank có tổng số tiền 49,4 tỷ USD tập trung vào OBOR với lãi suất từ 4-4.5%/năm

## VEPR ODI của Trung Quốc

ODI của Trung Quốc và tỉ trọng trong tổng FDI thế giới (tỷ USD, %)

Giá trị ODI và tăng trưởng tổng hợp năm 2013

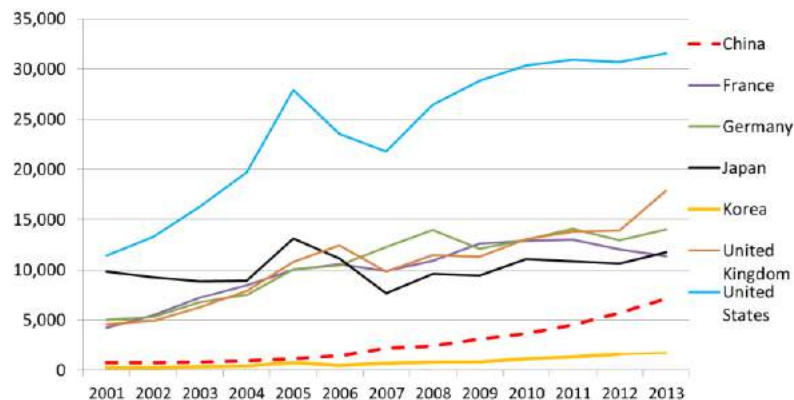


Copyright © VEPR 2016

31

## VEPR Trung Quốc nhanh chóng vươn lên trở thành quốc gia cung cấp ODA và viện trợ nước ngoài

Hình: So sánh quy mô ODA và viện trợ của một số quốc gia (triệu USD)



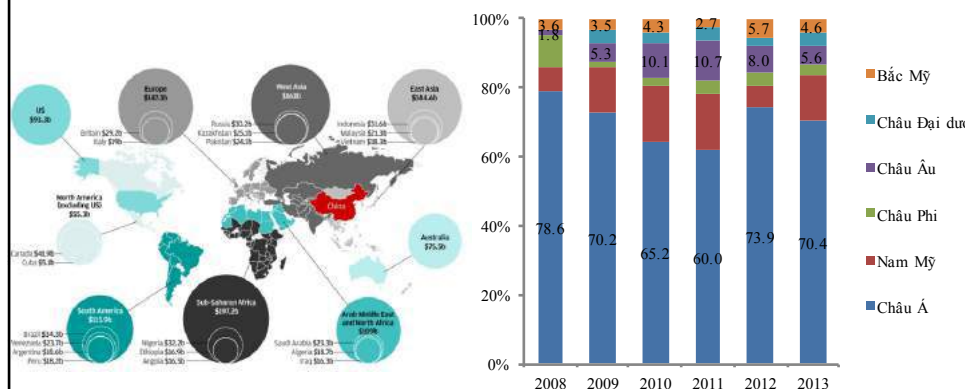
Copyright © VEPR 2016

32

## VEPR ODI của Trung Quốc

Hình: Tổng vốn ODI của Trung Quốc 2005 – 2013 (tỷ USD)

Tỉ trọng vốn ODI Trung Quốc phân theo khu vực 2008 - 2013



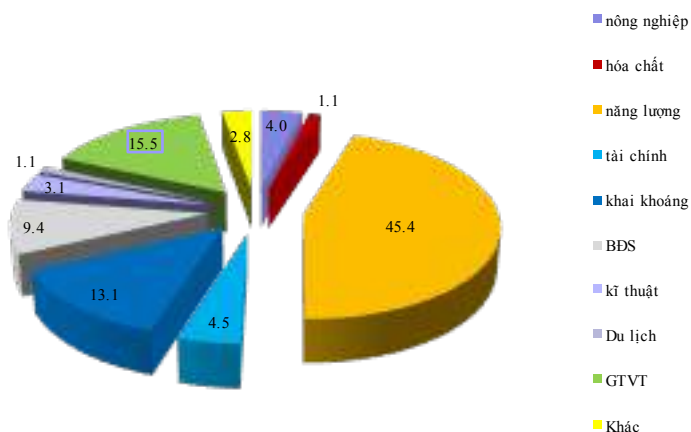
Quý I/2016 các vụ M&A toàn cầu là 311 tỷ USD, Trung Quốc là 101 tỷ

Copyright © VEPR 2016

33

## VEPR ODI của Trung Quốc

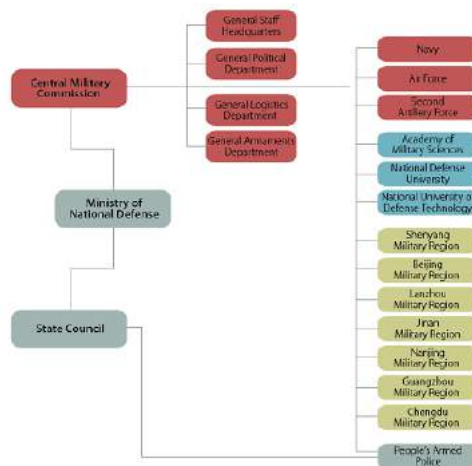
Hình: Phân bổ vốn ODI Trung Quốc theo ngành 2005 – 2014 (%)



Copyright © VEPR 2016

34

## ĐẶC TRƯNG QUYẾT SÁCH KINH TẾ TRUNG QUỐC DƯỚI THỜI TẬP CẬN BÌNH





## Chính trị Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình: Tập trung quyền lực

1. Tổng bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc
2. Chủ tịch nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa
3. Chủ tịch Quân uỷ Trung ương
4. Tổ công tác đặc biệt về các vấn đề đối ngoại
5. Tổ công tác đặc biệt về các vấn đề tài chính kinh tế
6. Tổ công tác đặc biệt về vấn đề Đài Loan
7. Chủ tịch Ủy ban An ninh Quốc gia (tháng 11 năm 2013)
8. Người đứng đầu Tổ công tác đặc biệt trung ương về Cải cách Toàn diện (tháng 12 năm 2013)
9. Người đứng đầu Tổ công tác đặc biệt về An toàn và Thông tin Internet (tháng 2 năm 2014)
10. Người đứng đầu Tổ công tác đặc biệt về cải cách quân đội (tháng 3 năm 2014)



## Quân đội Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình: giảm quyền lực của Bộ Quốc phòng

- Quân uỷ TW TQ đã được tái cơ cấu triệt để, hình thành cục diện “7-3-5” (tổng cộng 15 đơn vị trực thuộc).

### 7 CỤC:

1. Văn phòng Quân uỷ
2. Cục Tham mưu liên hợp
3. Cục Công tác chính trị
4. Cục Đảm bảo Hậu cần
5. Cục Phát triển Trang bị
6. Cục Quản lý huấn luyện (mới)
7. Cục Động viên Quốc phòng (mới).

### 3 ỦY BAN:

8. Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật
9. Ủy ban Chính pháp
10. Ủy ban Khoa học và Công nghệ.

### 5 VĂN PHÒNG:

11. Văn phòng Quy hoạch Chiến lược
12. Văn phòng Biên chế và Cải cách
13. Văn phòng Hợp tác Quân sự Quốc tế
14. Văn phòng Kiểm toán
15. Văn phòng Quản lý hành chính.

## Quân đội Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình: giảm quyền lực của Bộ Quốc phòng

- Mức độ tập trung quyền lực vào Quân ủy TW và cá nhân Chủ tịch Quân ủy là cực lớn. Tập Cận Bình vừa là “kiến trúc sư”, vừa là người thực thi cải cách.
- Vai trò của Bộ Quốc phòng rất mờ nhạt. Quyền lực hiện nay và trong tương lai sẽ ngày càng tập trung vào Tập Cận Bình và Quân ủy TW. Quan hệ giữa Đảng và quân đội đã thay đổi về cơ bản.
- Chức năng và quyền lực của Bộ Tham mưu liên hợp không còn lớn như Bộ Tổng tham mưu trước kia. Không còn quyền trực tiếp điều động, chỉ huy tác chiến, mà chủ yếu là tham mưu và thừa hành quyền chỉ huy tối cao của Chủ tịch Quân ủy.

## Chính trị Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình: Thay đổi về phương cách ra quyết sách – Đặc điểm phân bổ quyền lực trong chính trường Trung Quốc

### Thời kỳ hậu Mao Trạch Đông

- Quyết sách mang tính đồng thuận tập thể, với quyền lực hạt nhân thuộc về Thường vụ Bộ Chính trị
- Quan hệ trung ương – địa phương cho phép địa phương góp ý kiến về hình thành nên “dự thảo”
- Cơ chế này được mở rộng trong thời Hồ-Ôn khi mà truyền thông và SOEs cũng được tham gia (xem thêm Lý Thành)
- Điều phối hàng ngang Bộ ngành tương đối công bằng, các cơ quan điều phối mang tính siêu bộ là một mô hình thu nhỏ của Quốc vụ viện (NDRC)
- Nhà nước có ảnh hưởng hơn Đảng

Chuyển đổi

### Thời kỳ Tập Cận Bình

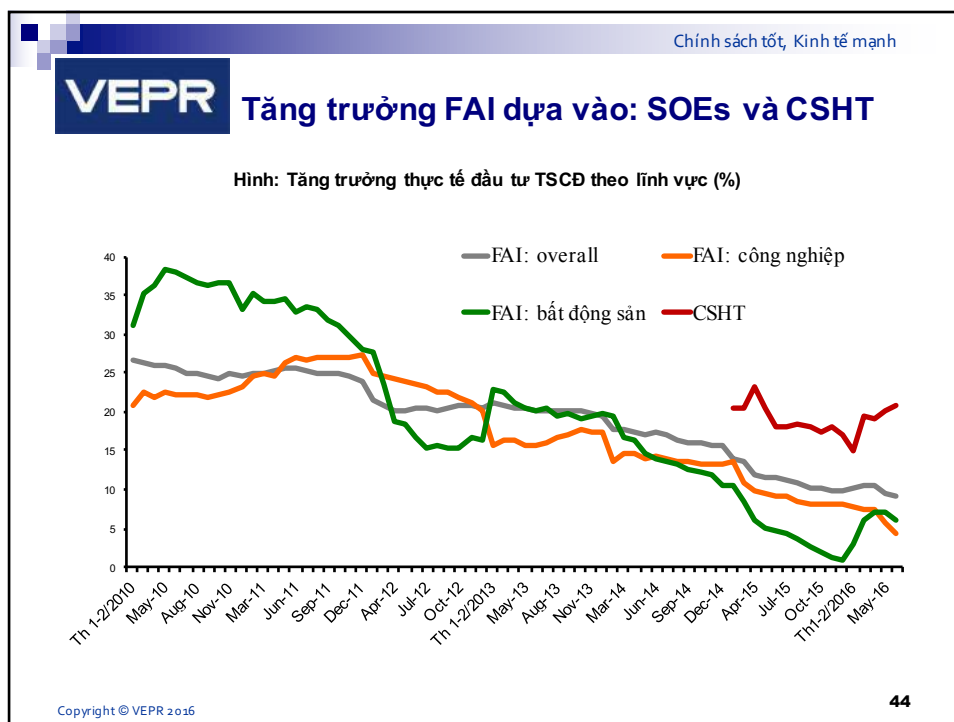
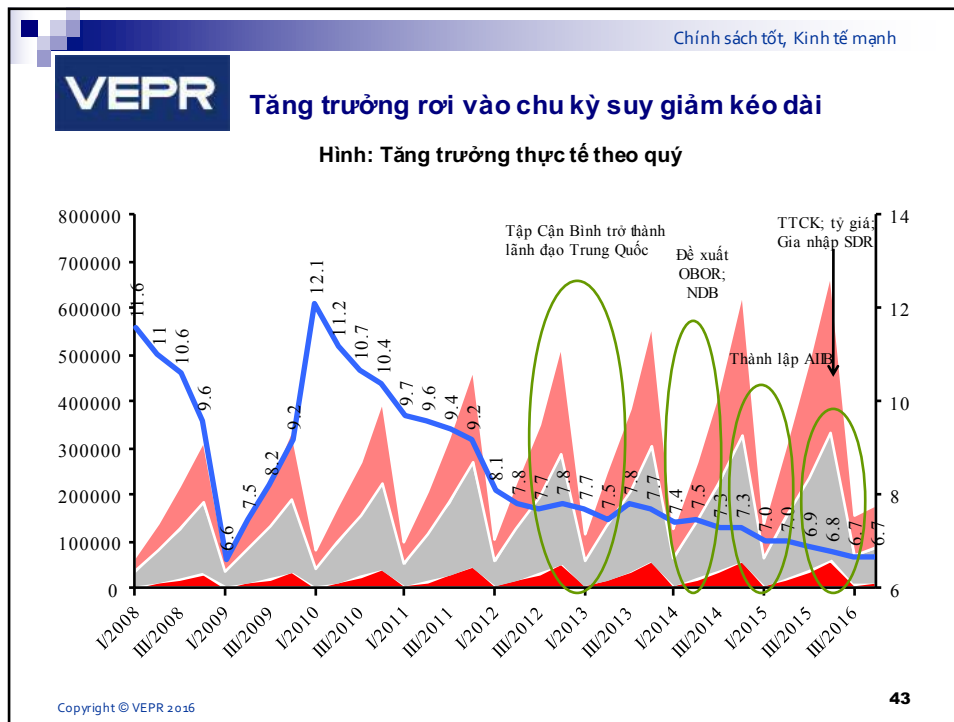
- Tính đồng thuận tập thể, với quyền lực hạt nhân thuộc về Thường vụ Bộ Chính trị dần được thay thế bởi việc “phục tùng” quan điểm của Tập Cận Bình. Số UVTV giảm từ 9 xuống còn 7
- Quyền lực của địa phương bị thu hẹp thông qua các cải cách về thuế và hệ thống tư pháp (Hội nghị Trung ương 4)
- SOEs bị siết chặt bởi Vương Kỳ Sơn – người đứng đầu Ủy ban Kiểm tra TƯ.
- Điều phối hàng ngang được tăng cường quyền lực bởi một cơ quan siêu bộ nằm ngoài Quốc Vụ viện (CDRLSG, CFELSG)
- Đảng dần khôi phục vị trí

## Những đặc điểm chính và thách thức đối với phương cách quyết sách thời Tập Cận Bình và thách thức với cách quyết sách này

- Thượng tầng thiết kế được đẩy mạnh (strengthening top-level design)
- Nhanh chóng (do tinh giản được số cơ tầng tham gia vào quá trình hoạch định quyết sách)
- Cá nhân hóa (dấu ấn các cá nhân thiết kế)
- Cải cách tổng thể dựa trên sự hậu thuẫn chính trị vững chắc
- Áp lực lớn từ bên ngoài

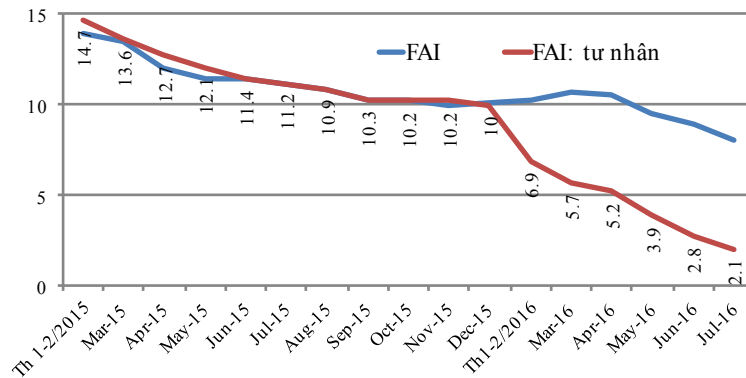
- Hạn chế tính tích cực, sáng tạo của địa phương
- Gia tăng mức độ thiếu minh bạch; gia tăng chi phí diễn giải và thực thi
- Làm suy giảm quyền lực của một số cơ quan ngang Bộ quan trọng như PBoC, MOF
- Áp lực lớn từ bên ngoài thời kỳ này khác với thời Giang Trạch Dân
- Thí điểm có thể không còn phù hợp khi cải cách vào vùng nước sâu

## KINH TẾ TRUNG QUỐC DƯỚI THỜI TẬP CẬN BÌNH: ƯU TIÊN CẢI CÁCH HAY TĂNG TRƯỞNG



**VEPR**

## Đầu tư của khu vực tư nhân sụt giảm mạnh



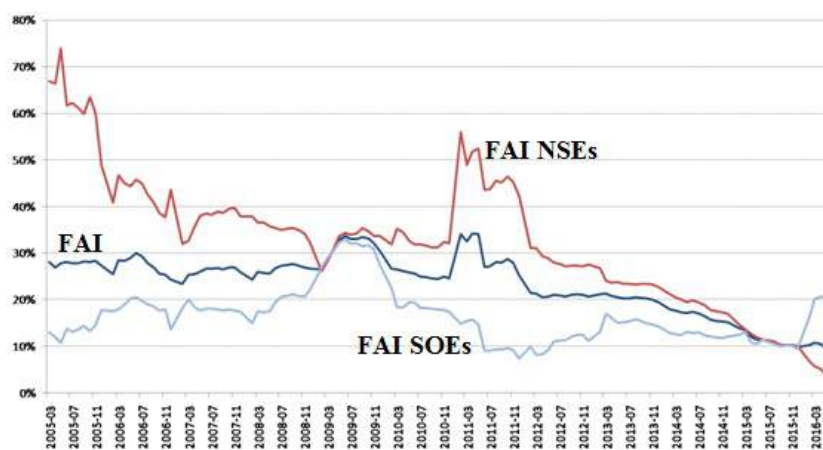
- Sự gia tăng vai trò quản lý của Đảng trong các SOEs → phí thị trường?
- Đầu tư của khu vực tư nhân đóng góp trên 60% tổng đầu tư TSCĐ, giảm từ 65,1% còn 61,5%
- Đầu tư SOEs: tăng từ 9,5% lên 23,5%; đầu tư của SOEs chiếm 72% đầu tư vào CSHT

Copyright © VEPR 2016

45

**VEPR**

## Đầu tư của khu vực tư nhân sụt giảm mạnh



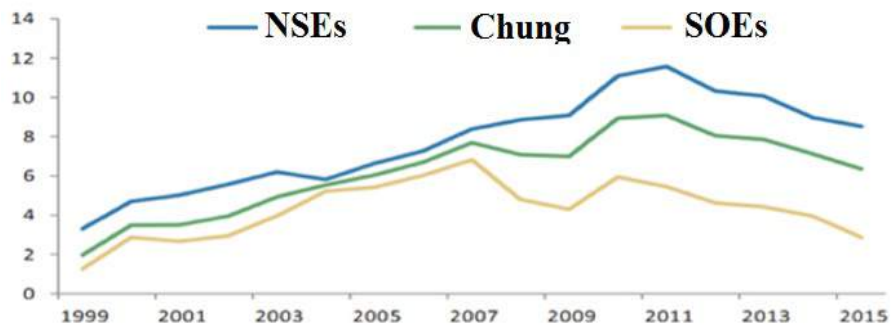
Copyright © VEPR 2016

46

**VEPR**

## SOEs gia tăng đầu tư trong bối cảnh là khu vực kém hiệu quả nhất

Hình: ROA của các khu vực doanh nghiệp Trung Quốc (%)



Copyright © VEPR 2016

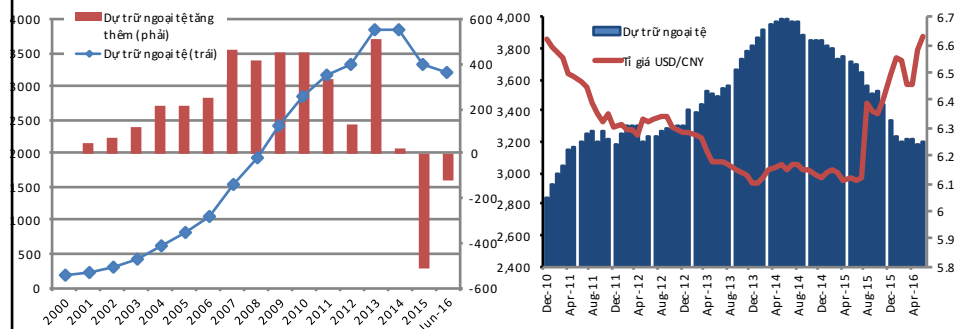
47

**VEPR**

## Làn sóng rút vốn của các nhà đầu tư nước ngoài

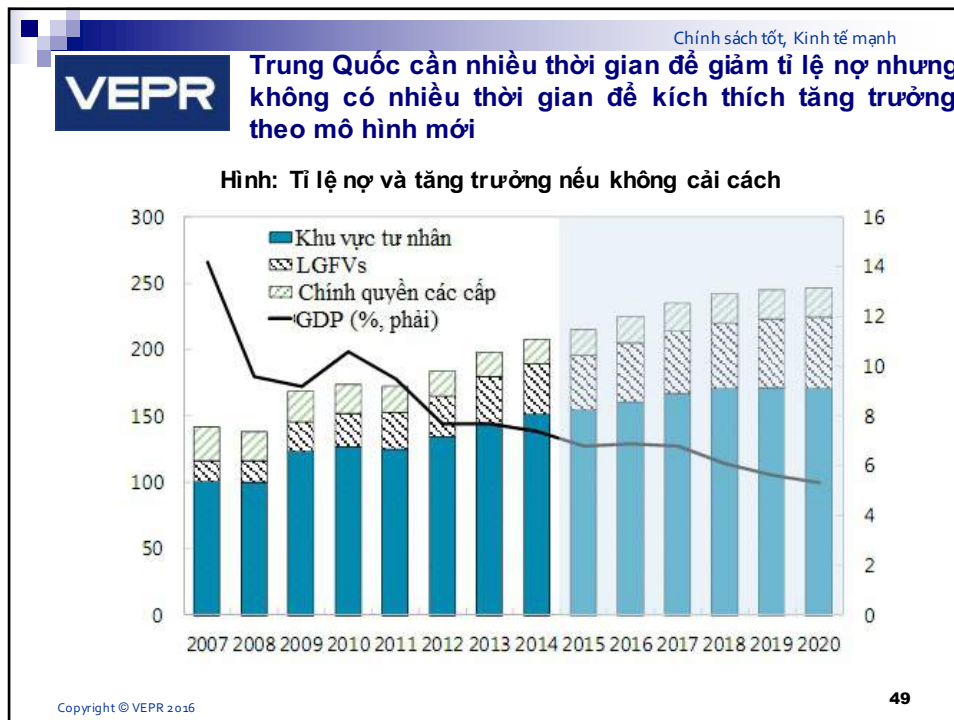
Hình: Dự trữ ngoại tệ (Tỷ USD)

Hình: Tỷ giá và dự trữ ngoại tệ theo tháng



Copyright © VEPR 2016

48



Chính sách tốt, Kinh tế mạnh

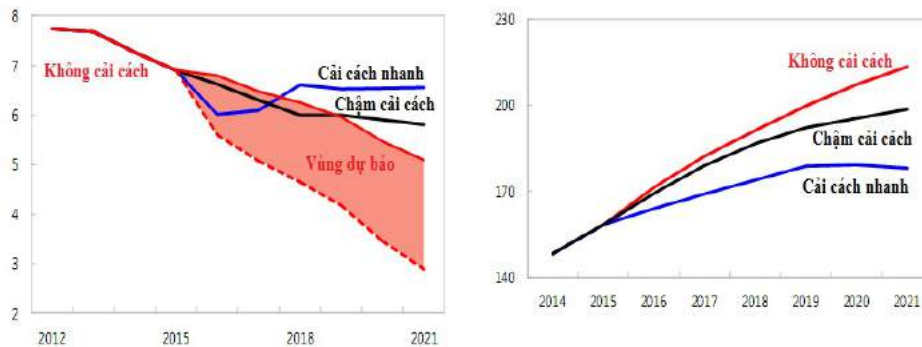
**VEPR** Ba kịch bản cải cách

- Cải cách chậm (baseline): tiến hành các cải cách trong vòng 2-5 năm, cải cách tài chính sau 5 năm mới khởi động
- Cải cách nhanh: tiến hành lập tức các cải cách, cải cách tài chính có thể tiến hành sau 2 năm
- Không cải cách

Copyright © VEPR 2016

50

Hình: Tăng trưởng kinh tế và tỷ lệ đòn bẩy theo ba kịch bản



- Về tái cân bằng 1:
  - Là quá trình lâu dài, các vấn đề xã hội có thể khiến quá trình chuyển đổi này chậm hơn khi chính phủ có thể phải hy sinh tái cân bằng một phần cho tăng trưởng và việc làm
  - Tăng trưởng đang dựa vào đầu tư CSHT và đầu tư của SOEs
- Về tái cân bằng 2:
  - Các cải cách quyền tài sản hầu như chưa có chuyển động
  - Thể chế nhệ nguyên (hộ khẩu) chưa được dỡ bỏ
  - Hiệu ứng chèn ép của khu vực kinh tế nhà nước bắt đầu gia tăng
  - Can thiệp của Đảng vào hoạt động kinh tế của SOEs
  - Cơ chế quyết sách tập quyền (có thể) mâu thuẫn với bản chất phân quyền của kinh tế thị trường
- Về hoạt động hướng ra bên ngoài:

**VEPR**

# Cảm ơn lắng nghe!

## Q&A

## Sáng kiến “Một vành đai, một con đường” của Trung Quốc, vấn đề đặt ra và lựa chọn chính sách của Việt Nam

**NGUYỄN QUỐC TRƯỜNG**  
Viện Chiến lược phát triển,  
Bộ Kế hoạch và Đầu tư



1

Khái quát về “Một vành đai, một con đường”

2

Những đề xuất của TQ với ASEAN và Việt Nam

3

Một số vấn đề đặt ra với Việt Nam

4

Kiến nghị các lựa chọn của Việt Nam

## I. Khái quát về sáng kiến “Một vành đai, một con đường”

**1. Bối cảnh và xu thế:** Kết nối trở thành xu thế lớn ở châu Á-TBD

### 2. Xuất xứ ý tưởng

\* Chen Si/Báo cáo của Tập đoàn Pan China

\* Tháng 9/2013, TCB thăm Trung Á;  
Tháng 10/2013, TCB thăm Indonesia

\* Tháng 3/2015, tài liệu “Tầm nhìn hành động...”

**3. Mục tiêu:** Hội nhập kinh tế khu vực; kết nối Á-Âu; hình thành một hình hợp tác, quản trị toàn cầu mới; tăng cường kinh tế đối ngoại của TQ

**4. Các nội dung hợp tác:** Thông chính sách; thông hạ tầng; thông thương mại; thông tiền tệ; thông lòng dân



## II. Những đề xuất hợp tác của TQ với ASEAN và VN

### 1. Các đề xuất với ASEAN

Hợp tác song phương và các sáng kiến đa phương có nội dung “MVĐMCD”

### 2. Các đề xuất với Việt Nam

\* Lập các tổ công tác

\* Kết nối chiến lược

\* Ký MOU MVĐMCD và HHLMVĐ

**Lưu ý:** Sáng kiến của TQ bao trùm các cơ chế hợp tác hiện có.



### DS các nước đã ký MOU với TQ

| TT | Tên nước   | Cơ quan ký      | Loại văn bản   |
|----|------------|-----------------|----------------|
| 1  | Tajikistan | Ủy ban Cải phát | MOU            |
| 2  | Kazakhstan | Ủy ban Cải phát | MOU            |
| 3  | Qatar      | Ủy ban Cải phát | MOU            |
| 4  | Kuwait     | Ủy ban Cải phát | MOU            |
| 5  | Hàn Quốc   | Ủy ban Cải phát | MOU            |
| 6  | Hungary    | Bộ Ngoại giao   | MOU            |
| 7  | Malaysia   | Bộ Thương mại   | MOU            |
| 8  | Maldives   | Bộ Thương mại   | MOU            |
| 9  | Sri Lanka  | Bộ Thương mại   | MOU            |
| 10 | Sri Lanka  | Bộ Thương mại   | MOU            |
| 11 | Nepal      | Bộ Thương mại   | MOU            |
| 12 | Moldova    | Bộ Thương mại   | MOU            |
| 13 | Kyrgyzstan | Bộ Thương mại   | MOU            |
| 14 | Georgia    | Bộ Thương mại   | MOU            |
| 15 | Armenia    | Bộ Thương mại   | MOU            |
| 16 | Uzbekistan | Bộ Thương mại   | MOU            |
| 17 | Ukraine    | Bộ Thương mại   | MOU            |
| 18 | Belarus    | Bộ Thương mại   | MOU            |
| 19 | Nga        | Chính phủ       | Tuyên bố chung |
| 20 | Mông Cổ    | Chính phủ       | Tuyên bố chung |

## II. Những đề xuất hợp tác của TQ với ASEAN và VN

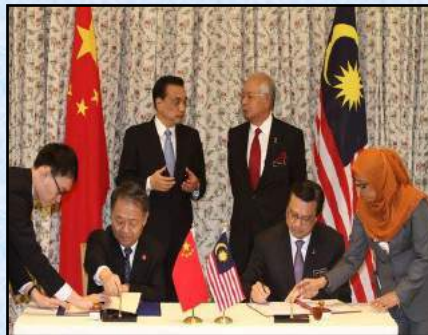
### 3. Mức độ hưởng ứng của các nước ASEAN

\*Tham gia AIIB (trừ Philippines)

\*Sơ bộ hoan nghênh sáng kiến của TQ (VN nêu trong Tuyên bố chung 2015)

\*Nhiệt tình hưởng ứng-Trường hợp Malaysia

- Ký MOU
- Bổ nhiệm Đặc sứ của Thủ tướng
- Ký MOU lập Liên minh cảng biển (6 của Malaysia; 10 của TQ).
- Kêu gọi Trung Quốc đầu tư vào các dự án cảng biển của Malaysia.



Hai Bộ trưởng Giao thông TQ và Malaysia ký MOU lập Liên minh cảng biển giữa hai nước, tại Kuala Lumpur ngày 23/11/2015.

## III. Cơ hội hợp tác và một số vấn đề đặt ra với Việt Nam

### 1. Cơ hội hợp tác

a. Kết nối chính sách

b. Kết nối hạ tầng

-Về đường bộ

-Về cảng biển

c. Kết nối thương mại

d. Kết nối về tài chính

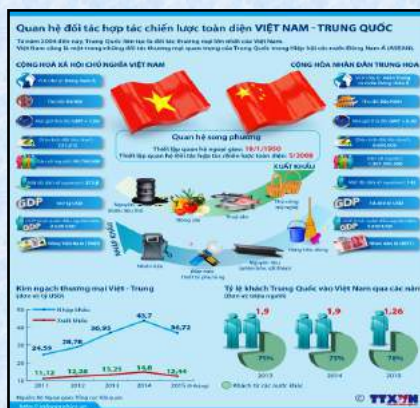
e. Kết nối con người

#### \*Đánh giá cơ hội hợp tác:

-Phù hợp xu thế hợp tác khu vực

-Đã có trong các cơ chế hợp tác song phương

-Không khả thi trong thực tế triển khai hợp tác; vấn đề lòng tin.



Tổng quan hợp tác toàn diện Việt Nam-Trung Quốc.

### III. Cơ hội hợp tác và một số vấn đề đặt ra với Việt Nam

#### 2. Một số vấn đề đặt ra

##### a. Các vấn đề về an ninh, đối ngoại

\*Vấn đề chủ quyền do CĐTLTB bao gồm cả Biển Đông; TQ có thể khẳng định chủ quyền qua UNESCO.

\*Việc ký MOU với TQ có thể gây bất lợi về đối ngoại với Mỹ và một số đối tác

\*Việt Nam còn mơ hồ và trong thế “tiến thoái lưỡng nan” trước đề xuất hợp tác của TQ (Tuyên bố chung nêu “thúc đẩy hợp tác”, nhưng triển khai không dễ)

\*Các dự án thuộc HLKT TQ-ASEAN có nguy cơ làm suy giảm hợp tác VN-Lào, CPC

##### b. Các vấn đề về kinh tế

\*Giải quyết mối quan hệ hợp tác kinh tế và bảo đảm an ninh quốc gia.

\*Giải quyết các vấn đề tồn tại trong hợp tác kinh tế giai đoạn trước (bồ-xít Tây nguyên; các dự án do TQ làm tổng thầu...).

\*Xử lý các thách thức khi kết nối các lĩnh vực sản xuất (đã MOU): Công nghệ lạc hậu, các dự án gây ô nhiễm môi trường...

\*Cạnh tranh cảng biển hơn là hợp tác.

### IV. Kiến nghị một số lựa chọn chính sách

#### 1. Về kết nối chính sách:

\*Không ký MOU

\*Tăng cường trao đổi chính sách (thương mại, biên mậu, thuế, Khu hợp tác kinh tế xuyên biên giới...).

\*Tăng cường trao đổi thông tin giữa chuyên gia các bộ, ngành, các viện nghiên cứu của hai bên

#### 2. Về kết nối hạ tầng

\*Không kết nối cảng biển (không cần vốn; quan hệ cạnh tranh).

\*Không vay vốn phát triển đường bộ.

\*Nghiên cứu hợp tác đường sắt (LC-HN-HP).

\*Hợp tác phát triển hạ tầng cửa khẩu.

\*Nghiên cứu hình thành HLKT TK-TĐ-QĐ-BS và CB-LS-HN-HP.

*Thi công trạm kiểm soát ở cửa khẩu Trà Lĩnh, Cao Bằng.*



## IV. Kiến nghị một số lựa chọn chính sách

### 2. Về kết nối hạ tầng

\*Phát triển một số tuyến đường bộ kết nối với Lào, Campuchia theo các HLKT Đông-Tây; HLKT phía Nam. Một số tuyến đường ưu tiên gồm:

- Tuyến TP Hồ Chí Minh-Lộc Ninh-Phnompenh
- Tuyến QL 13-18 (Lào) qua Cầu Treo (HT)/Nậm Phao (BLKX) – QL 8-Đường Hồ Chí Minh-Đại lộ Thăng Long.
- Tuyến cao tốc kết nối Savannakhet-cửa khẩu Lao Bảo-Cam Lộ (Quảng Trị).



## IV. Kiến nghị một số lựa chọn chính sách

### 3. Hợp tác thương mại

\*Nghiên cứu, thí điểm Khu HTKTQBG.

### 4. Hợp tác tài chính

\*Triển khai MOU của Nhóm công tác song phương về hợp tác tài chính

\*Thí điểm hoán đổi tiền tệ song phương.

### 5. Kết nối con người

\*Đào tạo nhân lực và bảo vệ quyền lợi người lao động ở KV biên giới.

\*Hợp tác du lịch quy mô lớn; chú trọng thị trường Trung-Tây Nam TQ.

\*Thông tin: Tăng cường hiểu biết, giảm hiểu lầm

### 6. Có kế hoạch tổng thể; phối hợp liên ngành chặt chẽ.



Giao lưu hữu nghị Quốc phòng biên giới Việt-Trung lần thứ 2 (2015), tại Hà Khẩu, Vân Nam.

***Thank you very much  
for your attention!***

## VAI TRÒ CỦA NGƯỜI HOA VÀ DI DÂN NGƯỜI TRUNG QUỐC MỚI TRONG CHIẾN LƯỢC CỦA TRUNG QUỐC HIỆN NAY

TS. DƯƠNG VĂN HUY

*Viện Nghiên cứu Đông Nam Á*



## Ai là người Hoa, Hoa kiều và Di dân người Trung Quốc mới?

**Người Hoa (华人/海外华人/外籍华人):**

- Theo nghĩa rộng là chỉ những người Hoa kiều và người gốc Hoa.
- Theo nghĩa hẹp là chỉ “những người ở Trung Quốc gồm người người Hán và những tộc người có huyết thống gần với người Hán” + “những người ở hải ngoại gồm người người Hán và những tộc người có huyết thống gần với người Hán”.
- **Người gốc Hoa (华裔):** Là chỉ con cái thế hệ sau của người Hoa, Hoa kiều mà được sinh ra ở nước ngoài.



## Hoa kiều (华侨/Overseas Chinese/Chinese Diaspora)

- Theo như quy định của luật pháp Trung Quốc thì **Hoa kiều là những công dân Trung Quốc định cư ở nước ngoài**. (Định cư ở đây có nghĩa là có được quyền cư trú ở nước ngoài, phạm những di dân Trung Quốc mới các loại có được quyền cư trú ở nước ngoài, đều là Hoa kiều; nhập quốc tịch ở nước ngoài là người Hoa quốc tịch nước ngoài) (Theo: *Nhân dân Nhật Báo*)
- Những người không được coi là Hoa kiều gồm:**
  - Thứ nhất**, lưu học sinh du học tại nước ngoài (bao gồm lưu học sinh do đi theo diện tiền nhà nước và tự phí) trong thời gian học tập ở nước ngoài, không được coi là định cư, không có thân phận Hoa kiều.
  - Thứ hai**, những người ra nước ngoài làm việc (bao gồm công nhân theo hợp đồng) trong thời gian làm việc tại nước ngoài không được coi là định cư, không có thân phận Hoa kiều.



## Di dân người Trung Quốc mới (新移民) và một số khái niệm khác

- Di dân người Trung Quốc mới (新移民):** Thường chỉ những người Trung Quốc di cư ra nước ngoài từ sau khi Trung Quốc tiến hành Cải cách mở cửa (bao gồm người di cư từ Trung Quốc đại lục, người Đài Loan, Hồng Kông, Ma Cao).
- Hoa kiều về nước (Quy kiều 归侨):** Là những Hoa kiều về Trung Quốc định cư, và những người gốc Hoa về Trung Quốc định cư và sau khi khôi phục quốc tịch Trung Quốc, gọi chung là quy kiều.
- Kiều quyến (侨眷):** là người nhà của Hoa kiều đang ở Trung Quốc. Những người Hoa kiều sau khi về Trung Quốc, người thân của họ ở trong nước cũng được gọi là Kiều quyến.



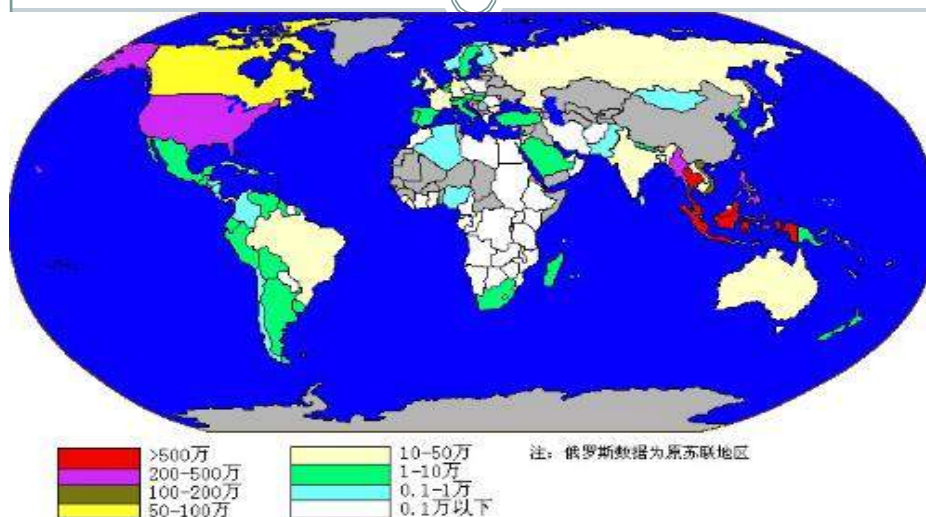
### Số lượng và sự phân bố người Hoa và Hoa kiều ở các châu lục năm 2008

(Đơn vị: người)

| Khu vực        | Số người/tỷ lệ %* | Di dân mới/tỷ lệ %** |
|----------------|-------------------|----------------------|
| Tổng số        | 45.430.000/100,00 | 10.300.000/22,60     |
| Châu Á         | 35.480.000/78,10  | 4.000.000/11,27      |
| Châu Mỹ        | 6.300.000/13,90   | 3.500.000/56,00      |
| Châu Âu        | 2.150.000/4,70    | 1.700.000/79,00      |
| Châu Đại Dương | 950.000/2,10      | 600.000/63,00        |
| Châu Phi       | 550.000/1,20      | 500.000/90,00        |

\* Chiếm % tổng số người Hoa, Hoa kiều toàn thế giới; \*\* Chiếm % tổng số người Hoa, Hoa kiều ở tại

### Phân bố người Hoa và Hoa kiều trên thế giới



**Phân bố người Hoa và Hoa kiều ở Đông Nam Á và tỷ lệ % so với dân số sở tại**  
(đơn vị: người)

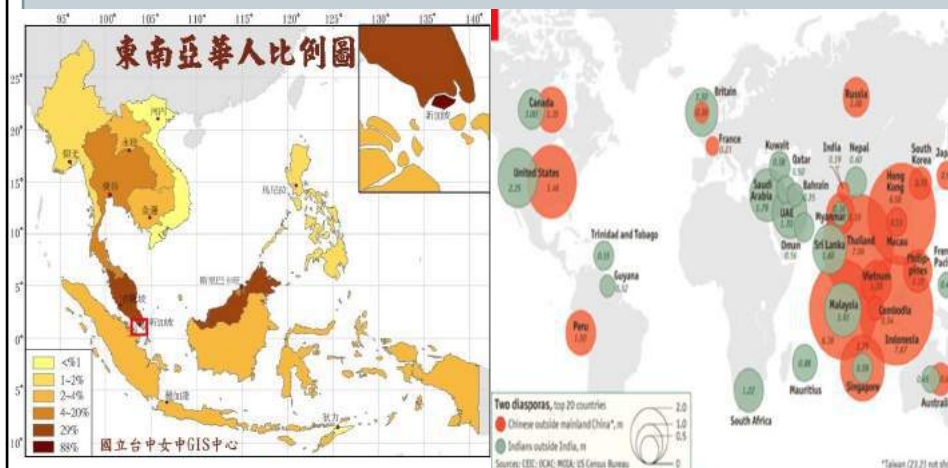
| Nước        | Năm         | Số người          | Tỷ lệ % so với tổng dân số sở tại | Số lượng di dân mới        |
|-------------|-------------|-------------------|-----------------------------------|----------------------------|
| Indonesia   | 2007        | 10.000.000        | 4,1%                              | 100.000                    |
| Thái Lan    | 2007        | 7.000.000         | 11%                               | 350.000-400.000            |
| Malaysia    | 2006        | 6.450.000         | 23,7%                             | 100.000-150.000            |
| Singapore   | 2007        | 3.600.000         | 77%                               | 350.000                    |
| Myanmar     | 2007        | 2.500.000         | 4,5%                              | 1.000.000-1.100.000        |
| Philippines | 2006        | 1.500.000         | 1,6%                              | 200.000                    |
| Việt Nam    | 2007        | 1.400.000         | 1,67%                             | 100.000-150.000            |
| Campuchia   | 2007        | 700.000           | 5%                                | 200.000-250.000            |
| Lào         | 2007        | 280.000           | 15%                               | 130.000                    |
| Brunei      | 2007        | 56.000            | 15%                               | -                          |
| <b>Tổng</b> | <b>2007</b> | <b>33.486.000</b> | <b>5,96%</b>                      | <b>2.530.000-2.830.000</b> |

Nguồn: Khảo sát người Hoa và Hoa kiều hải ngoại năm 2008, Center for Southeast Studies, Xiamen University

**Phân bố người Hoa, Hoa kiều ở Đông Nam Á**

**Đông Nam Á**

**Đông Nam Á so với thế giới**



## Di dân Trung Quốc mới



## Loại hình và đặc điểm di cư của người Trung Quốc

### Loại hình:

- Di dân du học sinh: Di dân hình thức này chủ yếu là đến các quốc gia phát triển, nhất là Âu, Mỹ...
- Di dân lao động không kỹ năng: chủ yếu là xin định cư nước ngoài theo người thân (chủ yếu đến Mỹ) và một bộ phận di dân bất hợp pháp
- Di dân thương mại và đầu tư
- Di dân lao động theo hợp đồng



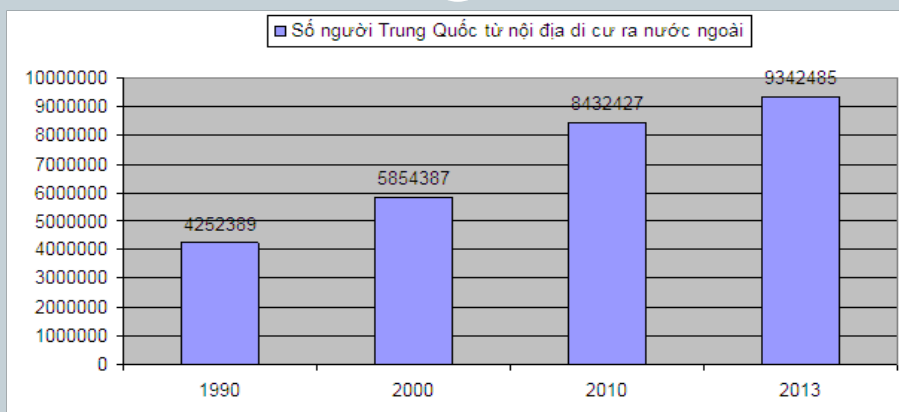
### Đặc điểm:

- Sự phân bố của người Hoa, Hoa kiều rất rộng, nhưng tập trung chủ yếu ở các quốc gia châu Á (nhất là Đông Nam Á) và các quốc gia phát triển.
- Người Hoa, Hoa kiều chủ yếu tập trung ở các “Chinatown” ở các thành phố lớn. Có khoảng 53 khu “Chinatown” trên 22 quốc gia trên thế giới; tỷ lệ người Hoa, Hoa kiều sống ở thành phố thị trấn/nông thôn khoảng 7/3, 8/2 thậm chí là 9/1.
- Liên kết tụ cư của người Hoa, Hoa kiều chủ yếu dựa trên mối quan hệ cùng nguyên quán, quan hệ đồng hương, quan hệ đồng tộc. Chẳng hạn như, ở Philipines số 1,1 triệu người Hoa ở đây, có tới 85% là người Mân Nam (Phúc Kiến) có cùng nguyên quán; ở Thái Lan có tới 70% là người Triều Châu cùng nguyên quán; người Hoa ở Tây Âu chủ yếu là người khu vực Ôn Châu thuộc Chiết Giang, v.v.
- Người Hoa, Hoa kiều khu vực Đông Nam Á gia tăng về số lượng người Hoa, nhưng tỷ lệ so với dân số sở tại giảm; các châu lục khác thì gia tăng cả về mặt số lượng người Hoa và tỷ lệ so với dân số sở tại. Số lượng di dân Trung Quốc mới khu vực này gia tăng từ từ.

## Chinatown (中国城/唐人街)

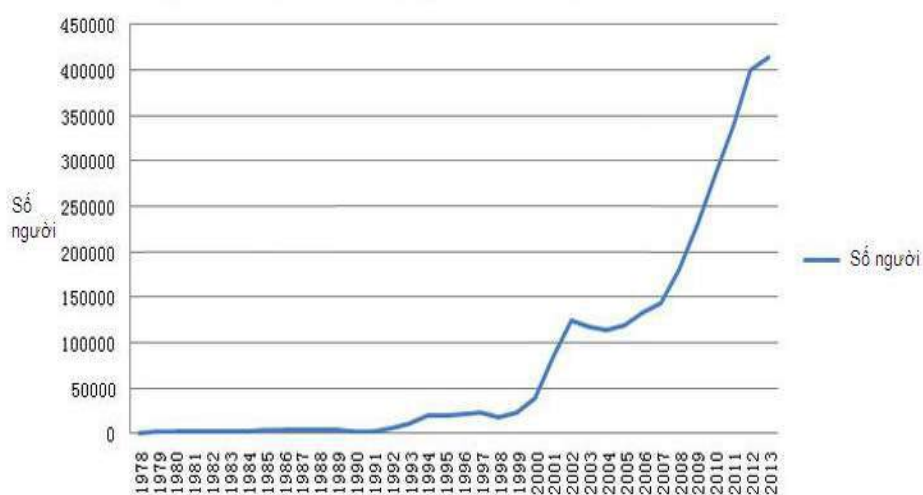


### Biểu đồ tình hình di dân Trung Quốc ra nước ngoài từ năm 1990 tới 2013



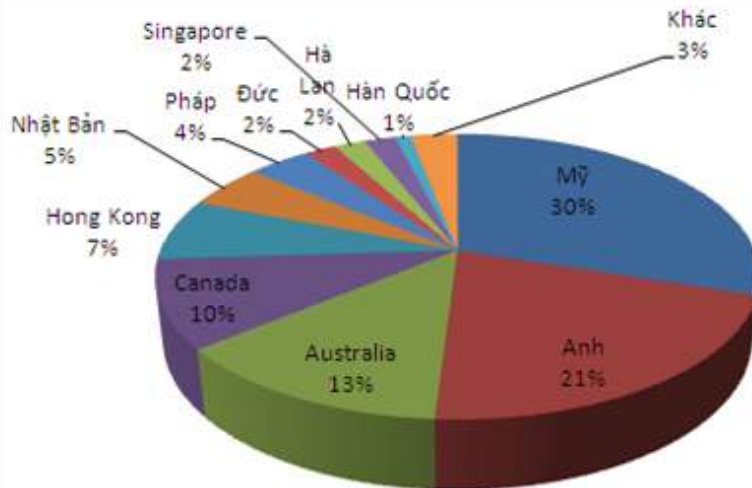
**Nguồn:** Tổng hợp từ nhiều nguồn khác nhau

### Tổng số người Trung Quốc đi nước ngoài du học qua các năm từ 1978-2013

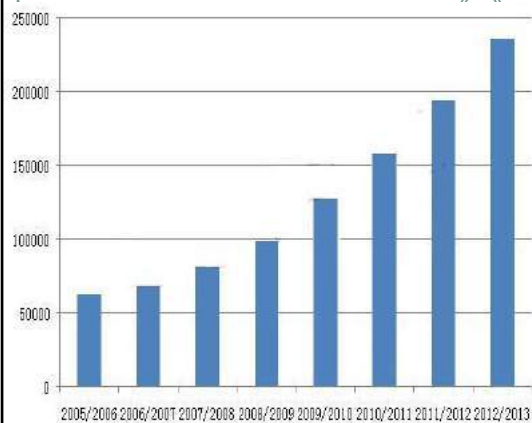


**Nguồn:** Báo cáo xu thế du học năm 2014

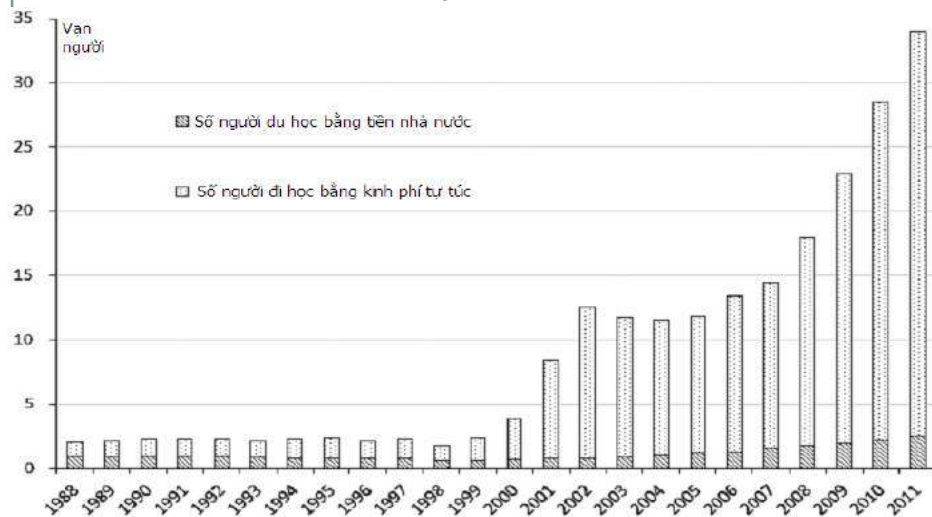
## Tỷ lệ lưu học sinh Trung Quốc tại các quốc gia



## Số học lưu học sinh Trung Quốc tại Mỹ từ năm học 2005/2006-2012/2013

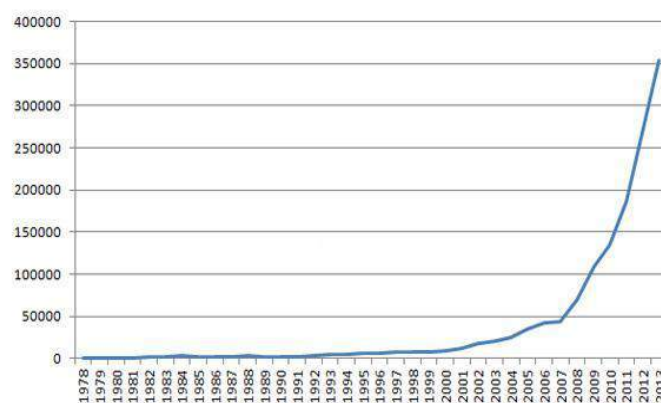


### Sự thay đổi về số du học sinh Trung Quốc đại lục từ năm 1988 đến 2011



**Nguồn:** Zhang Guimin, *Di dân quốc tế đối với dân số Trung Quốc và xu thế phát triển gần đây*, Đại học Ritsumeikan, 27-4, tháng 3/2015

### Số du học sinh về nước từ năm 1978-2013



**Nguồn:** Báo cáo xu thế du học năm 2014

## Vai trò của người Hoa, Hoa kiều đối với Trung Quốc qua các thời kỳ



## Người Hoa, Hoa kiều có vai trò quan trọng đối với Trung Quốc thế kỷ trước

- Người Hoa đã đóng góp sức người sức của cho cách mạng dân chủ của Trung Quốc. Năm 1894, Tôn Trung Sơn lập Hưng Trung Hội ở Honolulu- đoàn thể cách mạng đầu tiên ở Trung Quốc, trong đó 78% thành viên là Hoa kiều, sau trở thành cốt cán của Đồng Minh Hội. Năm nổ ra Cách mạng Tân Hợi, Hoa kiều đã quyên góp 5,6 triệu đồng.
- Thời kỳ Trung Quốc mới được thành lập (1949), thu nhập kiều hối đã giúp đỡ cho công cuộc xây dựng Trung Quốc. Đến giữa những năm 90 thế kỷ trước, vốn đầu tư của người Hoa, Hoa kiều về Trung Quốc chiếm 80% tổng vốn đầu tư nước ngoài tại nước này.



## Vai trò quan trọng của người Hoa, Hoa kiều ở Đông Nam Á đối với cải cách mở cửa của Trung Quốc

- Kể từ sau cải cách mở cửa của Trung Quốc, đầu tư của người Hoa, Hoa kiều ở Đông Nam Á vào Trung Quốc đại lục luôn giữ vị trí hàng đầu, chiếm hơn 50% kim ngạch đầu tư nước ngoài vào Trung Quốc đại lục, nhất là thời kỳ đầu của cải cách mở cửa.
- Vai trò quan trọng của người Hoa, Hoa kiều tại các quốc gia như Singapore, Malaysia, Thái Lan, Indonesia, Philippines.

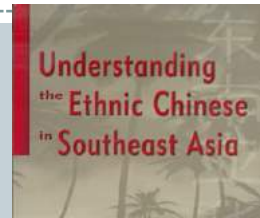


Figure 3.13  
© H. A. Roth & J. O. Muller, and John Wiley & Sons, Inc.

## FDI của Hoa kiều tại 5 quốc gia Đông Nam Á đối với Trung Quốc đại lục từ 1992 – 1998 (Đơn vị: triệu USD)

| Nước        | 1992  | 1993  | 1994   | 1995   | 1996   | 1997   | 1998   |
|-------------|-------|-------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Indonesia   | 202   | 678   | 1.150  | 1.120  | 940    | 800    | 690    |
| Malaysia    | 247   | 914   | 2.010  | 2.590  | 4.600  | 3.820  | 3.400  |
| Philippines | 166   | 1.225 | 1.405  | 1.060  | 560    | 1.560  | 1.790  |
| Thái Lan    | 197   | 843   | 2.344  | 2.880  | 3.230  | 1.940  | 2.050  |
| Singapore   | 1.259 | 4.918 | 11.796 | 13.510 | 22.440 | 26.060 | 34.040 |
| Tổng        | 2.071 | 8.578 | 18.705 | 21.160 | 31.770 | 34.180 | 41.970 |

Nguồn: Niên giám kinh tế mậu dịch đối ngoại Trung Quốc, Bộ Thương mại Trung Quốc

## Khái quát chính sách của Trung Quốc đối với cộng đồng người Hoa, Hoa kiều

### - Từ “Lạc địa quy căn” đến “Lạc địa sinh căn” -

- Xác định vai trò của người Hoa, Hoa kiều đối với Trung Quốc:
  - Coi người Hoa và Hoa kiều là lực lượng cách mạng;
  - Hiến pháp nước CHND Trung Hoa năm 1954 quy định: “*Chính phủ nước CHND Trung Hoa có trách nhiệm bảo vệ quyền lợi chính đáng của Hoa kiều ở nước ngoài.*”



## Từ năm 1949 đến 1976

- **Thời kỳ 1949-1966:**
  - Trung Quốc thực hiện phương châm: “*Bảo vệ lợi ích Hoa kiều, tạo điều kiện cho Hoa kiều về nước*” kêu gọi Hoa kiều “*mua công trái*”, mà kiều hối là trọng tâm để góp sức xây dựng Trung Quốc mới; coi công tác giáo dục người Hoa về lòng yêu nước và “*nghĩa vụ với Tổ quốc*” là nhiệm vụ chiến lược.
  - Bổ sung chính sách “*Lạc địa quy căn*” (lả rụng về cội), ủng hộ “*song trùng quốc tịch*” (hai quốc tịch)
  - Động đảo trí thức, thanh niên Hoa kiều về Trung Quốc.
  - Khi nước sở tại đối xử không tốt với người Hoa, Hoa kiều, thì Trung Quốc phản đối lập tức và có biện pháp cụ thể để ủng hộ, giúp đỡ họ.



## Từ năm 1949 đến 1976 (tiếp)

### • Thời kỳ 1968-1976:

- Đây là thời kỳ 10 năm *Đại cách mạng văn hoá*. Thời kỳ coi đấu tranh giai cấp là trung tâm, lấy đấu tranh giai cấp làm cương lĩnh, cho nên công tác Kiều vụ bị gián đoạn nghiêm trọng.
- Hoa kiều, kiều quyền bị quy kết là “quan hệ hải ngoại”, làm “đặc vụ” cho nước ngoài, nên “không cho ra nước ngoài, không cho thăm thân, không được thư từ quà cáp”, người Hoa, Hoa kiều ở nước ngoài không được về nước thăm thân, định cư. Nếu người Hoa về Trung Quốc tham quan, du lịch, thì kiểm soát nghiêm ngặt, cơ quan Kiều vụ không được tiếp đãi,...



## Từ năm 1976 tới nay

- Đây là thời kỳ Trung Quốc điều chỉnh, sửa đổi sai trái trong chính sách người Hoa, Hoa kiều trong thời kỳ “*cách mạng văn hoá*”.
- Trung Quốc đề ra 16 chữ: “*nhất thị đồng nhân, bất đắc kỳ thị, căn cứ đặc điểm, thích đáng chiếu cố*” (đối xử bình đẳng, không được kỳ thị, căn cứ đặc điểm, quan tâm thoả đáng).
- Không thừa nhận song trùng quốc tịch, khuyến khích người Hoa kiều tham gia nhập quốc tịch nước sở tại theo chính sách “*Lạc địa sinh căn*” (bám rễ tại chỗ).
- Bảo vệ quyền lợi chính đáng của Hoa kiều, yêu cầu chính phủ các nước có Hoa kiều, người Hoa phải có chính sách đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cộng đồng này.



## Từ năm 1976 tới nay (tiếp)

- Từ năm 1978 tới nay, Trung Quốc đã ban hành hơn 60 văn bản liên quan đến người Hoa, Hoa kiều như *Luật bảo vệ quyền lợi cho quy kiều và kiều quyền của nước CHND Trung Hoa*; *Quy định của Quốc vụ viện Trung Quốc về việc khuyến khích Hoa kiều về đồng bảo Hồng Công*; *Ma Cao đầu tư vào trong nước*; *Quy định tạm thời về ưu đãi đối với đầu tư của Hoa kiều*; *Quy định về việc Hoa kiều về nước đột xuất không cần phải làm visa nhập cảnh*, v.v.
- Tiến hành sửa án oan, án sai, giảm án cho 60.000 Hoa kiều về nước và thân nhân của họ, trả lại 81% tài sản nhà của bị tịch thu, trưng dụng tại nông thôn trước đây, 76% quyền sở hữu nhà ở của Hoa kiều ở thành thị, v.v.



## Bộ máy tổ chức Kiều vụ của Trung Quốc

- Sau khi thành lập nước CHND Trung Hoa (1/10/1949), thành lập *Ủy ban Kiều vụ của chính phủ Nhân dân TW*
- Năm 1954 đổi thành *Ủy ban Kiều vụ nước CHND Trung Hoa*. Chức năng chính là bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Hoa kiều, tiếp đón nạn kiều về nước, chỉ đạo sản xuất nông trường Hoa kiều, hướng dẫn quy kiều, kiều quyền tham gia xây dựng CNXH, kêu gọi Hoa kiều về nước đầu tư sản xuất, mở trường dạy cho con em quy kiều, đoàn kết Hoa kiều hải ngoại, xây dựng mặt trận yêu nước rộng rãi, nâng cao vị thế TQ trên trường quốc tế.



## Ủy ban kiều vụ có cơ cấu phân cấp như sau:

- Ủy ban Hoa kiều Quốc hội
- Ban Kiều vụ Quốc vụ viện TQ
- Ủy ban Hoa kiều của Hội nghị Chính trị Hiệp thương nhân dân TQ (gọi tắt là: Ủy ban Hoa kiều Chính hiệp toàn quốc)
- Hội liên hiệp Hoa kiều về nước toàn Trung Hoa (gọi tắt là Hội kiều liên toàn quốc)
- **Đảng Trí công:** là một đảng phái thừa nhận sự lãnh đạo của ĐCS TQ. Đây là tổ chức do quy kiều, kiều quyền và các nhân sĩ, chuyên gia, học giả tiêu biểu có liên hệ với hải ngoại hợp thành. Chức năng chính là hỗ trợ và đôn đốc các cơ quan hữu quan quán triệt chính sách kiều vụ, phản ánh tình hình Hoa kiều, bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp, chính đáng của quy kiều, kiều quyền và kiều bào hải ngoại.

## Cách nhìn nhận của Trung Quốc đối với vị trí của người Hoa, Hoa kiều hiện nay -

- Theo như con số đưa ra từ Ban kiều vụ Quốc vụ viện Trung Quốc thì tính đến **năm 2014**, số người Hoa và Hoa kiều trên thế giới đã vượt qua con số **60 triệu** người, phân bố khoảng **198 quốc gia và khu vực**.
- Trung Quốc xác định “người Hoa và Hoa kiều là một bộ phận quan trọng của dân tộc Trung Hoa” (Ban Kiều vụ, Quốc vụ viện Trung Quốc)
- Trung Quốc cho rằng, người Hoa, Hoa kiều và những kiều quyền quy kiều có vai trò quan trọng đối với “Giấc mộng Trung Hoa”. Trung Quốc thực hiện khẩu hiệu “Đồng viên cộng hưởng Trung Quốc mộng” (“同圆共享中国梦”) đối với người Hoa và Hoa kiều trên thế giới.



- Người Hoa, Hoa kiều có tiềm lực kinh tế lớn đối với Trung Quốc

- Cho đến nay, vốn đầu tư của người Hoa và Hoa kiều hải ngoại là chủ thể thu hút vốn đầu tư nước ngoài của Trung Quốc, các doanh nghiệp người Hoa, Hoa kiều, Hồng Công, Ma Cao chiếm khoảng 70% tổng số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài của Trung Quốc; vốn đầu tư chiếm khoảng trên 60% tổng số vốn đầu tư nước ngoài trên thực tế.

- Các chuyên gia người Hoa và Hoa kiều là chủ thể trong chiến lược thu hút nhân tài chất lượng cao của Trung Quốc, trong “kế hoạch nghìn người” (tức Kế hoạch thu hút nhân tài chất lượng cao ở nước ngoài) thu hút nhân tài thì có trên 94% là người Hoa, Hoa kiều.



- Người Hoa, Hoa kiều là lực lượng không thể thiếu để thực hiện “giấc mộng Trung Hoa” ở các khía cạnh:

- **Tiềm lực kinh tế to lớn và nguồn lực trí tuệ;**
- **Cầu nối kinh tế và văn hoá Trung Quốc với bên ngoài**
- **Thúc đẩy thống nhất Trung Quốc**

- Phát huy vốn đầu tư và trí tuệ người Hoa, Hoa kiều trong việc điều chỉnh chiến lược kết cấu kinh tế và thực hiện chiến lược “đi ra ngoài”; phát huy vai trò đặc biệt của người Hoa, Hoa kiều trong việc duy trì và thúc đẩy thống nhất Trung Quốc, chống chia rẽ, duy trì lợi ích cốt lõi của Trung Quốc. (Ban kiều vụ, Quốc vụ viện Trung Quốc);

- Vai trò của người Hoa trong việc đẩy mạnh ngoại giao nhân dân, thúc đẩy truyền bá văn hoá Trung Hoa và tuyên truyền chiến lược “phát triển hoà bình” và “xây dựng xã hội hải hoà”. Người Hoa, Hoa kiều là “cầu nối giữa Trung Quốc và thế giới”, thúc đẩy văn hoá Trung Hoa đi ra thế giới.



- Trong Đại hội Công nghiệp Thương mại người Hoa, Hoa kiều thế giới lần thứ nhất (6/7/2015), Thủ tướng Trung Quốc Lý Khắc Cường nhận định rằng:

- Người Hoa, Hoa kiều là **“đội quân đẩy sinh lực”** thúc đẩy sự phát triển chuyển đổi mô hình kinh tế Trung Quốc;
- Người Hoa, Hoa kiều bắc chiếc **“cầu vòng”** trong việc hợp tác cùng thắng giữa với nước ngoài. Vai trò tích cực trong việc thúc đẩy xây dựng “một vành đai một con đường”, bắc chiếc cầu nối tích cực để doanh nghiệp Trung Quốc đi ra ngoài, thúc đẩy hội nhập sâu của kinh tế Trung Quốc với thế giới.
- Tạo **“hình tượng mới”** cho thương nhân Trung Quốc ở nước ngoài.



- Trong Đại hội Hữu nghị Cộng đồng người Hoa, Hoa kiều Thế giới lần thứ 8 (6/2016), Thủ tướng Trung Quốc Lý Khắc Cường đã đưa ra 3 kiến nghị đối với người Hoa, Hoa kiều thế giới:
  - Người Hoa, Hoa kiều là **“đại lực lượng”** hợp tác hữu nghị giữa Trung Quốc và nước ngoài;
  - Là **“người tham dự”** trọng việc phát triển sáng tạo của Trung Quốc. Trong thời kỳ Trung Quốc gia tăng chuyển đổi mô hình phát triển, Trung Quốc rất cần vốn đầu tư của người Hoa, Hoa kiều,...
  - Là **“cầu nối”** đối với hoà bình thống nhất Trung Quốc.
- Ngày 13/4/2016, Viện Nghiên cứu Hoa thương Thế giới (世界华商研究所) thuộc Trung tâm Trung Quốc và Toàn cầu (中国与全球化智库 – Center for China & Globalization - CCG) được thành lập. Mục đích là thu hút nguồn lực của người Hoa ở các nước gồm: các nhà doanh nghiệp, thương nhân và các nhà khoa học, cho đến vốn, kỹ thuật, thông tin và mối quan hệ của họ...



**Thank you!**

# **NHỮNG ĐIỀU CHỈNH TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA TRUNG QUỐC ĐỐI VỚI MỸ KỂ TỪ SAU 2012 VÀ HỆ LỤY ĐỐI VỚI CÁC QUỐC GIA TRONG KHU VỰC**

**Phạm Tiến**  
Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

## **Nội dung chính**

- 1. Tổng thể chính sách đối ngoại của Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Tập Cận Bình
- 2. Phương hướng chiến lược trong quan hệ với Mỹ
- 3. Chính sách của Mỹ trong quan hệ với Trung Quốc
- 4. Những biện pháp chính sách cụ thể mà Trung Quốc và Mỹ dùng đối với nhau
- 5. Những vấn đề đặt ra đối với các quốc gia trong khu vực

## 1. Tổng thể chính sách đối ngoại của Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Tập Cận Bình

### ■ 1.1. *Phương châm chiến lược cơ bản*

- Nền "ngoại giao nước lớn đặc sắc riêng có" và "công tác đối ngoại phải mang đậm sắc thái Trung Quốc, phong cách Trung Quốc và khí phách Trung Quốc".

=> chuyển từ "giấu mình chờ thời" sang "hành động thể hiện" và "ngoại giao nước lớn".

- Khուն khổ chung ĐH ĐCSTQ XVIII:

- + các cường quốc (Mỹ, EU, Nhật Bản và Nga),
- + vùng ngoại biên (tất cả các quốc gia dọc biên giới Trung Quốc),
- + các nước đang phát triển (mọi quốc gia có mức thu nhập thấp trên thế giới, kể cả Trung Quốc),
- + các tổ chức đa phương (UN, APEC, ASEAN, vv...),
- + ngoại giao nhân dân.

## 1.2. Ưu tiên và đẩy mạnh ngoại giao láng giềng và tăng cường ảnh hưởng đến các quốc gia đang phát triển

- Tháng 9 năm 2013, Bộ trưởng Ngoại giao Vương Nghị phát biểu rằng các nước láng giềng đã trở thành "phương hướng ưu tiên" (youxian fangxiang) cho công tác đối ngoại.
- Sáng kiến "Một vành đai, một con đường", thành lập Ngân hàng đầu tư cơ sở hạ tầng châu Á (AIIB), và các sáng kiến khác hợp tác cấp khu vực và tiểu vùng khác như Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) hay hợp tác Lan Thương – Mekong.
- Song mối quan hệ của Trung Quốc với các nước phương Tây vẫn đang có những tiến triển quan trọng, nhất là quan hệ giữa Trung Quốc và Mỹ

## 2. Phương hướng chiến lược trong quan hệ với Mỹ

### ■ 2.1. Về nhận thức

- Quan hệ Trung – Mỹ thực chất là “đồng sàng dị mộng”, hai bên cùng hợp tác trong điều kiện “hai bên cùng có lợi”, nhưng mỗi bên theo đuổi mục tiêu chiến lược riêng
- Quan hệ Trung – Mỹ có những diễn biến phức tạp; hướng chung vẫn là hợp tác và cạnh tranh đan xen, nhưng xu hướng bất đồng và cạnh tranh đang gia tăng.
  - Hợp tác về kinh tế và Chính trị - an ninh
  - Cạnh tranh chiến lược và kinh tế trong thập niên thứ hai của thế kỷ XXI này cũng sẽ diễn ra gay gắt và phức tạp, nhất là tại khu vực CÁ - TBD.

## 2.2. Biện pháp chính sách các biện pháp chính sách của Trung Quốc với Mỹ

- Tăng cường quan hệ đối tác chiến lược với Nga để đối phó với liên minh Mỹ - Nhật và chiến lược “xoay trục” của Mỹ
  - Trung Quốc tìm cách hoá giải quan hệ với Ấn Độ, không để Ấn Độ ngã theo Mỹ và đồng minh.
  - Trung Quốc tiếp tục dùng môi nử kinh tế để lôi kéo, phân hoá khối ASEAN, không để các nước trong khu vực ngã theo Mỹ
  - Trung Quốc tăng cường vai trò tại Trung Á, quyết giành ảnh hưởng với Nga và Mỹ ở khu vực này.
  - Dù tạm hoà hoãn với Mỹ, nhưng Trung Quốc sẽ tìm mọi cơ hội có thể để lấn át Mỹ về cả kinh tế và chính trị - an ninh.
- => đề xuất xây dựng “quan hệ nước lớn kiểu mới”

### 3. Chính sách của Mỹ trong quan hệ với Trung Quốc

- Những điều chỉnh chính sách đối với Trung Quốc của Mỹ trong nhiệm kỳ 2 của Tổng thống B. Obama:
- Tiếp tục theo đuổi khuôn khổ quan hệ tích cực, hợp tác và toàn diện (*positive, cooperative and comprehensive*) với Trung Quốc
- Mỹ coi Trung Quốc là một cường quốc đang lên đặc biệt trong thế kỷ XXI, chấp nhận chia sẻ gánh nặng chung giải quyết các vấn đề của thế giới, tuân thủ và đóng góp vào việc xây dựng một trật tự quốc tế dựa trên luật lệ.
- Mỹ sử dụng cơ chế đối thoại chiến lược và kinh tế (S&ED) để đối phó với một loạt vấn đề rộng lớn hơn về chính trị, chiến lược, an ninh và kinh tế song phương, khu vực và toàn cầu giữa hai nước

### 4. Những biện pháp chính sách cụ thể mà Trung Quốc và Mỹ dùng đối với nhau

- **4.1. Về phía Trung Quốc**
- *Một là*, tìm mọi cách để nắm chắc thời cơ đang có và kéo dài thời gian của thời cơ chiến lược, mà thực chất là tiếp tục tập trung cho chiến lược vượt đuổi.
  - + Tương kế tựu kế
  - + Gây sức ép và răn đe an ninh với Mỹ
  - + Lôi kéo và chinh phục các nước cận ngoại biên
- *Hai là*, chia rẽ và lôi kéo đồng minh của Mỹ
- *Ba là*, tiếp tục tranh thủ mọi cơ hội, chủ động thể hiện vị thế và vai trò nước lớn, cùng tham gia soạn thảo luật chơi và cạnh tranh khu vực ảnh hưởng với Mỹ trước hết là ở Đông Á.
- *Bốn là*, chuẩn bị khả năng đối phó các tình huống bất ngờ.

## 4.2. Về phía Mỹ

- *Thứ nhất*, mặc cả về lợi ích cốt lõi.
- *Thứ hai*, tiếp tục tăng cường thúc đẩy hợp tác cùng có lợi trên các lĩnh vực mà thực chất cũng là để phòng ngừa và ràng buộc.
- *Thứ ba*, tiếp tục đẩy mạnh cạnh tranh và kiềm chế chiến lược đối với Trung Quốc một cách linh hoạt, kết hợp giữa điểm và diện.
- *Thứ tư*, chuyển hóa nội bộ Trung Quốc.

## 5. Những vấn đề đặt ra đối với các quốc gia trong khu vực

- *Thứ nhất*, các biến đổi địa- chiến lược nước lớn ở CẢ - TBD.
- *Thứ hai*, với hình thái vừa cạnh tranh gay gắt về chiến lược, vừa hợp tác cùng có lợi, thì sự thỏa hiệp giữa các nước lớn sẽ càng khó lường.
- *Thứ ba*, quan hệ Mỹ - Trung thúc đẩy thế giới đa trung tâm. Như trên đã nhấn mạnh, một biến đổi quan trọng nhất của cục diện thế giới là tiến trình định hình trật tự đa trung tâm trong thế giới toàn cầu hóa.

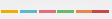
XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN!

# MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ NGHIÊN CỨU TRUNG QUỐC

PSG.TS Lê Cao Đoàn  
Viện Kinh tế Việt Nam

## 1. Đối tượng nghiên cứu và cách tiếp cận

- Đối tượng nghiên cứu: Nước Trung Quốc.
- Cách tiếp cận:
  - Kinh tế lượng.
  - Kinh tế chính trị.
  - Liên ngành, đa ngành.



## **2. Những vấn đề – nội dung nghiên cứu.**

**i)**

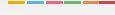
- Trung Quốc một nước theo mô hình Xô Viết dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Trung Quốc tiến hành cải cách mở cửa, chuyển sang kinh tế thị trường hình thành nên kinh tế nhị thể, con đường phát triển thứ 3.
- Con đường thứ ba có thể giải quyết được vấn đề phát triển và đưa đất nước tới CNXH?



## **2. Những vấn đề – nội dung nghiên cứu.**

**ii)**

- Trên thực tế, bằng mô hình mới đã tạo ra sự thần kỳ.
- Nguồn gốc của sự thần kỳ: Kinh tế thị trường và hội nhập và sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước Trung Quốc.



## **2. Những vấn đề – nội dung nghiên cứu.**

### **iii) Những nghịch lý và nguy cơ thất bại.**

- Tính nhị thể của mô hình nhị thể.
- Sự phát tác của căn tính Đại Hán và chủ nghĩa bạo lực, phản văn minh, phản phát triển của Nhà nước.

## **TẬP TRUNG QUYỀN LỰC Ở TQ HIỆN NAY: ĐẶC ĐIỂM VÀ HỆ LỤY**



*Viện Nghiên cứu Chiến lược,  
Học viện Ngoại giao*

### **NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH**

1. Bối cảnh cầm quyền của Tập Cận Bình
2. 6 phương thức tập trung quyền lực:
  - Xây dựng Tinh thần Tập Cận Bình
  - Cải cách các cơ chế ra quyết sách ở TW
  - Chống tham nhũng quyết liệt
  - Khôi phục văn hóa, kiểm soát truyền thông, báo chí
  - Cải cách quân đội sâu rộng
  - Điều động nhân sự quy mô lớn
3. Một số nhận định/đánh giá sơ bộ

## BỐI CẢNH CẦM QUYỀN CỦA TẬP

- Tập Cận Bình lên cầm quyền trong bối cảnh tình hình nội trị TQ rất phức tạp: 6 điểm nổi bật:
  - *Mô thức cầm quyền của Đảng CSTQ đã bộc lộ nhiều bất cập*
  - *Cải cách đi vào giai đoạn “công kiên”, “nước sâu”...*
  - *Tham nhũng, hủ bại tràn lan; Kỷ cương, kỷ luật bị rối loạn*
  - *Hình thành nhiều phe phái, nhiều nhóm lợi ích đấu đá nhau rất phức tạp trong nội bộ.*
  - *“Lòng dân li tán, địa phương li tâm” (Đảng xa rời quần chúng; địa phương có đối sách với TW)*
  - *Hệ tư tưởng của Đảng bị lung lay/xói mòn lòng tin nghiêm trọng...*

## 6 PHƯƠNG THỨC TẬP TRUNG QUYỀN LỰC CỦA TẬP CẬN BÌNH TRONG 3 NĂM QUA

## 1. “TINH THẦN TẬP CẬN BÌNH”



## “TINH THẦN TẬP CẬN BÌNH”

- Xây dựng thành công “Tinh thần Tập Cận Bình” từ rất sớm và được quán triệt sâu rộng trên toàn quốc.
- Mục tiêu chiến lược: “Đại phục hưng dân tộc Trung Hoa”
- Hai nội dung cơ bản: “Đi sâu cải cách toàn diện” và “thực thi đường lối quần chúng”
- Hệ quả: Tạo ra sự “sùng bái cá nhân kiểu mới.”
- Bình luận, đánh giá rất khác nhau.



## 2. CẢI CÁCH CƠ CHẾ RA QUYẾT SÁCH

- **Cải cách Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật TW (CCDI):**
- CCDI trở thành một siêu cơ quan với quyền lực cực lớn.
- Chức năng, bộ máy và quyền lực của CCDI được mở rộng chưa từng có.
- **Xóa bỏ Ủy ban Chính pháp, lập Hội đồng ANQG**
- Cải tổ triệt để lực lượng cảnh sát vũ trang và đưa về Quân ủy TW, trực tiếp do Tập Cận Bình phụ trách.
- **Cải cách các tiểu tổ lãnh đạo:**  
Thành lập mới nhiều tiểu tổ lãnh đạo và trực tiếp làm Chủ nhiệm 9 tiểu tổ lãnh đạo.
- Trong đó riêng Tiểu tổ lãnh đạo đi sâu cải cách toàn diện là một siêu cơ quan với rất nhiều quan chức cấp cao và quyền lực rất lớn.
- **Siết chặt quản lý/kỷ luật đối với các Ủy viên BCT, ủy viên TW Đảng.**
- **Cải cách Văn phòng TW Đảng**  
(thanh lý môn hộ của Lệnh Kế Hoạch)

## 3. CHỐNG THAM NHƯNG QUYẾT LIỆT

- Phát động chiến dịch “đả hổ, diệt ruồi” lớn chưa từng có để chống tham nhũng với 4 nhóm biện pháp chính.
- Năm 2016 tập trung vào các SOEs và “tái đốc sát”; ra nhiều quy định mới về chống tham nhũng (trên 3 triệu NDT là tử hình).
- Kết quả sau 3 năm: 3 UV BCT, 25 UV TW chính thức và dự khuyết, 115 cán bộ từ thứ trưởng trở lên, 53 sĩ quan từ thiếu tướng trở lên bị bắt giữ, điều tra, truy tố. Nhiều người đã tự tử. Tỉnh nào cũng có ít nhất 1 quan chức cấp cao bị bắt.
- Sau vụ hồ sơ Panama, CCDI đã phát động chiến dịch “Skynet 2016”, tác động sâu rộng tới nội bộ TQ.
- Hệ quả: Tập kiểm soát được “con dao quyền lực”, nhưng tạo ra nhiều kẻ thù và làm hệ thống lo sợ (nhưng được lòng dân).

## 4. KHÔI PHỤC VĂN HÓA, KIỂM SOÁT BÁO CHÍ

- Phát động chiến dịch khôi phục văn hóa truyền thống Trung Hoa; coi đây là điều kiện tiên quyết, là sức mạnh mềm của việc phục hưng dân tộc Trung Hoa;
- Về tư tưởng, Tập coi việc giáo dục tư tưởng chính thống là một “chiến trường”, tìm cách hạn chế ảnh hưởng của tư tưởng phương Tây;
- Tìm cách “bịt miệng trí thức”, hạn chế không gian ngôn luận của giới trí thức và NGOs để tạo “nhân ngôn đường”
- Kiểm soát chặt chẽ giới báo chí, truyền thông; kêu gọi “tuyệt đối trung thành với Đảng”...
- Kiểm soát chặt chẽ internet, các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, nhất là các tôn giáo bị cho là “ngoại lai”...
- Tập đã kiểm soát được “ngòi bút” nhưng nguy cơ tái diễn cách mạng VH.

## 5. CẢI CÁCH QUÂN ĐỘI SÂU RỘNG

- Quân ủy TW TQ đã được tái cơ cấu triệt để, hình thành cục diện “7-3-5” (tổng cộng 15 đơn vị trực thuộc).

### 7 CỤC:

1. Văn phòng Quân ủy
2. Cục Tham mưu liên hợp
3. Cục Công tác chính trị
4. Cục Đảm bảo Hậu cần
5. Cục Phát triển Trang bị
6. Cục Quản lý huấn luyện (mới)
7. Cục Động viên Quốc phòng (mới).

### 3 ỦY BAN:

8. Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật
9. Ủy ban Chính pháp
10. Ủy ban Khoa học và Công nghệ.

### 5 VĂN PHÒNG:

11. Văn phòng Quy hoạch Chiến lược
12. Văn phòng Biên chế và Cải cách
13. Văn phòng Hợp tác Quân sự Quốc tế
14. Văn phòng Kiểm toán
15. Văn phòng Quản lý hành chính.

## ĐẶC ĐIỂM QUÂN ỦY TW TQ MỚI

- 15 đơn vị này có vị trí ngang nhau trong Quân ủy, do Quân ủy trực tiếp phụ trách.
- Việc lập ra Văn phòng Quân Ủy là đáng chú ý, để điều phối công việc trong Quân ủy TW, phối hợp công tác.
- Chức năng là: “Tham mưu, thừa hành và phục vụ Quân ủy TW”
- Như vậy, nếu tính cả 5 Bộ tư lệnh chiến khu và 5 Quân binh chủng, có thể Quân ủy TW khóa tới sẽ có ít nhất từ 23 người trở lên.

## DỰ KIẾN QUÂN ỦY TW MỚI

| STT | Họ và tên                    | Tuổi (2016) | Chức vụ mới                 | Chức vụ cũ                    | Binh chủng      |
|-----|------------------------------|-------------|-----------------------------|-------------------------------|-----------------|
| 1   | <b>Tập Cận Bình</b>          | 63          | Chủ tịch Quân ủy TW         | Chủ tịch Quân ủy TW           | -               |
| 2   | <b>Phùng Phong Huy (*)</b>   | 65          | Tham mưu trưởng liên quân   | Tổng tham mưu trưởng          | <b>Lục quân</b> |
| 3   | <b>Từ Phấn Lâm (*)</b>       | 63          | Phó TMT liên quân           | Tư lệnh Quân khu Quảng Châu   | <b>Lục quân</b> |
| 4   | <b>Lý Tắc Thành (*)</b>      | 63          | Tư lệnh Lục quân            | Tư lệnh Quân khu Thành Đô     | <b>Lục quân</b> |
| 5   | <b>Tôn Kiến Quốc (*)</b>     | 64          | Tư lệnh Hải quân            | Phó Tổng tham mưu trưởng      | Hải quân        |
| 6   | <b>Ất Hiếu Quang (*)</b>     | 58          | Tư lệnh Không quân          | Phó Tổng tham mưu trưởng      | Không quân      |
| 7   | <b>Nguyễn Phương Hòa (*)</b> | 62          | Tư lệnh Lực lượng tên lửa   | Tư lệnh Pháo binh 2           | Tên lửa         |
| 8   | <b>Cao Tân (*)</b>           | 57          | Tư lệnh Chi viện Chiến lược | Giám đốc HV Khoa học quân sự  | Tên lửa         |
| 9   | <b>Lưu Việt Quân</b>         | 62          | Tư lệnh, BTL miền Đông      | Tư lệnh Quân khu Lan Châu     | <b>Lục quân</b> |
| 10  | <b>Triệu Tống Kỳ</b>         | 61          | Tư lệnh, BTL miền Tây       | Tư lệnh Quân khu Tế Nam       | <b>Lục quân</b> |
| 11  | <b>Vương Giáo Thành</b>      | 64          | Tư lệnh, BTL miền Nam       | Tư lệnh Quân khu Thẩm Dương   | <b>Lục quân</b> |
| 12  | <b>Tống Phổ Tuyển</b>        | 62          | Tư lệnh, BTL miền Bắc       | Tư lệnh Quân khu Bắc Kinh     | <b>Lục quân</b> |
| 13  | <b>Hàn Vệ Quốc</b>           | 60          | Tư lệnh, BTL miền Trung     | Phó Tư lệnh Quân khu Bắc Kinh | <b>Lục quân</b> |

## DỰ KIẾN QUÂN ỦY TW MỚI CỦA PLA



TRẦN SINH TƯỜNG (1)



VƯƠNG HỒNG NGHIÊU (2)



TRƯƠNG DƯƠNG (3)



QUAN HỮU PHI (13)

QUÁCH XUÂN PHÚ (14)  
(Không có ảnh)



ĐỖ KIM TÀI (8)



LÝ HIẾU PHONG (9)



LƯU QUỐC TRỊ (10)

## CƠ CẤU LẠI 7 ĐẠI QUÂN KHU → 5 CHIẾN KHU



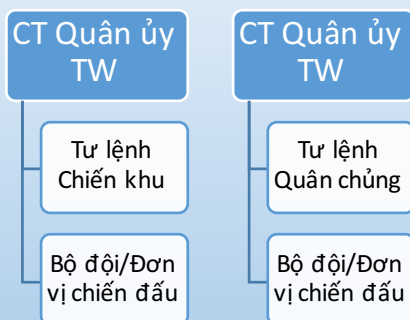
## CẢI TỔ PHƯƠNG THỨC TÁC CHIẾN

- PLA dần chuyển sang **phương thức tác chiến mới**, lấy hải quân, không quân, tác chiến điện tử và tên lửa chiến lược làm nòng cốt.
- **Thành lập 5 Bộ tư lệnh tại 5 Chiến khu.**
- **Vai trò của lực quân** sẽ từng bước bị cắt giảm (vẫn còn rất lớn).
- **Nâng cao tính thống nhất chỉ huy, phối hợp/hiệp đồng** binh chủng vào các Bộ tư lệnh hỗn hợp nhất là BTL miền Nam (phụ trách biển Đông), miền Đông (phụ trách biển Hoa Đông) và miền Bắc (phụ trách Bắc Hải),
- **Tăng cường tính cơ động:** Chuyển dần sang phương thức tác chiến cơ động lấy các lữ đoàn cơ giới hiện đại làm nòng cốt (thay vì tập đoàn quân và các sư đoàn như hiện nay).
- **Tiếp tục ưu tiên hiện đại hóa** hải quân, không quân, tên lửa chiến lược, tác chiến điện tử...

## CƠ CẤU LỰC LƯỢNG-QUẢN LÝ NHÂN SỰ

- **Về cơ cấu:** PLA sẽ được cơ cấu thành 2 nhánh lực lượng với các chức năng khác nhau:
  - **Nhánh 1: Vệ quốc quân:** Thay thế cho lực lượng vũ cảnh trước đây, có Bộ Tư lệnh riêng, Quân ủy TW trực tiếp phụ trách. **Chức năng:** Đảm trách an ninh nội địa, cứu trợ thảm họa và chống khủng bố (chủ yếu hướng nội).
  - **Nhánh 2: Quân đội:** Đảm bảo quốc phòng, đặc biệt là phát triển năng lực tấn công, bao gồm xây dựng các lực lượng viễn chinh (chủ yếu để vươn ra ngoài).
- **Về lực lượng:** Thành lập mới Quân chủng chi viện chiến lược. Như vậy, PLA có 5 quân binh chủng, bao gồm: hải, lục, không quân, tên lửa và chi viện chiến lược).
- **Về quân số:** Cắt giảm từ 2,3 triệu quân xuống còn 2 triệu quân, trong đó Vệ quốc quân có 1 triệu người. Quân đội có 1 triệu người với cơ cấu như sau: **Lục quân:** Từ 850.000 quân giảm còn 490.000. **Hải quân:** Từ 235.000 quân giảm còn 210.000. **Không quân:** 398.000 giảm còn 300.000. Riêng Quân chủng chi viện chiến lược chưa rõ số lượng.

## CƠ CẤU VẬN HÀNH HOÀN TOÀN MỚI



- Hệ thống mới sẽ vận hành theo 2 trục thẳng đứng:** (i) Quân ủy TW-Bộ Tư lệnh Chiến khu – Bộ đội/Đơn vị chiến đấu; (ii) Quân ủy TW – Bộ Tư lệnh Quân chủng – Bộ đội/Đơn vị chiến đấu.
- Mệnh lệnh chiến đấu** sẽ trực tiếp từ Chủ tịch QUTW xuống đến Tư lệnh 5 Chiến khu/5 Quân binh chủng và đến thẳng đơn vị chiến đấu.
- Mệnh lệnh huấn luyện** cũng sẽ tương tự, không qua trung gian.

## CÁC CẢI CÁCH KHÁC

- Lực lượng tình báo** cũng đang được sắp xếp lại: Trước đây thuộc Bộ TTM, nay chuyển sang cho lực lượng tiếp quản là chính. Một số lực lượng tình báo kỹ thuật sẽ chuyển cho các đơn vị khác nhau. Các BTL và các quân binh chủng có thể sẽ có lực lượng tình báo riêng. Chưa rõ cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin trong nội bộ PLA sẽ như thế nào.
- Công tác huấn luyện** cũng sẽ được đổi mới căn bản, nhất là giữa các lực lượng mới được cơ cấu lại và thành lập mới, tập trung ưu tiên huấn luyện tác chiến không - biển, trinh sát điện tử, trên mạng, hậu cần chiến lược...;
- Công tác kiểm tra kỷ luật** quân đội được tăng cường do ưu tiên chống tham nhũng, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý đất đai, mua sắm vũ khí, trang bị...;
- Công tác KHCN** được đẩy mạnh, nhất là đẩy mạnh sáng tạo công nghệ.
- Nâng cao tính chuyên nghiệp:** Xác định lại quan hệ giữa nhiệm vụ “bảo đảm quốc phòng” và “phát triển kinh tế” theo hướng ưu tiên nhiệm vụ quốc phòng.

## 6. ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ QUY MÔ LỚN

- Từ sau ĐH 18 (2012) đến nay, TQ đã có 2 đợt điều động nhân sự quy mô lớn. Hiện nay bắt đầu diễn ra đợt thứ ba để chuẩn bị cho Đại hội 19.
- 4 đặc điểm dùng người của Tập Cận Bình:
  - Đa dạng về nguồn gốc xuất thân, không nhất thiết từ địa phương nào;
  - Chủ yếu là lãnh đạo các địa phương, nắm chắc thực tiễn địa phương, nhưng ít có kinh nghiệm đối ngoại/không quan tâm tới đối ngoại
  - Tập đặc biệt coi trọng yếu tố tin cậy, trung thành (do vậy bị chỉ trích là đã bỏ qua nhân tài, không sử dụng hết chất xám của người giỏi)
  - Tập đã đưa được người của mình vào hầu hết các vị trí chủ chốt.
- Đã cơ bản nhận diện được các nhân vật chủ chốt trong phe phái của Tập Cận Bình, bao gồm 4 nhóm chính: Nhóm Thiểm Tây, Nhóm Chiết Giang-Thượng Hải, Nhóm Phúc Kiến và Nhóm Nam Kinh-quân đoàn 31.

### NHÓM THIỂM TÂY:



DU CHÍNH THANH



VƯƠNG KỲ SƠN



PHÔNG PHONG HUY



LẬT CHIẾN THƯ



TRIỆU LẠC TẾ



MÃ KHẢI



TRƯƠNG BẢO VĂN

## NHÓM CHIẾT GIANG (之江新军)



HOÀNG CÔN MINH



ĐINH TIẾT TƯỜNG



HÀN KHỞI ĐỨC



DƯƠNG HIẾU ĐỘ



LÝ CƯỜNG



HOÀNG HƯNG QUỐC



TRẦN Mẫn NHĨ

VƯƠNG HIẾU QUÂN  
(Không có ảnh)

## NHÓM PHÚC KIẾN



HÀ LẬP PHONG



VƯƠNG TIỂU HỒNG



THÁI KỲ



LƯU TỨ QUÝ

## NHÓM NAM KINH – QUÂN ĐOÀN 31



TRIỆU KHẮC THẠCH



THÁI ANH ĐỈNH



MIÊU HOA (\*)



VƯƠNG NINH



TRƯƠNG MINH TÀI (\*)



CHU SINH LĨNH (\*)



MÃ THÀNH HIỆU



KHƯƠNG DŨNG (\*)

## NHÓM BẠN HỌC CŨ



LƯU HẠC



VƯƠNG CHẤN



TRẦN HY

## NHẬN ĐỊNH/ĐÁNH GIÁ BƯỚC ĐẦU (1)

- **Sơ bộ kết luận:** Tập Cận Bình đã cơ bản kiểm soát được cả “SÚNG, DAO VÀ NGỒI BÚT”. Trong 5 lực lượng chính trị (quân-dân-chính-đảng-đoàn), Tập đã kiểm soát hoàn toàn quân và đảng, rất được lòng dân, đang từng bước kiểm soát được chính quyền, nhất là chính quyền các địa phương; đã hạn chế đáng kể không gian hoạt động của các đoàn thể (gồm cả giới trí thức và truyền thông đại chúng).
- Trong bối cảnh phức tạp ở TQ, việc tập trung quyền lực là tất yếu, là cách duy nhất để Tập thực sự nắm quyền (nếu không sẽ thành “bù nhìn” như đã từng xảy ra trước đó).
- Tuy nhiên, mâu thuẫn nội bộ TQ đang tích tụ ngày càng lớn (giữa Tập và Lý, giữa Vương Kỳ Sơn và Lưu Vân Sơn, giữa Tập và Giang...). Giai đoạn hiện nay là vô cùng khó khăn đối với Tập. Mức độ phản kháng đang có xu hướng gia tăng.

## NHẬN ĐỊNH/ĐÁNH GIÁ BƯỚC ĐẦU (2)

- Về mục tiêu: Qua theo dõi, Tập luôn lấy Đảng làm trung tâm. Trong tập trung quyền lực, có cả “công và tư”.
- Về rủi ro: Có quá nhiều mâu thuẫn và rủi ro tiềm ẩn; nhưng không ai dám thách thức Tập Cận Bình.
- Về hệ quả: Tập trung quyền lực hiện nay ở TQ đang ở mức rất lớn và có nguy cơ để lại những hệ quả to lớn không chỉ cho TQ và cho cả khu vực và thế giới. Sau ĐH 19 Tập có thể sẽ còn làm quyết liệt hơn.
- Về giới hạn: Hiện chưa rõ giới hạn của tập trung quyền lực này đến đâu, chống tham nhũng đến đâu...
- Tập có tham vọng muốn trở thành “Mao Trạch Đông của thế kỷ 21”. Đã có dấu hiệu cho thấy Tập đang tìm cách xây dựng thể hệ lãnh đạo của riêng mình và có thể sẽ chỉ chuyển giao quyền lực vào năm 2027 (Đại hội 20).

**XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN !**

# Những điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với Mỹ kể từ sau 2012 và hệ lụy đối với các quốc gia trong khu vực

Phạm Tiến

Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

Sau gần 40 năm tiến hành cải cách kinh tế trong điều kiện môi trường trong nước và quốc tế thuận lợi, sức mạnh tổng hợp của Trung Quốc đã gia tăng đáng kể, khi đã trở thành nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới, cùng khoản dự trữ ngoại tệ xấp xỉ 4000 tỷ USD và một thị trường 1,4 tỷ dân. Với nguồn vật lực khổng lồ đó, cộng khát vọng khôn nguôi về một quốc gia trung tâm như tên gọi vốn có của nó, thể hệ lãnh đạo Trung Quốc hiện nay do Chủ tịch Tập Cận Bình làm hạt nhân đã đề ra mục tiêu biến “Giấc mơ Trung Hoa” thành hiện thực. Ngày 17/3/2013, tại phiên bế mạc Hội nghị Đại biểu nhân dân toàn quốc (Quốc hội) lần thứ nhất, Khóa XII, Chủ tịch Tập Cận Bình đã đọc bài diễn văn quan trọng trước 2.948 đại biểu; trong gần 25 phút, ông đã 9 lần đề cập đến cụm từ “*Giấc mơ Trung Hoa*”<sup>1</sup>.

Và để tạo thuận lợi cho tiến trình này, về ngoại giao Trung quốc đang *chuyển từ chính sách ngoại giao nước yếu thụ động, yếm thế và gián tiếp lợi dụng sang chính sách ngoại giao nước lớn chủ động, ưu thế và trực tiếp*, nhằm xây dựng trật tự quốc tế mới và tạo môi trường bên ngoài có lợi cho việc thực hiện đại chiến lược của mình. Trong rất nhiều hướng tuyến điều chỉnh đó, thì những chuyển động trong quan hệ của Trung Quốc với Mỹ được xem là cực kỳ quan trọng và có ý nghĩa quyết định đến việc hiện thực hóa tham vọng cường quốc toàn cầu của họ trong vài ba thập kỷ tới. Lẽ đương nhiên, với tư cách là cường quốc số 1 thế giới hiện nay, Mỹ bên cạnh sự chủ động về

---

<sup>1</sup> Các thể hệ lãnh đạo kế tiếp từ **Giang Trạch Dân** đến **Hồ Cẩm Đào** và hiện nay là Tập Cận Bình đều theo lộ trình do nhà lý luận Đặng Tiểu Bình vạch ra. Trước đó, ngay khi vừa lên nắm quyền tại Trung Hoa đại lục, Mao Trạch Đông đã tuyên bố sẽ dẫn dắt 500 triệu nông dân Trung Quốc lãnh đạo thế giới. Theo đó, “*Nhất thế giới*” là mục tiêu và cho dù có bằng phương tiện gì đi nữa, thì con đường phải đi đã được vạch sẵn. Một thời kỳ mới đang mở ra trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc, khi tăng trưởng kinh tế đã giúp nước này có thể chuyển từ chính sách đối ngoại rụt rè và tương đối bất lực trong quá khứ sang chính sách đối ngoại tự coi mình là một nhà lãnh đạo toàn cầu và bảo vệ các lợi ích riêng. Trong mối quan hệ Mỹ - Trung Quốc, các nhà ngoại giao Mỹ thường sử dụng thuật ngữ “các bên liên quan có trách nhiệm” để tranh luận trong hệ thống toàn cầu. Trái lại, Trung Quốc đã đưa ra cụm từ của riêng mình: “cách thức quan hệ quyền lực mới”, trong đó, buộc Mỹ phải công nhận “lợi ích cốt lõi” của Trung Quốc và tôn trọng họ trong vai vế ngang nhau. Trước đây Đặng Tiểu Bình tuyên bố chính sách đối ngoại của Trung Quốc là “giấu mình chờ thời” thì đến tháng 1/2014, Tập Cận Bình đưa ra quyết sách mới là Trung Quốc nên ‘tự chủ động’, tiếp cận một cách có ý thức, chủ động tạo ra và bảo vệ các lợi ích sống còn của quốc gia này. Bằng khẩu hiệu “Giấc mơ Trung Hoa”, ông Tập trẻ hóa Trung Quốc, từ đó, thay đổi thái độ đối với thế giới bên ngoài. Lợi ích khu vực và lợi ích an ninh hàng hải được ưu tiên trong việc xây dựng chiến lược tương lai của Trung Quốc.

mặt chiến lược thì họ cũng sẽ triển khai những biện pháp chính sách để đáp lại; và điều này chắc chắn sẽ tạo ra những hệ lụy không nhỏ đối với thế giới nói chung và khu vực Đông Á – Thái Bình Dương nói riêng.

Trong khuôn khổ bài viết này, trước hết chúng tôi sẽ khái quát những nét chính trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Tập Cận Bình; từ tổng thể này, chúng tôi sẽ phân tích và làm rõ những biện pháp chính sách của Trung Quốc trong quan hệ với Mỹ, cùng những phản ứng chính sách từ Mỹ; và cuối cùng thì những biện pháp chính sách mà hai quốc gia này triển khai để đối phó với nhau sẽ khiến các quốc gia trong khu vực phải đối mặt với những vấn đề gì.

## **1. Tổng thể chính sách đối ngoại của Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Tập Cận Bình**

### ***1.1. Phương châm chiến lược cơ bản***

Trong hội nghị Công tác đối ngoại Trung ương tổ chức tại Bắc Kinh từ 28 – 29/11/2014, Chủ tịch Tập Cận Bình đã nhấn mạnh Trung Quốc cần có nền “ngoại giao nước lớn đặc sắc riêng có” và “công tác đối ngoại phải mang đậm sắc thái Trung Quốc, phong cách Trung Quốc và khí phách Trung Quốc”.

Tiếp đó, trong Phát biểu tại Hội thảo “Tình hình thế giới – ngoại giao Trung Quốc 2014” do Viện nghiên cứu các vấn đề quốc tế Trung Quốc tổ chức ngày 24/12, nguyên Bộ trưởng Ngoại giao Vương Nghị cho rằng, cụm từ “đặc sắc” mà ông Tập đề cập có nghĩa là: Trung Quốc sẽ đi trên con đường của một cường quốc, nhưng khác với con đường mà các nước lớn truyền thống đã đi qua. Ngoại giao nước lớn của Trung Quốc sẽ kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, chế độ Xã hội Chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc, phục vụ đắc lực nhiệm vụ hàng đầu là phát triển đất nước Trung Quốc.

Đây là lần đầu tiên lãnh đạo cao nhất của Trung Quốc khẳng định theo đuổi chính sách “*ngoại giao nước lớn*”, được dư luận đánh giá là bước điều chỉnh lớn trong tư duy đối ngoại, dần từ bỏ phương châm “giấu mình chờ thời” được nêu ra cách đây hơn 30 năm để chuyển sang thời kỳ “hành động thể hiện” và “ngoại giao nước lớn”<sup>2</sup>. Tuy nhiên, trong buổi bế mạc Hội nghị công tác Đối ngoại Trung ương, Trung Quốc lại khẳng định ưu tiên quan hệ với các quốc gia láng giềng hơn so với Mỹ và các cường quốc khác. Điều này báo trước một sự thay đổi lớn trong ngoại giao nước này. Quyết định này phản ánh nhận định của Bắc Kinh rằng quan hệ với các quốc gia ở châu Á và với các nước mới nổi sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình hồi sinh dân tộc – hơn là quan hệ với các quốc gia phát triển. Điều này ngụ ý rằng, Trung Quốc có thể sẽ ngày càng mất kiên nhẫn đối với sự can dự của phương Tây vào các lợi ích của Bắc

---

<sup>2</sup> Trung Quốc đang bắt đầu ngoại giao nước lớn với Nhật khi giữa tháng 12/2014, 2 tàu chiến Trung Quốc đã tiến vào khu vực chỉ cách quần đảo Senkaku/Điếu Ngư 70 km, một vị trí gần nhất từ trước đến nay.

Kinh, đồng thời trở nên tự tin hơn khi củng cố quyền kiểm soát các lợi ích cốt lõi và nhân mạnh nhu cầu cải tổ lại trật tự thế giới.

Cũng trong Hội nghị công tác đối ngoại Trung ương, ông Tập đã thay đổi trật tự khuôn khổ chung cho quan hệ đối ngoại (zongti waijiao buju)<sup>3</sup>. Trong phiên bản đầu thời kỳ cách mạng, Mao Trạch Đông đã đưa ra khái niệm “thế giới thứ nhất, thế giới thứ hai, và thế giới thứ ba,” tức chỉ thế giới tư bản, cộng sản, và thế giới đang phát triển. Còn trong giai đoạn đầu cải cách và mở cửa, Đặng Tiểu Bình đã điều chỉnh các khái niệm trong khuôn khổ này thành “các cường quốc” (daguo – đại quốc), các nước láng giềng (zhoubian – chu biên – cũng được gọi là “vùng ngoại biên”), và “các nước đang phát triển” (fazhan zhong de guojia); đồng thời bổ sung các hạng mục mới. Tiếp đó, Giang Trạch Dân thêm “các tổ chức đa phương” trong Đại hội Đảng lần thứ XVI năm 2002; và Hồ Cẩm Đào bổ sung “các lĩnh vực” (lingyu) hay “ngoại giao nhân dân” trong báo cáo Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XVIII.

Vì thế, khuôn khổ chung năm 2012 bao gồm: các cường quốc (được hiểu là chủ yếu gồm Mỹ, EU, Nhật Bản và Nga), vùng ngoại biên (tất cả các quốc gia dọc biên giới Trung Quốc), các nước đang phát triển (mọi quốc gia có mức thu nhập thấp trên thế giới, kể cả Trung Quốc), các tổ chức đa phương (UN, APEC, ASEAN, vv...), và ngoại giao nhân dân. Sự sắp đặt tương chừng giản đơn này lại dẫn đến một vài sự bối rối, bởi một số quốc gia có thể xuất hiện ở nhiều hạng mục khác nhau. Các nước châu Á nghèo như Campuchia, được coi như thuộc cả mục ngoại biên lẫn các nước đang phát triển. Tuy nhiên, khuôn khổ này hiện vẫn được sử dụng rộng rãi.

Theo nội dung trình bày về đường hướng chính sách đối ngoại tại Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XVIII, thì chính sách của Trung Quốc với các nước lớn là hướng đến “*xây dựng mối quan hệ kiểu mới giữa các cường quốc lâu dài, ổn định và tốt đẹp*”. Đối với các nước ngoại biên (láng giềng), báo cáo nêu rõ Trung Quốc nên “*củng cố các mối quan hệ láng giềng và bằng hữu*.” Với các quốc gia đang phát triển, báo cáo kêu gọi các nước này ủng hộ “*sự hiện diện và tiếng nói*” của Trung Quốc trên trường quốc tế. Báo cáo cũng đề nghị Trung Quốc điều chỉnh chính sách đối với các tổ chức đa phương nhằm “*đẩy mạnh sự phát triển của một trật tự và hệ thống quốc tế theo hướng công bằng và hợp lý*”. Với ngoại giao nhân dân, Trung Quốc cần “*thúc đẩy giao lưu nhân dân và bảo vệ các quyền và lợi ích của Trung Quốc ở nước ngoài*”.

## ***1.2. Ưu tiên và đẩy mạnh ngoại giao láng giềng và tăng cường ảnh hưởng đến các quốc gia đang phát triển***

---

<sup>3</sup> Khuôn khổ chung này là một danh sách đơn giản nhưng mang tính quyết định, bao gồm các hạng mục phân loại các quốc gia, để dựa vào đó lãnh đạo Trung Quốc đề ra những chỉ thị chung về cách tiếp cận chính sách đối ngoại; tuy vậy, khuôn khổ chung này tự thân nó không nói gì nhiều về cách thức tiến hành chính sách đối ngoại.

Tháng 9 năm 2013, Bộ trưởng Ngoại giao Vương Nghị phát biểu rằng các nước láng giềng đã trở thành “phương hướng ưu tiên” (youxian fangxiang) cho công tác đối ngoại. Yếu tố chính thúc đẩy sự thay đổi này xuất phát từ việc đánh giá những xu hướng kinh tế và địa chính trị trong dài hạn. Lãnh đạo Trung Quốc nhận thấy cần phải gắn tương lai của Trung Quốc vào tiến trình phát triển của khu vực. Tháng 4/2014, Thứ trưởng Ngoại giao Lưu Chấn Dân đã phát biểu rằng, thương mại của Trung Quốc với Đông Á và Đông Nam Á đạt tổng cộng “1,4 nghìn tỉ đô la, nhiều hơn thương mại của Trung Quốc với Mỹ và châu Âu cộng lại”. Ông cũng lưu ý thêm rằng “một nửa trong số 10 đối tác thương mại hàng đầu của Trung Quốc nằm ở châu Á”, và 70 phần trăm đầu tư nước ngoài của nước này là ở châu Á.

Theo IMF, khu vực châu Á – Thái Bình Dương (CÁ – TBD) sẽ có khả năng tốt nhất trong việc thúc đẩy tăng trưởng toàn cầu trong tương lai nếu cải cách cấu trúc và đầu tư cơ sở hạ tầng được tiến hành. Lãnh đạo Trung Quốc, do vậy, đã tìm cách đạt được triển vọng này thông qua sang kiến “Một vành đai, một con đường”, thành lập Ngân hàng đầu tư cơ sở hạ tầng châu Á (AIIB), và các sáng kiến khác hợp tác cấp khu vực và tiểu vùng khác như Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) hay hợp tác Lan Thương – Mekong.

Hơn thế, Trung Quốc hiểu rằng nước này phải bảo vệ được hành lang địa chính trị của mình để chuẩn bị bước lên những bậc cao hơn trên nấc thang quyền lực toàn cầu. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc nhận thức được một cách sâu sắc về các tiền lệ lịch sử, khi những thế lực tham vọng thống trị khu vực ở châu Á và châu Âu đều trở thành nạn nhân của các cuộc chiến tranh do xung đột với các nước láng giềng. Những xung đột và điểm nóng tại biển Hoa Đông và Biển Đông khiến cho nguy cơ này hiển hiện rõ rệt. Việc tìm cách củng cố ảnh hưởng của Trung Quốc và làm giảm những mối đe dọa tiềm tàng – như hệ thống liên minh của Mỹ, đem lại hy vọng về việc đảm bảo an ninh tốt hơn cho Bắc Kinh. Và để tháo gỡ mỗi nguy này, Trung Quốc đã đề xuất tạo dựng một cộng đồng châu Á cùng chung vận mệnh.

Việc ưu tiên thúc đẩy quan hệ với các nước láng giềng, chắc chắn sẽ buộc Trung Quốc giảm ưu tiên chiến lược trong quan hệ với Mỹ và các nước lớn khác, nhất là trong bối cảnh những diễn biến kinh tế thế giới trong hơn 2 thập niên qua đang làm suy giảm tầm quan trọng của một phương Tây công nghiệp hóa đối với Bắc Kinh; nhất là khi phần lớn trong số họ vẫn chưa thoát ra ngoài cuộc khủng hoảng và đang trì trệ cả về kinh tế lẫn chính trị. Hơn nữa, Trung Quốc đã rút ngắn đáng kể khoảng cách về trình độ và năng lực công nghệ so với các nước phương Tây, dù khả năng sáng tạo vẫn còn yếu. Những thị trường mới nổi ở các quốc gia láng giềng và đang phát triển đang cho thấy có nhiều tiềm năng để trở thành động lực mới cho tăng trưởng của Trung Quốc.

Như vậy có thể thấy, Sức mạnh đang lên của các quốc gia đang phát triển và xu hướng tăng trưởng phẳng của các quốc gia phát triển mang lại những hậu quả to lớn đối

với tương lai của nền chính trị toàn cầu. Trong khi các nhà lãnh đạo Trung Quốc hào hứng nắm lấy cơ hội này; thì Washington và các đồng minh phải tính toán trước xu hướng này một cách thấu đáo nhằm giữ vững một trật tự thế giới hòa bình và ổn định<sup>4</sup>. Và nếu chiều hướng này tiếp tục diễn ra, có thể khẳng định Bắc Kinh sẽ ngày càng ít quan tâm đến việc chính sách của mình được các nước phương Tây nhìn nhận thế nào.

Song dù tuyên bố giảm ưu tiên trong quan hệ với thế giới các nước phát triển, nhưng thực tế thời gian gần đây cho thấy, mối quan hệ của Trung Quốc với các nước phương Tây vẫn đang có những tiến triển quan trọng, nhất là quan hệ giữa Trung Quốc và Mỹ trong lĩnh vực như biến đổi khí hậu; thúc đẩy thương mại và đầu tư song phương, ... hay đồng ý đẩy mạnh hợp tác quân sự. Những tiến triển thực tế này, thậm chí ngay cả với những bất đồng nảy sinh ngày càng gay gắt, thì điều đó cũng cho thấy mối quan hệ với Mỹ vẫn luôn giữ vị trí quan trọng nhất đối với Trung Quốc, và việc giải quyết tốt mối quan hệ với Mỹ vẫn là hòn đá tảng trong chính sách ngoại giao của Trung Quốc.

## **2. Phương hướng chiến lược trong quan hệ với Mỹ**

Có thể khẳng định với tầm kích khổng lồ của mình, cặp quan hệ Trung – Mỹ chắc chắn là cặp quan hệ song phương quan trọng nhất trong quan hệ quốc tế thế kỷ XXI. Bốn năm qua, mặc dù quan hệ giữa Trung Quốc và Mỹ đã không tránh khỏi những lúc gay gắt, nhưng nhìn chung vẫn trong thế ổn định tương đối. Những vấn đề tồn tại trong quan hệ giữa hai nước đã được đưa ra bàn thảo liên tiếp tại các vòng “Đối thoại Trung – Mỹ về chiến lược và kinh tế” từ 2012 đến nay, để hai bên “cầu đồng tồn dị”, vừa hợp tác vừa cạnh tranh trong điều kiện hòa bình và ổn định tương đối<sup>5</sup>.

### **2.1. Về nhận thức**

Quan hệ Trung – Mỹ thực chất là “đồng sàng dị mộng”, hai bên cùng hợp tác trong điều kiện “hai bên cùng có lợi”, nhưng mỗi bên theo đuổi mục tiêu chiến lược riêng. Trung Quốc trỗi dậy để tiến tới vượt Mỹ. Còn Mỹ hợp tác với Trung Quốc cũng là nhằm kiềm chế Trung Quốc, duy trì vị thế siêu cường duy nhất trên thế giới. Do vậy, hợp tác đi đôi với cạnh tranh giữa Trung Quốc và Mỹ sẽ diễn ra phức tạp trong nhiều thập niên tới, nhưng trong thập niên này, cán cân so sánh sức mạnh tổng hợp giữa hai quốc gia này vẫn chưa có khả năng thay đổi mang tính đột phá. Mỹ dù vị thế trên trường quốc tế có phần giảm sút, nhưng vẫn là siêu cường duy nhất, có sức mạnh tổng hợp áp đảo trên thế giới. Trung Quốc trong khi ra sức “trỗi dậy” để trở thành siêu cường vẫn

---

<sup>4</sup> <http://nghienquocnet.net/2015/01/05/bien-chuyen-lon-ngoai-giao-trung-quoc>

<sup>5</sup> Trong diễn văn chào mừng “Đối thoại Trung – Mỹ về chiến lược và kinh tế” lần 1 ở Bắc Kinh (5/2009), ông Đào đã trấn an phía Mỹ là trái đất còn đủ chỗ cho hợp tác Trung – Mỹ và đề nghị cùng phía Mỹ “xây dựng quan hệ nước lớn kiểu mới”. Về phần mình, chính quyền Mỹ cũng cần hợp tác với Trung Quốc về kinh tế và an ninh. Trong chuyến thăm Trung Quốc cuối năm 2009, Tổng thống Obama nói rằng: “Quyền lực trong thế kỷ XXI không còn là cuộc chơi “được ăn cả, ngã về không” nữa. Một quốc gia thành công không nhất thiết là khiến quốc gia khác phải thua thiệt ... Chúng ta đều biết khi các cường quốc hợp tác với nhau thì họ sẽ được nhiều hơn là khi họ va chạm nhau”<sup>5</sup> <http://www.bbc.co.uk/Vietnamese/lg/world/2009/11>.

phải thừa nhận thực trạng “*một siêu nhiều cường*” trong trật tự thế giới hiện nay. Để có thể trỗi dậy, Trung Quốc cần hợp tác với Mỹ trong nhiều lĩnh vực, trước hết là an ninh và kinh tế.

Đối với Trung Quốc, “tôn trọng lẫn nhau” ở đây chủ yếu là “tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ” của nhau, có nghĩa là Mỹ phải tôn trọng những “lợi ích cốt lõi” của Trung Quốc về chủ quyền và “toàn vẹn lãnh thổ” kể cả những trường hợp có tranh chấp với các nước lân cận. Các nhà lãnh đạo của cả hai bên Trung – Mỹ đều nhận thức sâu sắc rằng, quan hệ Trung – Mỹ là quan trọng, nhưng phức tạp, cần thông qua đối thoại để có những giải pháp thỏa hiệp về những vấn đề bất đồng. Về phần mình, Trung Quốc “hoan nghênh những nỗ lực của phía Mỹ, với tư cách là một quốc gia CÁ - TBD, đóng góp cho hòa bình, ổn định và thịnh vượng trong khu vực”. Trung Quốc nhấn mạnh “vấn đề Đài Loan liên quan đến chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Trung Quốc, hy vọng phía Mỹ tuân theo những cam kết, hiểu rõ và ủng hộ lập trường của phía Trung Quốc về vấn đề này ...”.

Có thể nói bốn năm vừa qua, quan hệ Trung – Mỹ có những diễn biến phức tạp; hướng chung vẫn là hợp tác và cạnh tranh đan xen, nhưng xu hướng bất đồng và cạnh tranh đang gia tăng. Nhìn từ phía Trung Quốc, mặc dù mâu thuẫn và cạnh tranh với Mỹ ngày càng sâu sắc, nhưng hòa hoãn và hợp tác với Mỹ cũng cần thiết và quan trọng hơn bao giờ hết. Điều đó xuất phát từ tình hình Trung Quốc hiện nay và những mục tiêu Trung Quốc cần đạt được trong thời gian tới. Về kinh tế, Trung Quốc còn phải phụ thuộc nhiều vào Mỹ. Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai sau EU, là “con nợ” lớn nhất đang nắm giữ hơn 1.000 tỷ USD dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc, là nguồn khoa học – công nghệ quan trọng nhất mà Trung Quốc đang tìm cách khai thác, du nhập. Mỹ cũng đang đóng vai trò chủ yếu trong các thể chế kinh tế - tài chính quốc tế mà Trung Quốc cần hợp tác. Về chính trị - an ninh, cạnh tranh và hợp tác đan xen nhau trong quan hệ Trung – Mỹ, hai bên không thể bỏ mặt nào. Ví dụ: “Hiệp ước phòng thủ chung Mỹ - Nhật” là nhằm kiềm chế Trung Quốc. Mặt khác, Trung Quốc hy vọng Mỹ kiềm chế Nhật Bản khắc phục chủ nghĩa quân phiệt (rút bài học lịch sử từ sự kiện Trân Châu Cảng năm 1941). Mục tiêu chiến lược của Trung Quốc và của Mỹ trong vấn đề Đài Loan là đối lập nhau, nhưng có những vấn đề cụ thể hai bên có thể hợp tác, ví dụ như việc ủng hộ Quốc dân đảng lên cầm quyền, duy trì hòa bình ổn định tại “eo biển” Đài Loan, ...

Chính sách của Trung Quốc trong quan hệ với Mỹ hiện nay và những năm tới đã thể hiện rõ trong vòng 4 “Đối thoại Trung – Mỹ về chiến lược và kinh tế” diễn ra vào đầu tháng 5/2012 (các vòng đối thoại kế tiếp chỉ là sự lặp lại mà chưa có bước đột phá mới). Kết quả đối thoại về chiến lược hai bên đã đồng ý cùng tiếp tục cố gắng phát triển tốt cơ chế này để tăng cường lòng tin giữa Trung Quốc và Mỹ, giải quyết những bất

đồng giữa hai nước<sup>6</sup>. Hai bên đã thỏa thuận hợp tác trong một loạt các hoạt động liên quan đến an ninh của mỗi nước trong một loạt các hoạt động liên quan đến an ninh của mỗi nước, khu vực và toàn cầu. Mặc dù giữa Trung Quốc và Mỹ vẫn cạnh tranh về chiến lược khu vực cũng như toàn cầu, những phương châm “không đối đầu” trong quan hệ với Mỹ do Đặng Tiểu Bình đề ra hơn 30 năm trước, ở mức độ nhất định, vẫn có ý nghĩa chỉ đạo trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc trong những năm tới. Kết quả đối thoại về kinh tế “hai bên tuyên bố sẽ áp dụng những biện pháp thiết thực tăng cường hợp tác về kinh tế vĩ mô, thúc đẩy mở rộng thương mại và đầu tư, tăng cường quy tắc quốc tế và quản lý kinh tế toàn cầu, thúc đẩy sự ổn định và cải cách thị trường tài chính”<sup>7</sup>. Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và tình trạng suy thoái kinh tế thế giới hiện nay một mặt làm tăng thêm mâu thuẫn và va chạm về kinh tế - thương mại giữa Trung Quốc và Mỹ, nhưng mặt khác lại làm cho hai nền kinh tế này càng gắn chặt vào nhau, phụ thuộc lẫn nhau. Trong quan hệ song phương, hai bên đều cần có nhau. Chẳng hạn như Mỹ cần Trung Quốc đầu tư vào trái phiếu (hơn 1.000 tỷ USD trong tổng số khoảng 5.000 tỷ USD trái phiếu chính phủ Mỹ), trong khi Trung Quốc coi trái phiếu chính phủ Mỹ là “nơi trú ẩn” an toàn nhất của lượng dự trữ ngoại tệ khổng lồ của họ hiện nay. Ngoài ra, trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế thế giới hiện nay, Mỹ và Trung Quốc phải hợp tác với nhau trong việc giải quyết một loạt các vấn đề để đưa kinh tế toàn cầu ra khỏi cơn suy thoái, ví dụ như vấn đề nợ công ở châu Âu, v.v...

Tuy nhiên, cạnh tranh Trung Quốc – Mỹ về chiến lược và kinh tế trong thập niên thứ hai của thế kỷ XXI này cũng sẽ diễn ra gay gắt và phức tạp, nhất là tại khu vực CÁ - TBD. Chính quyền Mỹ sẽ tiếp tục củng cố quan hệ với các đồng minh và cải thiện quan hệ củng cố quan hệ với các đối tác khác tại bờ Tây Thái Bình Dương, trong khi Trung Quốc tìm cách khuếch trương thanh thế và mở rộng ảnh hưởng tại khu vực này. Mâu thuẫn địa – chiến lược giữa hai cường quốc này sẽ sâu sắc hơn và va chạm sẽ khó tránh khỏi. Nhưng trong tương lai gần, ít nhất là trong thập niên này, Trung Quốc vẫn cần tận dụng “thời cơ chiến lược quan trọng” để trỗi dậy nên muốn cùng Mỹ “xây dựng quan hệ nước lớn kiểu mới”, vẫn “cạnh tranh” mà không dẫn tới “chiến tranh”. Tuy nhiên thực hiện điều đó không phải là dễ dàng, nói như Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình hai bên Trung – Mỹ “cần có quyết tâm và niềm tin”.

Mặc dù mâu thuẫn sâu sắc về mục tiêu chiến lược và cạnh tranh gay gắt là không tránh khỏi, nhưng trong thập niên này Trung Quốc rất cần giữ quan hệ Trung – Mỹ trong thế ổn định tương đối để tập trung vào phát triển trong nước và thỏa hiệp với Mỹ trong trường hợp có thể được (có lợi cho cả hai bên) về các vấn đề khu vực và quốc tế. Về chính trị - an ninh, mặc dù Mỹ quyết tâm “trở lại châu Á”, chuyển trọng tâm chiến lược sang khu vực CÁ - TBD, nhưng Trung Quốc hy vọng có thể buộc Mỹ phải nhượng bộ về một số vấn đề thuộc “quyền lợi cốt lõi” của Trung Quốc với các nước Đông Nam

---

<sup>6</sup> Biên bản kết quả đối thoại Trung – Mỹ về chiến lược (3 – 4/5/2012)

<sup>7</sup> Biên bản kết quả đối thoại Trung – Mỹ về chiến lược (3 – 4/5/2012)

Á, Đông Bắc Á, các quốc gia Nam Thái Bình Dương, đặc biệt là vấn đề “quan hệ hai bờ” eo biển Đài Loan, hay tranh chấp đảo giữa Trung Quốc với Nhật Bản, Việt Nam, Philippines, ... Về kinh tế - thương mại song phương, Trung Quốc vẫn hy vọng duy trì sự ổn định trong quan hệ lượng dự trữ ngoại tệ và nguồn nhập khẩu sản phẩm công nghệ cao (nhất là những công nghệ có thể vận dụng vào công nghiệp quân sự) từ Mỹ. Hiện nay Mỹ đang hướng tới TPP, còn Trung Quốc thì đang muốn xúc tiến liên kết kinh tế với Đông Bắc Á và Đông Nam Á theo chiều dọc bờ Tây Thái Bình Dương. Nhưng cũng không loại trừ khả năng (dù ít) đến một lúc nào đó, Trung Quốc đồng ý tham gia đàm phán TPP trong trường hợp có sự thỏa hiệp nào đó giữa Mỹ với Trung Quốc.

## ***2.2. Biện pháp chính sách các biện pháp chính sách của Trung Quốc với Mỹ***

- *Tăng cường quan hệ đối tác chiến lược với Nga để đối phó với liên minh Mỹ - Nhật và chiến lược “xoay trục” của Mỹ.* Tất nhiên còn quá sớm để nói về một mối quan hệ mang tính liên kết chính trị – an ninh ở đây, nhưng rõ ràng giới lãnh đạo và học giả hai nước Trung – Nga đều bày tỏ một sự tin tưởng lẫn nhau ngày càng gia tăng và hai bên coi nhau là đối tác chiến lược. Nhân tố xúc tác cho mối quan hệ này dễ thấy là Mỹ. Vừa qua Mỹ thường xuyên căng thẳng với cả Nga và Trung Quốc về nhiều vấn đề (Libya, Syria, Edward Snowden, ADIZ, tin tặc, Ukraine, ...). Cả Nga và Trung Quốc đều không ưa chủ nghĩa can dự Mỹ, và họ ủng hộ nguyên tắc các vấn đề nội bộ của nước nào phải do nước đó giải quyết. Nhân tố này kéo Nga – Trung lại gần nhau, dù họ không nói đến liên minh.

- *Trung Quốc tìm cách hoá giải quan hệ với Ấn Độ, không để Ấn Độ ngã theo Mỹ và đồng minh.* Ấn Độ hiện có vai trò quan trọng về kinh tế, thị trường, địa chiến lược ở Khu vực Nam Á mà hầu hết các nước đều tranh thủ. Chuyến thăm Ấn Độ của Chủ tịch Tập Cận Bình kéo dài ba ngày từ ngày 17 đến 19/9/2014 được kỳ vọng mở ra “một chương mới” trong quan hệ giữa hai quốc gia đông dân nhất thế giới. Đây là chuyến thăm đầu tiên của ông Bình đến Ấn Độ kể từ khi ông N. Modi nhậm chức Thủ tướng hồi tháng 5/2014.

- *Trung Quốc tiếp tục dùng môi như kinh tế để lôi kéo, phân hoá khối ASEAN, không để các nước trong khu vực ngã theo Mỹ.* Trung Quốc tiến hành chia rẽ, phân hóa các nước ASEAN nhằm phân tán sức mạnh đoàn kết của ASEAN. Một khi ASEAN bị chia rẽ, không coi Biển Đông là vấn đề chung của hiệp hội mà chỉ là vấn đề giữa Trung Quốc với một số quốc gia thành viên thì Trung Quốc có thể dễ đạt được các thỏa hiệp có lợi nhất về vấn đề Biển Đông. Nhằm mục tiêu ấy, Trung Quốc đã lợi dụng sự bất đồng về lợi ích, về quan điểm giải quyết các tranh chấp lãnh thổ trên Biển Đông của các nước ASEAN có tuyên bố chủ quyền để gây chia rẽ, không để các nước này đoàn kết thành một khối đối trọng với Trung Quốc. Bên cạnh đó, Trung Quốc sử dụng con bài viện trợ để các nước này vì lợi ích quốc gia trước mắt mà không ủng hộ các nước ASEAN khác trong “hồ sơ Biển Đông”; chủ trương đàm phán riêng rẽ đối với các nước

có liên quan trực tiếp đến tranh chấp ở Biển Đông để đạt lợi ích riêng. Trung Quốc tăng cường ảnh hưởng đối với các nước ASEAN khác nhằm tách họ khỏi các vấn đề Biển Đông. Chủ trương của Trung Quốc là thể hiện chủ quyền ở Biển Đông thuộc về Trung Quốc và làm giảm vai trò, sức mạnh tập thể của ASEAN trong các vấn đề an ninh khu vực, qua đó làm tăng vai trò nước lớn của Trung Quốc.

- *Trung Quốc tăng cường vai trò tại Trung Á, quyết giành ảnh hưởng với Nga và Mỹ ở khu vực này.* Với nhu cầu năng lượng khổng lồ, vùng Trung Á ngày càng trở nên quan trọng với Trung Quốc khiến nước này quyết “thế chân” Nga ở khu vực này. Trong 15 năm qua, Trung Quốc chuyển sang khu vực Trung Á để tìm nguồn cung giúp giải “con khát năng lượng” của nước này. Việc Trung Quốc coi Trung Á là mỏ năng lượng dành cho nước này đang làm lung lay hệ thống địa chính trị của Nga. Báo cáo của BP cho thấy Bắc Kinh sẽ thay thế Moscow ở Trung Á. Trung Quốc tranh thủ cảm tình của các quốc gia Trung Á khi tỏ ra sẵn lòng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ở đây. Trung Quốc cũng trở thành nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất tại 5 quốc gia Trung Á.

Trung Quốc là khách hàng lớn của Trung Á về khí đốt. Cũng theo BP, trong năm 2013, Turkmenistan đã cung cấp cho Trung Quốc 24,4 tỷ m<sup>3</sup> khí tự nhiên, Uzbekistan cung cấp 2,9 tỷ m<sup>3</sup> và Kazakhstan cung cấp 0,1 tỷ m<sup>3</sup>. Tổng số khí đốt trên chiếm hơn 45% lượng khí đốt nhập khẩu vào Trung Quốc và có giá trị gần 2,5 tỷ USD<sup>8</sup>.

Đến năm 2020, Trung Quốc - nhà nhập khẩu năng lượng lớn nhất thế giới phải nhập 120 tỷ m<sup>3</sup> khí đốt<sup>9</sup>, do đó các quốc gia Kazakhstan, Turkmenistan và Uzbekistan ngày càng lệ thuộc vào doanh thu từ xuất khẩu năng lượng cho Trung Quốc. Khi đó, có thể nói Bắc Kinh không có đối thủ ở Trung Á.

+ *Dù tạm hoà hoãn với Mỹ, nhưng Trung Quốc sẽ tìm mọi cơ hội có thể để lấn át Mỹ về cả kinh tế và chính trị - an ninh.* Trung Quốc sẽ duy trì quan hệ Trung - Mỹ ổn định qua đề xuất xây dựng “quan hệ nước lớn kiểu mới” với Mỹ. Không xung đột, không đối đầu, tôn trọng lẫn nhau, hợp tác và cùng có lợi - đó là đường hướng chỉ đạo mà Tổng bí thư Tập Cận Bình đã nêu ra khi nói về quan hệ Trung - Mỹ tại Đại hội toàn quốc lần thứ XVIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đồng thời, có thể thấy rõ trở ngại chính trên con đường này là không thể tồn tại phi xung đột trong điều kiện mở rộng tiềm lực quân sự của Trung Quốc.

Hiện nay, quan hệ Mỹ - Trung “đang ở giai đoạn đặc biệt” khi Mỹ là cường quốc nhưng đang cần thay đổi để thoát khỏi sự bế tắc về kinh tế, xã hội, trong khi Trung Quốc là cường quốc mới nổi nhưng kinh tế đang suy giảm và lại muốn duy trì trật tự quốc tế như đã và đang có. Trung Quốc mong muốn hai cường quốc dẫn đầu các nước phát

---

<sup>8</sup> Reid Standish (2014): *Hungry for Gas, China Muscles onto Russian Turf*, The Foreign Policy Magazine, Junnuary. 19.

<sup>9</sup> Reid Standish (2014): *đã dẫn*.

triển và mới nổi xây dựng “*quan hệ nước lớn kiểu mới*”<sup>10</sup> theo hướng giữ vững ổn định quan hệ song phương từ tầm cao chiến lược và bảo đảm chiều sâu lợi ích cốt lõi của hai bên, trên cơ sở tôn trọng lợi ích của các nước khác trên thế giới.

Có thể thấy, mục tiêu của Trung Quốc trong việc đề xuất thiết lập “quan hệ nước lớn kiểu mới” với Mỹ, *trước hết*, đó là nỗ lực nâng tầm ảnh hưởng của Trung Quốc trên thế giới ngang hàng và tìm kiếm những điểm tương đồng với Mỹ. *Thứ hai*, Trung Quốc dựa vào đề xuất này để kiểm chế chiến lược “xoay trục” của Mỹ tại khu vực CA - TBD. *Thứ ba*, lấy việc “tôn trọng hệ thống chế độ chính trị và xã hội, con đường phát triển và lợi ích cốt lõi của nhau”, Trung Quốc sẽ hạn chế sự can thiệp của Mỹ vào những tranh chấp lãnh thổ của nước này với các nước láng giềng; đồng thời cũng phát đi tín hiệu cảnh báo các nước trong khu vực đang có tranh chấp lãnh thổ với Trung Quốc đừng dựa vào Mỹ để làm đối trọng với Trung Quốc.

Tóm lại, những điều chỉnh gần đây của ông Tập ngày càng chỉ rõ một chiến lược chủ động và tích cực hơn. Chương trình nghị sự trong nước của ông Tập và chương trình nghị sự đối ngoại của Trung Quốc khá gắn kết với nhau. Tư tưởng “Giấc mơ Trung Hoa” của ông Tập được miêu tả như là một biện pháp thích hợp với vận mệnh của Trung Quốc, hiện được một bộ phận lớn giới tinh hoa Trung Quốc cho rằng đang phát huy hiệu quả và là cách thức bảo vệ quyền lợi và tham vọng bá quyền của nước này.

### **3. Chính sách của Mỹ trong quan hệ với Trung Quốc**

Chính sách của Mỹ với Trung Quốc cần phải được đặt trong tổng thể chiến lược châu Á của Mỹ (thậm chí là rộng hơn) và được điều chỉnh tùy theo những diễn biến thực tế của tình hình địa chính trị - an ninh – kinh tế của khu vực và thế giới dưới tác động của quá trình toàn cầu hóa và cuộc cách mạng khoa học công nghệ. Trong chính sách “xoay trục” của mình, Mỹ sẽ cố gắng đảm bảo để chiến lược này không bị coi là trực tiếp chống lại Trung Quốc.

Từ sau 2012, dù có sự thay đổi vị trí của người đứng đầu Bộ Ngoại giao Mỹ, song xu thế chủ đạo trong quan hệ Mỹ - Trung vẫn là duy trì ổn định và tiến triển trong mâu thuẫn. Với nhận thức, Trung Quốc là đối thủ cạnh tranh chính, là trở ngại và cũng là lý do cơ bản cho chính sách “xoay trục” của mình, do vậy, cuộc chạy đua tranh giành ảnh hưởng và lợi ích giữa Mỹ và Trung Quốc ở CÁ - TBD sẽ diễn ra ngày càng quyết liệt. Bởi vậy, bên cạnh việc khẳng định quyết tâm thực hiện tái balance ở khu vực, Mỹ

---

<sup>10</sup> *Trước hết*, “*quan hệ nước lớn kiểu mới*” được thiết kế để tránh mô thức cũ của sự xung đột giữa một cường quốc đang lên và một siêu cường duy nhất còn lại sau khi Liên Xô sụp đổ và thay vào đó là một mô thức quan hệ mới cùng tồn tại hòa bình và hợp tác. Hay nói cách khác, đó là từ bỏ khái niệm “một ngọn núi chỉ có một con hổ” và thay thế bằng khái niệm “một ngọn núi dung chứa hai con hổ”. *Thứ hai*, “*quan hệ nước lớn kiểu mới*” nhằm cố gắng xoa dịu mối quan hệ căng thẳng và làm giảm sự mất lòng tin chiến lược giữa các nước lớn. *Thứ ba*, nó thể hiện sự tôn trọng hệ thống chế độ chính trị và xã hội, con đường phát triển và lợi ích cốt lõi của nhau. *Và thứ tư*, khái niệm này đòi hỏi nỗ lực sẵn sàng thúc đẩy sự hợp tác cùng có lợi, và tăng cường hợp tác và phối hợp trong các vấn đề toàn cầu. Theo Đài Bắc Kinh, ngày 1/10/2012

cũng đặc biệt nhấn mạnh đến việc giảm thiểu các va chạm, tăng cường hợp tác với Trung Quốc từ vấn đề kinh tế đến môi trường, ... nhằm mục tiêu tạo nhiều cơ hội cho sự phục hồi kinh tế của Mỹ, nhưng vẫn thể hiện được vai trò dẫn dắt của Mỹ tại khu vực.

*Theo đó, trên cơ sở rút kinh nghiệm từ những hạn chế trong chính sách đối ngoại mà Mỹ đã triển khai trong nhiệm kỳ trước, cộng với những diễn tiến thực tế của địa chính trị thế giới và khu vực, chính sách đối với Trung Quốc của Mỹ trong nhiệm kỳ 2 của Tổng thống B. Obama đã có những điều chỉnh sau:*

- Tiếp tục theo đuổi khuôn khổ quan hệ tích cực, hợp tác và toàn diện (*positive, cooperative and comprehensive*) với Trung Quốc trong thời gian tới với ba trọng tâm. i) Mỹ đặt quan hệ Trung – Mỹ trong tổng thể chiến lược rộng lớn hơn của Mỹ đối với khu vực; phủ nhận những đồn đoán về kịch bản G2, bác bỏ quan điểm Mỹ đặt quan hệ Mỹ - Trung lên trên chiến lược chung đối với khu vực; khẳng định vai trò chủ chốt của ngoại giao trong thúc đẩy quan hệ với Trung Quốc. ii) hai bên phải xây dựng thói quen hợp tác, tôn trọng lợi ích của nhau và giải quyết bất đồng nổi lên do sự nghi kỵ chiến lược giữa hai bên vẫn còn sâu sắc, đặc biệt là sự thiếu minh bạch trong việc hiện đại hóa quân đội của Trung Quốc. iii) Mỹ khuyến khích Trung Quốc thực hiện vai trò, nghĩa vụ nước lớn của mình trên thế giới; tăng cường hợp tác với Trung Quốc và cộng đồng quốc tế để giải quyết các thách thức chung về kinh tế, các điểm nóng trên thế giới, các vấn đề toàn cầu và dân chủ nhân quyền.

Như vậy, sau khi đã công bố chính sách chung đối với khu vực CÁ - TBD, Chính quyền Obama lần đầu tiên chính thức công bố chiến lược với tầm nhìn dài hạn đối với Trung Quốc nhằm đưa quan hệ Mỹ - Trung Quốc đi vào quỹ đạo ổn định, dễ dự báo hơn. Tuy không phải là đột phá nhưng khuôn khổ, tên gọi của quan hệ đã được xác định rõ là “*Tích cực, hợp tác và toàn diện trong thế kỷ XXI*”. Điểm đáng chú ý trong cách tiếp cận của Chính quyền Obama là cái nhìn thực tế hơn của Mỹ về giới hạn của hợp tác trong quan hệ vừa hợp tác, vừa cạnh tranh với Trung Quốc, đồng thời cho thấy sự cấp thiết phải tăng cường hợp tác, đối thoại để vượt qua bất đồng, xử lý khủng hoảng, cạnh tranh cùng thắng. Mỹ cũng mong muốn kết hợp giữa mềm dẻo và cứng rắn để thực hiện sách lược vừa can dự (*engagement*), vừa kiềm tỏa (*hedging*) Trung Quốc, theo đó, thay vì thỏa hiệp, đánh đổi với Trung Quốc nhiều hơn, Mỹ sẽ giữ vững và triển khai nhất quán những lập trường đối ngoại mang tính nguyên tắc của mình ở khu vực, qua đó tăng uy tín, vai trò của Mỹ trong một cấu trúc khu vực đang định hình.

- Mỹ coi Trung Quốc là một cường quốc đang lên đặc biệt trong thế kỷ XXI, chấp nhận chia sẻ gánh nặng chung giải quyết các vấn đề của thế giới, tuân thủ và đóng góp vào việc xây dựng một trật tự quốc tế dựa trên luật lệ. Mỹ thừa nhận bất đồng, khác biệt giữa hai nước lớn như Mỹ và Trung Quốc là không thể tránh khỏi, và cần được xử lý trong khuôn khổ hợp tác sâu rộng, bền chặt hơn. Tuy nhiên, đây là mối quan hệ phức

tập, hợp tác đan xen với cạnh tranh, nhưng sự cạnh tranh tất yếu đó không được làm tổn hại lợi ích phát triển của nhau và không đe dọa đến hòa bình, ổn định, thịnh vượng của khu vực nói chung. Điều này cũng phù hợp với chính sách của các nước khu vực muốn phát triển quan hệ cân bằng với cả Trung Quốc và Mỹ. Việc chuyển liên tục các thông điệp chính sách rõ ràng, công khai trong thời gian qua phản ánh cách chủ động “chơi bài ngửa” của Chính quyền Obama, muốn tập hợp dư luận, xác lập luật chơi chung để đưa Trung Quốc vào thế phải chấp nhận. Hai bên cần phải nhìn thẳng vào những bất đồng, tranh chấp; cần phải hành xử có trách nhiệm; cần phải chia sẻ nghĩa vụ quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu. Về chiến lược này, Mỹ muốn trấn an các nước khu vực cần tin tưởng hơn vào sự ổn định về chính sách và sự nhất quán giữa chính sách và hành động thực tiễn của Mỹ đối với CÁ - TBD, cũng như trong quan hệ Mỹ - Trung. Mỹ cũng muốn cho các nước thấy xu thế hòa dịu, triển vọng hợp tác theo tinh thần “các bên liên quan có trách nhiệm” trong quan hệ Trung - Mỹ càng lớn thì cả khu vực (và thế giới) đều có lợi, cấu trúc khu vực sẽ sớm được định hình và các nước khu vực càng có điều kiện đẩy mạnh triển khai chính sách quan hệ cân bằng với cả Trung Quốc và Mỹ.

- *Mỹ sử dụng cơ chế đối thoại chiến lược và kinh tế (S&ED) để đối phó với một loạt vấn đề rộng lớn hơn về chính trị, chiến lược, an ninh và kinh tế song phương, khu vực và toàn cầu giữa hai nước<sup>11</sup>.*

S&ED được kỳ vọng sẽ thúc đẩy sự tin tưởng chính trị và sự hợp tác giữa hai nước. Đây là một cơ chế liên tục và chuyên sâu để giải quyết những cơ hội và thách thức mà Mỹ và Trung Quốc gặp phải trong một loạt các lĩnh vực song phương, khu vực và toàn cầu. Tuy nhiên, kết quả của những lần đối thoại gần đây rất khiêm tốn, những mâu thuẫn chủ chốt giữa Trung Quốc và Mỹ chưa một lần được giải quyết thông qua kênh đối thoại này. Vì thế Mỹ đang tìm kiếm các cơ chế phát huy tác dụng và tìm cách giải quyết các loại vấn đề nổi lên giữa Mỹ và Trung Quốc thông qua các đối thoại này.

Những điều chỉnh trên trong quan hệ với Trung Quốc, thể hiện cái nhìn thực tế hơn của Mỹ về giới hạn của quan hệ vừa hợp tác, vừa cạnh tranh với Trung Quốc, đồng thời cho thấy sự cấp thiết phải tăng cường đối thoại để vượt qua bất đồng, xử lý khủng hoảng, cạnh tranh cùng thắng.

Điểm khác biệt đáng chú ý trong quan hệ Mỹ - Trung Quốc là trong khi Tổng thống B. Obama nêu bất đồng là đương nhiên và cạnh tranh là tất yếu; thì Trung Quốc nhấn mạnh nhiều lần rằng hai nước cần tôn trọng lợi ích của nhau, bao gồm lợi ích cốt lõi và lợi ích phát triển. Điều đó cho thấy, tuy sự gắn kết, tùy thuộc lẫn nhau giữa hai

---

<sup>11</sup> Việc thành lập S&ED được Tổng thống Mỹ B. Obama và Tổng bí thư Hồ Cẩm Đào công bố vào ngày 1/4/2009 nhân Hội nghị thượng đỉnh nhóm G20 tại London, Anh. Cơ chế này được nâng cấp để thay thế cho đối thoại cao cấp Mỹ - Trung có dưới thời chính quyền G.W. Bush. Từ năm 2009 đến nay, S&ED được nhóm họp luân phiên hằng năm tại thủ đô của hai nước.

nền kinh tế số 1 và 2 thế giới này là rất lớn nhưng bất đồng, nghi kỵ chiến lược, hay sự khác biệt về giá trị vẫn là rào cản lớn trong quan hệ Mỹ - Trung.

Ngoài ra, Mỹ cũng muốn giảm thiểu những quan ngại của Bắc Kinh về vai trò của Mỹ ở Đài Loan. Việc coi Đài Loan là một cơ hội hơn là một vấn đề an ninh sẽ là khuôn khổ mới và hữu ích đối với sự liên quan của Mỹ; đồng thời khi cần sẽ vẫn được sử dụng nhưng một “quân bài trong tay áo” để giành ưu thế trong những cuộc mặc cả lợi ích của Mỹ với Trung Quốc.

#### **4. Những biện pháp chính sách cụ thể mà Trung Quốc và Mỹ dùng để đối với nhau**

Như đã thể hiện ở trên, tình thế hiện tại trong quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc, cùng đường hướng hành động trong việc thực thi chính sách đối ngoại của họ là sự thể hiện trạng thái của một quốc gia cố níu giữ vị thế quyền lực số một, dù sức mạnh đã giảm đi tương đối so với chính họ; và một quốc gia đang nỗ lực để thực hiện tham vọng lãnh đạo thế giới, dù quá trình trỗi dậy đã bắt đầu có dấu hiệu chững lại. Vì thế, dù quá trình toàn cầu hóa và bối cảnh quốc tế hiện nay buộc Mỹ và Trung Quốc phải có những thỏa thuận nhượng bộ và hợp tác với nhau về nhiều mặt, nhưng trong tương lai chắc chắn những mâu thuẫn về lợi ích địa chính trị – an ninh – kinh tế sẽ khiến cho khía cạnh tranh giữa họ ngày một thêm gay gắt.

##### ***4.1. Về phía Trung Quốc***

Trung Quốc rất quyết tâm vượt Mỹ, nhưng trong thời gian từ nay tới 2030, có thể thấy rằng các biện pháp của Trung Quốc đối với Mỹ sẽ tập trung duy trì “*tạm ước hòa bình*”. Lý do chính là sự vượt trội của Mỹ về quân sự, cùng sự phụ thuộc lẫn nhau cả về lợi ích. Từ đây, có thể thấy những biện pháp khả dĩ sau sẽ được Trung Quốc triển khai trong quan hệ với Mỹ.

- *Một là*, tìm mọi cách để nắm chắc thời cơ đang có và kéo dài thời gian của thời cơ chiến lược, mà thực chất là tiếp tục tập trung cho chiến lược rượt đuổi. Trong khi Mỹ đang cố gắng tối ưu hóa những điểm đồng với Trung Quốc trong mặc cả ‘tái bảo đảm chiến lược’ thì Trung Quốc cũng đang hết sức tận dụng thời cơ thuận lợi có một không hai này để thực hiện mục tiêu Đại chiến lược, trước hết là mục tiêu xã hội khá giả vào năm 2020.

Những thập niên tới đây, để giữ thời cơ và kéo dài thời gian của thời cơ chiến lược, Trung Quốc sẽ tiếp tục tối ưu hóa thế và lực đang có trong không gian chiến lược toàn cầu mới bằng những biện pháp cụ thể sau:

##### **+ Tương kế tựu kế:**

i) Sử dụng tất cả mọi khả năng và cơ hội để thúc đẩy hợp tác toàn diện với Mỹ kể cả trong lĩnh vực quốc phòng nhằm lôi kéo Mỹ bị ràng buộc và tùy thuộc với Trung Quốc càng nhiều càng tốt, đồng thời thông qua các tập hợp lực lượng có lợi cho Trung

Quốc, thúc đẩy “dân chủ hóa” lãnh đạo thế giới để chiếm được “phần bánh” lãnh đạo lớn hơn dưới chiêu bài “đa cực hóa”. Về thực chất là Trung Quốc nhằm xác lập thế giới đơn cực Đại Trung Hoa, nhưng trên con đường xa đi tới đó, cần phải qua thời kỳ quá độ “đa cực”, tiếp theo có thể là 2 cực. Barry Posen dự báo: “Cấu trúc quyền lực sẽ nhanh chóng trở lại hai cực với sự trỗi dậy của Trung Quốc. Tuy nhiên, có lẽ là hợp lý là cục diện đa cực sẽ ổn định trong một thời gian dài, trước khi hai cực xuất hiện<sup>12</sup>.”

ii) Khác với quan hệ Xô - Mỹ kiểu cũ trước đây, Trung Quốc tìm mọi cách để có thể ổn định tối đa quan hệ với Mỹ để tiếp tục triển khai chiến lược rượt đuổi, đồng thời hóa giải sự kiềm chế của Mỹ. Trung Quốc mong muốn xây dựng một quan hệ cường quốc kiểu mới với Mỹ hàm ý là để tránh kịch bản đối đầu quân sự như đã từng diễn ra trong lịch sử và kéo dài thời gian phục vụ cho mục tiêu phát triển<sup>13</sup>. Trong cuốn “China Goes Global: The Partial Power”, giáo sư Mỹ David Shambaugh, cho rằng từ 2020 tới 2025, GDP của Trung Quốc có thể vượt Mỹ, nhưng Trung Quốc cũng chỉ là “cường quốc bộ phận”, vì giữa Trung Quốc với Mỹ vẫn còn khoảng cách khá xa về các tiêu chí phát triển khác của xã hội hiện đại.

iii) Tiếp tục hội nhập ngày càng sâu và rộng hơn vào thế giới để thực hiện “can dự hòa bình”. Về kinh tế, thực hiện “hai mũi giáp công” là tiếp tục mở cửa và tăng cường đầu tư ra nước ngoài, tập chung vào ba lĩnh vực then chốt là năng lượng, tài chính, chứng khoán. Về chính trị - an ninh, vừa xây dựng khuôn khổ quan hệ hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài với Mỹ và với các nước lớn khác để tạo dựng “sức mạnh cộng sinh”, lợi thế liên kết và gia tăng ảnh hưởng với các trung tâm, các nước lớn là Mỹ, Nga, EU, Nhật Bản và Ấn Độ.

iv) Tận dụng *xu thế nguyện vọng* “đa cực” để xác lập vị thế và vai trò ngang bằng trong trật tự thế giới thông qua ngoại giao toàn phương vị nhưng kết hợp linh hoạt giữa “điểm” với “diện”. Ba phương vị chính tập hợp lực lượng gồm: Song phương: Trung - Nga, Trung - ASEAN, Trung - EU, cải thiện Trung - Nhật, Trung - Ấn,...; đa phương: Liên hợp quốc, SCO, G20, BRICS, Diễn đàn Bắc Ngao; hợp tác với các châu lục khác: Trung Quốc - châu Phi, Trung Quốc - Mỹ Latinh và các liên kết tay ba nước lớn như Trung - Nga - Ấn.

#### + Gây sức ép và dẫn đe an ninh với Mỹ

Trung Quốc cũng sẽ tìm cách lôi kéo và quan hệ với các lực lượng chống Mỹ để gây sức ép và đe dọa lợi ích an ninh nền tảng của Mỹ ở châu Á - Thái Bình Dương, Trung Đông - Bắc Phi và có thể ngay ở sân sau Mỹ Latinh của Mỹ, thậm chí ngay trong biên giới của Mỹ. Theo hướng này, Trung Quốc sẽ tận dụng và phát huy cao nhất mọi

<sup>12</sup> Barr R. Posen (2009): *Emerging Multipolarity: Why Should We Care?*, Current History, November, p.348

<sup>13</sup> David Shambaugh (2013): *Prospects for a “New Type of More Power Relationship*, Foreign Polycy, March 7.

tiềm năng chống Mỹ và đồng minh của Mỹ, đồng thời tăng cường quan hệ với bất kỳ nhà nước hay lực lượng chính trị nào có lợi cho Trung Quốc.

+ Lôi kéo và chinh phục các nước cận ngoại biên

Trung Quốc triệt để sử dụng luận điểm “ Lợi ích bất các dân tộc phải im tiếng” (Hegel). Do đó, Trung Quốc tận dụng được tiềm lực tài chính của mình để lôi kéo và mua chuộc, thậm chí với giá cao để buộc tất cả các nước cận ngoại biên như Nga, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Bắc Triều Tiên, Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Indonesia và các nước đông nam Á khác phải nhún nhường trong giới hạn có thể, nhằm gia tăng sự phụ thuộc lợi ích kinh tế vào Trung Quốc. Các hiệp định thương mại và đầu tư có giá trị lớn mà Trung Quốc vừa đạt được với ASEAN, Nga, Ấn Độ, Ukraine, ... trong thời gian gần đây là kết quả ban đầu của biện pháp này. Ở Đông Á một hướng quan trọng là thúc đẩy đàm phán về FTA Đông Bắc Á giữa Trung Quốc với Nhật Bản và Hàn Quốc, dù tình hình tranh chấp biển đảo Trung –Nhật vẫn phức tạp.

- *Hai là*, chia rẽ và lôi kéo đồng minh của Mỹ. Sự chuyển dịch trung tâm kinh tế thế giới từ Tây sang Đông tạo điều kiện thuận lợi hơn cho Trung Quốc chia rẽ và lôi kéo đồng minh của Mỹ. Từ đầu những năm 1980, trên cơ sở dự báo khả năng chuyển dịch trung tâm kinh tế thế giới Từ Tây sang Đông, nhà lãnh đạo Đặng Tiểu Bình đã thúc đẩy chiến lược cải cách mở cửa phát triển kinh tế Trung Quốc. Đầu thế kỷ XXI xu hướng này càng thể hiện rõ rệt, nhất là khi một số nền kinh tế Âu - Mỹ lâm vào khủng hoảng tài chính và nợ công kéo dài từ năm 2008 tới nay. Cho dù không tránh được ảnh hưởng của khủng hoảng, nhưng Trung Quốc vẫn là nền kinh tế tăng trưởng cao nhất. Trung Quốc không chỉ là thách thức mà còn là cơ hội cho sự phục hồi và phát triển của kinh tế thế giới nói chung, cho Nhật Bản và EU nói riêng. Tận dụng lợi điểm này, Trung Quốc sẽ đẩy mạnh ngoại giao kinh tế để lôi kéo và thu hút các đồng minh chủ chốt của Mỹ. Đồng thời Trung Quốc sẽ tiếp tục đào sâu những bất đồng và mâu thuẫn giữa Nhật Bản và EU với Mỹ trong đó có tâm lý bài và chống Mỹ trong một số cộng đồng dân cư, cùng những bất đồng về chính trị- an ninh có thể xuất hiện để lôi kéo tập hợp lực lượng như trường hợp Pháp và Đức chống chiến tranh Iraq của Mỹ năm 2003. Về phương diện này, Trung Quốc sẽ tiếp tục kết hợp các biện pháp chiến tranh tâm lý và truyền thông trong không gian mạng toàn cầu.

- *Ba là*, tiếp tục tranh thủ mọi cơ hội, chủ động thể hiện vị thế và vai trò nước lớn, cùng tham gia soạn thảo luật chơi và cạnh tranh khu vực ảnh hưởng với Mỹ trước hết là ở Đông Á. Trong bài phát biểu về “Nền Ngoại giao nước lớn mang đặc điểm Trung Quốc” tại “Diễn đàn Hòa bình thế giới” và hai từ này được nhắc lại không dưới 13 lần<sup>14</sup>. Ở đây, “chủ động” thể hiện cả trong “cho và nhận” và áp đặt vấn đề, áp đặt luật chơi cho các đối tác trong quan hệ với Trung Quốc.

---

<sup>14</sup>Thông tấn xã Việt Nam (2013): *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 21/8, tr. 15 – 24.

Hơn bao giờ hết, Trung Quốc đã bộc lộ sự tự tin về vai trò và vị thế của mình. Nhân dân Nhật báo 23/11/2012 viết “Trung Quốc đang xem xét trở thành *động lực lớn nhất* thúc đẩy thay đổi trong môi trường quốc tế”. Trong nội bộ Trung Quốc, giới quân sự sẵn sàng thách thức và cạnh tranh trực diện với Mỹ; giới tinh hoa chia thành hai trường phái: chung sống, thi đua, hòa bình và cạnh tranh quyết đoán. Quan điểm chính thức đến nay là vừa kiên quyết bảo vệ những “lợi ích cốt lõi” trên tư thế mới của một cường quốc thứ hai thế giới, vừa chủ động tìm cơ hội gia tăng vị thế theo sách lược từng bước một.

Những hành động đơn phương quyết đoán gần đây của Trung Quốc như thiết lập ADIZ ở biển Hoa Đông(11/2013) và đặt giàn khoan HD- 981 trên thềm lục địa và EEZ của Việt Nam(5/2014), và ráo riết xây đảo nhân tạo phi pháp trong suốt hơn 1 năm qua tại các đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam ở Biển Đông là các bước đi mới trong việc thiết lập *khu vực ảnh hưởng biển* ở Tây Thái Bình Dương, trong đó không loại trừ khả năng họ thiết lập ADIZ tại đây<sup>15</sup>. Những bước đi quyết liệt mới này của Bắc Kinh thể hiện một sự điều chỉnh chiến lược mới theo hướng chủ động lấn chiếm nhằm xác lập khu vực ảnh hưởng trên biển, thay đổi nguyên trạng ở Tây Thái Bình Dương.

- *Bốn là*, chuẩn bị khả năng đối phó các tình huống bất ngờ. Sự thiếu hụt niềm tin vào nhau cả trong giới cầm quyền và trong công chúng sẽ tiếp tục là một đặc điểm nổi trội trong quan hệ Trung - Mỹ trong thời gian tới. Năm 2012, theo một thăm dò của tổ chức Pew về quan hệ Mỹ -Trung, chỉ có 43% số người Trung Quốc được hỏi thích Mỹ, còn 68% số người Mỹ được hỏi trả lời là không thể tin tưởng vào Trung Quốc, 66% coi Trung Quốc là nước cạnh tranh<sup>16</sup>. Hơn nữa, tư tưởng bá đạo vẫn chi phối mạnh trong giới quân sự Trung Quốc. Các vụ việc như EP3, Impeccable, bình Minh II, Scarborough/Hoàng Nham, giàn khoan HD – 981, .... ít nhiều đều là sản phẩm của logic “Bá Đạo”. Từ khi lên cầm quyền tới nay, khi thăm bất kỳ quân đội nào (đã hai lần thăm hạm đội Hải Nam), ông Tập đều nhắc nhở là phải chuẩn bị chiến đấu và chiến thắng, vừa để “lên dây cót” và nắm quân đội, vừa là răn đe trước và cũng chuẩn bị để sẵn sàng trừng phạt đối phương hoặc đương đầu với Mỹ, hoặc là “giết gà dọa khỉ”.

#### **4.2. Về phía Mỹ**

Về mặt lý thuyết, Mỹ có ba cách ứng xử với Trung Quốc là: i) “theo đuổi những chiến lược có tính cạnh tranh nhằm “mời gọi” Trung Quốc tham gia vào các cuộc chạy đua vũ trang tốn kém mà không có phần thắng; ii) đẩy các chi phí kinh tế và chính trị đối với những tham vọng mà “Trung Quốc theo đuổi thực hiện để phát triển các năng lực chiến lược cao cấp lên cao; và iii) gắn quan hệ hợp tác kinh tế và chiến lược giữa Trung Quốc và Mỹ với nhau để kiềm chế các chương trình phát triển chiến lược của

<sup>15</sup> Thông tấn xã Việt Nam (2014): *Tin tham khảo thế giới*, ngày 10/6, tr. 5.

<sup>16</sup> David Shambaugh (2013): *Đã dẫn*

Trung Quốc”.<sup>17</sup> Nhưng từ thực tế quan hệ Mỹ- Trung và triển vọng của tình hình sắp tới, có thể dự báo khái quát một số biện pháp chủ yếu mà Mỹ đang và sẽ tiếp tục thực hiện trong quan hệ với Trung Quốc là:

- *Thứ nhất*, mặc cả về lợi ích cốt lõi. Việc trì hoãn cuộc gặp với Dalai Lama cho tới sau chuyến thăm Trung Quốc của Tổng thống Mỹ Obama là phép thử đầu tiên trong cách tiếp cận mới của Washington đối với Bắc Kinh theo đường hướng “ tái bảo đảm chiến lược”(strategic reassurance). Phát biểu tại hội nghị ở Trung tâm An ninh mới của Mỹ, Thứ trưởng ngoại giao Jame Steinberg cho rằng, tái bảo đảm chiến lược, được hiểu ngầm là *sự mặc cả về lợi ích cốt lõi*<sup>18</sup>. Mỹ và đồng minh cần phải nhận rõ là phải chuẩn bị để nghênh tiếp sự đang đến của Trung Quốc như một cường quốc thịnh vượng và thành công. Trung Quốc cần phải cam đoan với phần còn lại của thế giới là sự phát triển và vai trò toàn cầu đang tăng lên của Trung Quốc sẽ không bắt các nước khác phải trả giá về an ninh và thịnh vượng.

Việc mặc cả là cần phải là ưu tiên trong quan hệ Mỹ - Trung. Những rủi ro xuất hiện ngày càng lớn do nghi ngờ chiến lược đặc biệt cao ở đầu trường vũ khí hạt nhân chiến lược, không gian vũ trụ và đang gia tăng trong lĩnh vực tin học điều khiển. Việc có được sự bảo đảm qua lại trong các lĩnh vực này đang là một thách thức, như những bài học từ chiến tranh lạnh, lại là cơ bản để tránh được sự kình địch thảm khốc tiềm tàng và sự hiểu lầm. Chẳng hạn, “tam giác hạt nhân Trung Quốc- Ấn Độ - Pakistan sẽ là cái cớ đẩy nguy hiểm cho việc tái bắt đầu một chiến trường mở rộng; một que diêm cũng có thể làm bùng lên một cú nổ lớn”<sup>19</sup>. Vì vậy, cả Mỹ và Trung Quốc đều phải tập chung trí tuệ để đối phó với các thách thức có thể xảy ra. Chính quyền G. W. Bush đã từng kêu gọi Trung Quốc thể hiện là ‘một thành viên có trách nhiệm’, nhưng nước Mỹ dưới thời Tổng thống B. Obama không nên lãng phí thời gian chờ đợi điều này từ Trung Quốc vì Trung Quốc đang kiên trì theo đuổi đường lối chính trị quyền lực trên thế giới và do đó, cần phải bắt đầu thực hiện tái bảo đảm chiến lược.

- *Thứ hai*, tiếp tục tăng cường thúc đẩy hợp tác cùng có lợi trên các lĩnh vực mà thực chất cũng là để phòng ngừa và ràng buộc. Sự tùy thuộc lẫn nhau ngày càng gia tăng về kinh tế và an ninh trong môi trường chiến lược quốc tế đầy rủi ro buộc Mỹ phải tăng cường thúc đẩy hợp tác nhiều mặt với Trung Quốc. Patrick M. Cronin cho rằng: “nhận thức về tiềm năng sức mạnh của Trung Quốc và việc không chắc về sự tiến triển dài hạn của nó là những lưu ý mấu chốt trong chiến lược của Mỹ. Thay vì xác định xem Trung Quốc là bạn hay thù, Mỹ nên tập chung vào việc thu lợi từ quan hệ hợp tác, đồng thời rào đón ngăn chặn khả năng Trung Quốc nổi lên như một mối đe dọa trong tương lai. Yếu tố đầu tiên trong chiến lược của Mỹ nhằm nhấn mạnh rằng sự hợp tác và hội nhập Trung Quốc vào các tổ chức toàn cầu có ý nghĩa ảnh hưởng đến hành vi của Trung

<sup>17</sup> Patrick M. Cronin (2009): *America's security role in a changing world*, National Defense University, p.263.

<sup>18</sup> The New Yorker (2013): *Strategic Reassurance*, <http://www.newyorker.com/online/blogs/evanosnos>, March 17.

<sup>19</sup> Zbigniew Brzezinski (2004): *The choice: Global Domination or Global Leadership*, Basic Book, p. 111

Quốc và định hình sự phát triển tiếp theo của nước này theo đường lối tích cực”<sup>20</sup>. Mỹ hoan nghênh Trung Quốc nắm giữ vai trò lãnh đạo có trách nhiệm trong quá trình làm việc với Mỹ và cộng đồng quốc tế nhằm thúc đẩy những ưu tiên như phục hồi kinh tế, chống biến đổi khí hậu và không phổ biến vũ khí hủy diệt. Ở tầm rộng hơn, Mỹ sẽ khuyến khích Trung Quốc có những sự lựa chọn hiệu quả đóng góp cho an ninh và phát triển khi ảnh hưởng của Trung Quốc gia tăng.

- *Thứ ba*, tiếp tục đẩy mạnh cạnh tranh và kiểm chế chiến lược đối với Trung Quốc một cách linh hoạt, kết hợp giữa điểm và diện. Mỹ sẽ tiếp tục giám sát chương trình hiện đại hóa quốc phòng của Trung Quốc và chuẩn bị một cách phù hợp để đảm bảo rằng lợi ích của Mỹ và đồng minh ở cả khu vực và toàn cầu không bị ảnh hưởng một cách tiêu cực. Mỹ sẽ phải giữ sự vượt trội về quân sự để đảm bảo an ninh quốc gia, củng cố an ninh toàn cầu trong những thập niên tới<sup>21</sup>. Quá trình bố trí lại lực lượng ở châu Á- Thái Bình Dương sẽ được thúc đẩy từng bước phù hợp với nhu cầu thực tế. Mỹ còn chủ trương “mạng lưới hóa” các quan hệ hợp tác quân sự với các nước ngoài liên minh, nhưng trọng tâm là duy trì năng lực quân sự và các liên minh của Mỹ như một hàng rào chống lại Trung Quốc. Một cách lý tưởng, các đồng minh và năng lực của Mỹ phải ngăn cản các hành động gây hấn và khuyến khích Bắc Kinh thông qua các biện pháp hòa bình khi theo đuổi các mục tiêu. Thách thức là làm sao cân bằng được các yếu tố này để việc nhấn mạnh quá mức về mặt hợp tác không đưa Mỹ vào vị thế chiến lược không thuận lợi, còn sự chú trọng vào rào chắn quân sự cũng sẽ không đẩy Trung Quốc vào thế đối đầu”<sup>22</sup>.

Trong giai đoạn từ nay tới 2020/2030, Mỹ sẽ tiếp tục điều chỉnh bố trí lực lượng quân sự toàn cầu trong đó có khu vực CÁ - TBD và triển khai toàn diện các biện pháp lôi kéo, chia rẽ nhằm tập hợp lực lượng có lợi nhất để ngăn chặn và kiểm chế từ xa Trung Quốc. Một trong những hướng ưu tiên là triển khai hệ thống phòng thủ tên lửa ở Nhật Bản và Philippines; tăng cường hợp tác với Úc và ASEAN, đồng thời củng cố, mở rộng và nâng cấp các liên minh quân sự song phương ở khu vực theo hướng gắn kết hai không gian Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương và chuẩn bị các điều kiện dự phòng cần thiết cho cuộc chiến cục bộ có thể xảy ra với Trung Quốc trong tình huống bất ngờ; hậu thuẫn Nhật Bản trở thành “quốc gia bình thường” mà thực chất là biến Nhật thành đối trọng chiến lược ở tuyến đầu với Trung Quốc. Trong quan hệ với Đài Loan, bên cạnh duy trì “chính sách một Trung Quốc”, Mỹ sẽ vẫn tiếp tục bán vũ khí cho Đài Loan. Về cạnh tranh kinh tế, Mỹ thúc đẩy đàm phán TPP để sớm ký kết hiệp định, tạo ra một sân chơi mới có lợi cho Mỹ, tái cân bằng quan hệ kinh tế Mỹ - châu Á, đồng thời Mỹ tái cơ cấu nền kinh tế Mỹ theo hướng khôi phục lại nền sản xuất thực để gia tăng xuất

<sup>20</sup>Patrick M. Cronin (2009): *America's security role in a changing world*, National Defense University, p. 261.

<sup>21</sup> NSS May2010, p.0

<sup>22</sup> Patrick M. Cronin, *America's security role in a changing world*, Nxb. National Defense University, 2009, tr.261.

khẩu vào Trung Quốc, lấy lại thăng bằng trong cán cân thanh toán, kiểm soát chặt chẽ hơn lĩnh vực tỷ giá và sở hữu trí tuệ với Trung Quốc.

- *Thứ tư*, chuyển hóa nội bộ Trung Quốc. Theo triết lý, kinh tế thị trường sẽ đẩy tới dân chủ đa nguyên, Mỹ sẽ vẫn tiếp tục khuyến khích các cải cách thể chế kinh tế thị trường ở Trung Quốc nhằm thúc đẩy tự do hóa chính trị kiểu Mỹ. Đồng thời, Mỹ vẫn sử dụng các công cụ dân chủ - nhân quyền, tự do tôn giáo để can thiệp vào các công việc nội bộ của Trung Quốc, đặc biệt là ở Tân Cương, Tây Tạng, hay vùng nội Mông, ... Trong chuyến thăm Bắc Kinh mới đây nhất (12/2013), Phó Tổng thống Mỹ J. Biden đã công khai nói với giới trẻ Bắc Kinh rằng: “Trẻ em ở Mỹ được khen thưởng chứ không bị phạt vì giám thách thức những trật tự hiện có... Cách duy nhất bạn làm điều gì đó hoàn toàn mới là phá vỡ những khuôn khổ của những gì cũ kỹ”<sup>23</sup>. Ngoài ra Mỹ cũng sẽ tiếp tục sử dụng các công cụ ngoại giao văn hóa và ngoại giao công chúng để lôi kéo tầng lớp thanh niên Trung Quốc. Chủ tịch Tập Cận Bình và ban lãnh đạo mới của Trung Quốc muốn theo đuổi “Giấc mơ Trung Hoa” nhưng nhiều thanh niên Trung Quốc lại theo đuổi “Giấc mơ Mỹ”. Đây là một tình thế mà Mỹ có thể dễ dàng tận dụng để phân hóa xã hội Trung Quốc theo hướng có lợi cho Mỹ.

## 5. Những vấn đề đặt ra đối với các quốc gia trong khu vực

Những điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với Mỹ và các quốc gia Đông Á, đã đưa tới những hệ quả chiến lược đáng chú ý sau:

- *Thứ nhất*, các biến đổi địa- chiến lược nước lớn ở CÁ - TBD. Tiến sĩ Richard Rigby, giám đốc Viện nghiên cứu Trung Quốc tại Canberra (Úc) cho rằng: “Một thách thức thực sự đối với những người hoạch định chính sách tại Úc, không chỉ trong chính phủ mà cả trong các doanh nghiệp ở mọi nơi, là việc suy nghĩ về thực tế thế giới đã thay đổi như nào do ảnh hưởng của những gì đang diễn ra tại Trung Quốc”<sup>24</sup>. Về một phương diện nào đó, điều này cũng đúng với Việt Nam và trước hết là thách thức về nhận dạng cho đúng thế giới và khu vực trong hơn thập niên qua và tầm nhìn tới 2030.

Theo quan điểm truyền thống về trật tự thế giới tập chung vào “cân bằng quyền lực”, thì cạnh tranh và hợp tác chiến lược Mỹ - Trung đã và đang thúc đẩy tiến trình hình thành kết cấu trật tự thế giới theo dạng thức mạng đa trung tâm<sup>25</sup>, nhưng đó còn là một quá trình khá lâu dài. Còn quan niệm hiện đại có thể coi đó “là hệ thống bao gồm các mối liên hệ phụ thuộc nhau ngày càng mạnh mẽ giữa các nước với nhau và giữa các nước với các nhân tố phi nhà nước có chức năng nhất định trên trường quốc tế”<sup>26</sup>. Báo cáo “*Các xu hướng toàn cầu 2030: các thế giới có thể thay thế*” đã được dự báo về một

<sup>23</sup><http://www.dantri.com.vn/the-gioi/Phó-tổng-thống-Mỹ-kêu-goi-thanh-niên-Trung-Quốc-dám-thách-thức-chính-phủ-811048.htm>, 4/12/2013

<sup>24</sup> TTXVN, Tài liệu tham khảo đặc biệt, 17/8/2010. tr.17-18

<sup>25</sup> Xem: Tạp chí Cộng sản số 856 tháng 2/2014, tr.94

<sup>26</sup> Bertrand Badie, lý thuyết về quan hệ quốc tế, Viện nghiên cứu chính trị Paris, học viện quan hệ quốc tế, Hà Nội 1998.

xu hướng lớn có thể làm thay đổi tầng kiến tạo của hệ thống quan hệ quốc tế. Đó là xu hướng thúc đẩy quá trình chuyển dịch sang các mạng lưới đa diện và khó định hình mà ngay cả các quốc gia giàu có nhất và dân số đông cũng không thể phát huy được ảnh hưởng nếu đứng ngoài các mạng lưới đó<sup>27</sup>. Điều này đòi hỏi các nước phải đánh giá lại vị thế chiến lược của mình trên bàn cờ chiến lược mới.

- *Thứ hai*, với hình thái vừa cạnh tranh gay gắt về chiến lược, vừa hợp tác cùng có lợi, thì sự thỏa hiệp giữa các nước lớn sẽ càng khó lường. Cạnh tranh chiến lược dù gay gắt đến mấy vẫn có những điểm dừng cho các chặng về sau. Vì vậy, khi đạt được cân bằng lợi ích ở những thời điểm nhất định. Các nước lớn sẵn sàng thỏa thuận tạm thời về các vấn đề, và đó lại thường là những trường hợp lợi ích của các nước nhỏ sẽ không được tính đến. Trong tư duy chính trị hiện nay, Trung Quốc đã đề xuất phương châm “cho và nhận” với Mỹ. Ở phương diện khác, cạnh tranh chiến lược quyết liệt giữa các nước lớn cũng có thể đưa đến tình huống mà một nước lớn nào đó thực hiện giải pháp mạnh để đảo ngược tình thế, hoặc lợi dụng cơ hội để thực hiện những hành động đã rồi mà chỉ phải trả cái giá chấp nhận được. Mặt khác, trong triển khai chiến lược cạnh tranh của mình, các nước lớn cũng là những chủ thể có khả năng chủ động nhất tạo ra tình huống gây mất ổn định mà họ kiểm soát được ở các vùng ngoại vi để trực lợi, có liên đới trực tiếp chủ quyền, lợi ích an ninh và phát triển của các nước.

- *Thứ ba*, quan hệ Mỹ - Trung thúc đẩy thế giới đa trung tâm. Như trên đã nhấn mạnh, một biến đổi quan trọng nhất của cục diện thế giới là tiến trình định hình trật tự đa trung tâm trong thế giới toàn cầu hóa. Trong 20 năm từ sau chiến tranh lạnh, những thất bại và suy yếu của Mỹ chứng tỏ thế giới cũng chưa bao giờ có trật tự đơn cực thực sự cho dù đã có nhận định về “khoảnh khắc đơn cực”. Khi hình thái đa trung tâm xuất hiện thì Mỹ và Trung Quốc dù là hai cường quốc lớn nhất cũng phải tính đến vai trò của các trung tâm và các nước khác khi ra quyết định đối ngoại. Nước Nga đã tụt hậu về sức mạnh kinh tế, nhưng với sức mạnh quốc phòng và tiềm lực khoa học công nghệ trong lĩnh vực quân sự vào loại hàng đầu thế giới, đang từng bước thể hiện như một trung tâm quyền lực chính trị trong cơ cấu tay ba Mỹ - Trung - Nga cấp toàn cầu trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế. Tuy vị thế Nga đang là yếu nhất, nhưng hình thái tay ba này đánh dấu sự chấm dứt “trật tự đơn cực” và thúc đẩy “trật tự đa trung tâm” phát triển (EU, Nhật, Ấn Độ và các liên kết quốc tế khác).

Tại CÁ- TBD, tuy quan hệ Mỹ - Trung nổi trội nhất, nhưng hình thái “đa trung tâm” đang được thúc đẩy. Nhật Bản đang hiện thực hóa mục tiêu một “quốc gia bình thường”. Do việc Nhật Bản đã thông qua “quyền phòng vệ tập thể” và chính sách an ninh trong đó có hợp tác quốc phòng và xuất khẩu vũ khí, nên cấu trúc an ninh Đông Á đang có những thay đổi mang tính bước ngoặt.

---

<sup>27</sup> Global Trends 2030: Alternative Worlds, p.iii,iv

Trong tương tác chiến lược Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương, nhân tố Ấn Độ, nước đông dân thứ hai sau Trung Quốc ngày càng có trọng lượng hơn trong “phương trình chiến lược” ở khu vực. Từ 2008, Mỹ đã dùng các đòn bẩy Hiệp định hạt nhân và lợi ích kinh tế thương mại để nâng cấp quan hệ với Ấn Độ. Nhưng Ấn Độ không hề có ý định trở thành công cụ của Mỹ và Ấn Độ tin rằng, họ có thể duy trì cùng một lúc những mối quan hệ tốt với cả Mỹ lẫn Trung Quốc. Các nước đồng minh của Mỹ như Nhật Bản, Hàn Quốc đều tính toán rất thận trọng trước sự lôi kéo tập hợp lực lượng mới của Mỹ và Trung Quốc. Các nước ASEAN cũng bày tỏ công khai không muốn rơi vào tình thế phải “chọn một trong hai” giữa Mỹ và Trung Quốc. Như vậy, “giá trị” các nhân tố thứ ba dùng làm đối trọng ngày nay đã bị hạn chế rõ rệt. Từ 1996, Ngoại trưởng Nga lúc đó là Primakov đã từng đề xuất ý tưởng về tam giác chiến lược Nga - Trung - Ấn, nhưng thực tế hơn một thập niên qua cho thấy, liên minh đó không thể thực hiện được vì Trung Quốc và Ấn Độ không thể là liên minh gần gũi do mâu thuẫn xung quanh về vấn đề Pakistan. Mặt khác, Mỹ lại là đối tác kinh tế chính của Trung Quốc, trong khi đối tác kinh tế chính của Ấn Độ là EU, còn Nga chỉ chiếm một tỉ trọng khiêm tốn trong buôn bán của Trung Quốc và Ấn Độ.

Ngày nay trong điều kiện mới, cùng với sự nổi trội của cạnh tranh và hợp tác Mỹ - Trung, các mối quan hệ nước lớn tay đôi, tay ba, tay tư sẽ phát triển rất đa dạng đưa tới cấu trúc quyền lực phức hợp như đã nêu trên. Cùng với đó, là quá trình toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế với vai trò thúc đẩy chủ yếu các cường quốc tiếp tục phát triển sâu rộng và thúc đẩy nền kinh tế mạng toàn cầu, gia tăng hơn sự tùy thuộc về lợi ích phát triển an ninh, và theo đó, hệ thống quan hệ quốc tế đa trung tâm, đa đối tác cũng càng được định hình.

Thế giới mạng, đa trung tâm sẽ đưa đến hai hệ quả đáng chú ý đối với các nước nhỏ: i) Trước hết mở ra khả năng mới và dư địa mới cho đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, thiết lập các “thăng bằng chiến lược” tổng hợp nhằm đảm bảo an toàn chiến lược cho mình. Nhưng thách thức cũng lớn vì đây là một bài toán khó trong điều kiện đấu tranh phức tạp của chính trị nước lớn và sức nặng chiến lược của các nước nhỏ rất hạn chế; các cường quốc cũng thiên về tìm các đối trọng để “cân bằng chiến lược” tổng hợp. Bản thân các trạng thái “thăng bằng” (đối với nước nhỏ) hay “cân bằng” (đối với nước lớn) là những phạm trù động, nên sẽ thay đổi nhanh chóng khi các nước đều thực dụng. Trong chuyến thăm Việt Nam đầu tiên của Chủ tịch hội đồng tham mưu Mỹ vào tháng 8/2014, tướng M. Dempsey đưa ra một thông điệp thâm thúy rằng “Phía Mỹ không yêu cầu Việt Nam phải chọn Mỹ hay Trung Quốc” và “một Việt Nam mạnh mẽ và độc lập sẽ trở thành một mảnh ghép quan trọng đối với vấn đề biển Đông”. ii) Trong điều kiện trật tự đa trung tâm hiện nay, khi Mỹ - Trung chi phối tình hình quốc tế, các nước châu Á- Thái Bình Dương sẽ có thêm dư địa nhất định để vượt qua ảnh hưởng của các nước lớn nhằm nâng cao vị thế quốc tế của mình. Hay nói cách khác, là có nhiều sự lựa chọn hơn trong bất cân xứng. Tuy nhiên, để đạt được điều đó, cần có

một chính sách đối ngoại hết sức linh hoạt, chọn lựa đúng các ưu tiên cả về đối tác cả về lĩnh vực quan hệ sao cho có thể xây dựng mạng quan hệ quốc tế khung bền vững mà có khả năng linh hoạt, thay thế lớn khi tình hình thay đổi.

Như vậy có thể nói, hiện nay bàn cờ chiến lược Mỹ - Trung đang có sự thay đổi lớn, do cạnh tranh ảnh hưởng tại khu vực CÁ - TBD, cũng như mâu thuẫn trong cách thức giải quyết những bất đồng trong nhiều vấn đề của hai nước, đang ngày một trở lên quyết liệt hơn. Sự trỗi dậy về kinh tế và tiến trình hiện đại hoá quân sự ồ ạt của Trung Quốc là lý do chính khiến Mỹ điều chỉnh chiến lược “tái cân bằng” sang khu vực CÁ - TBD. Song những bất đồng, mâu thuẫn giữa hai nước khó có thể dẫn tới đối đầu trực tiếp, bởi những lý do sau:

*Thứ nhất*, trọng tâm đối ngoại của Chính quyền Obama vẫn là duy trì địa vị lãnh đạo toàn cầu của Mỹ. Trung Quốc tuy không thừa nhận nước nào lãnh đạo thế giới, nhưng cũng không khiêu khích địa vị bá quyền của Mỹ. Trung Quốc cũng biểu thị rõ ràng rằng, không những không phản đối sự tồn tại của Mỹ ở khu vực CÁ - TBD, mà còn hoan nghênh Mỹ phát huy vai trò tích cực trong khu vực này. Trong khi, Mỹ điều chỉnh chính sách với Trung Quốc trong khuôn khổ chiến lược toàn cầu và chiến lược CÁ - TBD với học thuyết “quyền lực thông minh” và cách tiếp cận đa phương.

*Thứ hai*, thời gian qua, tuy có lúc căng thẳng, nhưng hai bên đều có sự kiềm chế, tránh đối kháng. Tính tùy thuộc lẫn nhau giữa hai nền kinh tế Trung - Mỹ ngày càng cao hơn đã hình thành mối quan hệ “cùng thắng cùng thua”. Nếu như nền kinh tế Mỹ tái khủng hoảng, hệ thống bản vị dựa vào đồng USD bị sụp đổ, thì Trung Quốc sẽ chịu tổn thất vô cùng lớn, nền kinh tế thế giới bao gồm cả kinh tế Trung Quốc cũng sẽ nảy sinh những khó khăn khó bề giải quyết. Ngược lại, nếu kinh tế Trung Quốc rơi vào hoàn cảnh khó khăn nghiêm trọng, thì cũng gây ra những tác dụng phụ rất lớn đến kinh tế Mỹ và cho cả nền kinh tế thế giới.

*Thứ ba*, Mỹ - Trung đều có lợi ích chung trong việc giữ gìn, duy trì hòa bình ổn định của khu vực CÁ - TBD, đặc biệt là hòa bình ổn định của bán đảo Triều Tiên, khu vực biển Đông và biển Hoa Đông. Việc duy trì an ninh đường biển trong khu vực cả Trung Quốc, Mỹ và các nước Đông Nam Á đều có lợi ích và trách nhiệm, không gian hợp tác là rất lớn trong việc cùng nhau duy trì an ninh trên biển.

*Thứ tư*, lập trường của Trung Quốc về duy trì quyền lợi trên biển và chủ quyền hải đảo là rõ ràng, nhưng trong tranh chấp về duy trì quyền lợi trên biển và chủ quyền hải đảo, Trung Quốc một mặt tuyên bố sẽ nghiêm túc tuân thủ luật pháp quốc tế, mặt khác lại đưa ra những đòi hỏi phi lý về chủ quyền để giành lợi thế khi tiến hành thương lượng. Hiện nay, mâu thuẫn về quyền lợi hải dương giữa Mỹ - Trung là những xung đột nguy hiểm mang tính cục bộ chứ không phải tính toàn cục. Vì vậy, qua một thời gian đấu tranh, đàm phán bao gồm cả những toan tính chiến lược, thăm dò, khả năng về việc

từng bước hình thành sự thỏa hiệp chiến lược, xây dựng nên thế cân bằng mới, khiến cho cục bộ tương đối ổn định là rất lớn.

Như vậy, với những toan tính chiến lược của Trung Quốc, cũng như của Mỹ, trên cơ sở thế và lực, sự đan xen lợi ích, nhất là sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng lớn, khiến quan hệ “vừa là đối tác, vừa là đối thủ” đang hướng tới “gác lại bất đồng, tăng cường hiểu biết và xây dựng lòng tin lẫn nhau” để cùng xây dựng “quan hệ nước lớn kiểu mới”. Tuy nhiên, cũng còn nhiều rào cản khó vượt qua trong quan hệ giữa hai cường quốc thế giới này. Mỹ và Trung Quốc phải khôi phục lại niềm tin vào nhau trước khi bất kỳ sự hợp tác chiến lược quan trọng nào có thể diễn ra. Hơn nữa, việc cải thiện quan hệ, ngày càng cấp bách, vì những thay đổi chiến lược sâu sắc đang diễn ra trên toàn khu vực sẽ chỉ làm cho tình hình càng phức tạp hơn và gây ra nhiều điểm bùng nổ tiềm tàng hơn. Việc cho phép các sự kiện diễn ra theo tiến trình không được sự chỉ dẫn của chúng sẽ có nghĩa là gặp phải những rủi ro lớn, vì khắp châu Á, người ta không chắc kết quả sẽ ra sao dù các lực lượng tích cực của toàn cầu hóa thế kỷ XXI, hay các lực lượng đen tối hơn của chủ nghĩa dân tộc cổ xưa sau cùng sẽ thắng thế.

Sự bắt đầu nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống B. Obama và nhiệm kỳ đầu tiên của Chủ tịch Tập Cận Bình tạo ra một cơ hội độc nhất để đưa mối quan hệ Mỹ – Trung Quốc theo một tiến trình tốt hơn. Tuy nhiên, để làm được điều đó, sẽ đòi hỏi khả năng lãnh đạo bền vững từ cấp cao nhất của cả hai chính quyền và một khuôn khổ nhận thức chung và cả cơ cấu thể chế để hướng dẫn công việc của bộ máy công quyền của mỗi nước, cả dân sự và quân sự. Lịch sử đã chỉ ra rằng sự trỗi dậy của các cường quốc mới thường gây ra xung đột lớn trên toàn cầu. Do vậy, những điều chỉnh, thay đổi trong chính sách đối ngoại của Mỹ và Trung chắc chắn sẽ có tác động lớn đối với chính trị thế giới, và sẽ đã đưa tới những hệ quả có ý nghĩa chiến lược sâu rộng.

*Hà Nội, ngày 6/9/2016*

# HƯỚNG MỐI TRONG CẢI CÁCH DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CỦA TRUNG QUỐC – BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

**Phạm Thị Tường Vân**  
**Viện Chiến lược và Chính sách Tài chính, Bộ Tài chính**  
**Email: [vanpt.nif@gmail.com](mailto:vanpt.nif@gmail.com)**

Trung Quốc đang bước vào thời kỳ đầu của một giai đoạn cải cách DNNN mới, đánh dấu bằng những tư tưởng cải cách của Đại hội XVIII<sup>1</sup>. Ngày 13/9/2015, Quốc vụ Viện Trung Quốc đã ban hành “Chỉ thị về đẩy mạnh cải cách DNNN” chính thức đưa các tư tưởng mới về cải cách DNNN vào giai đoạn thực hiện. Trong quý IV/2015, các văn bản cụ thể hóa cũng lần lượt được ban hành, các nội dung cải cách DNNN của Trung Quốc cũng dần rõ ràng hơn, về cơ bản gồm 05 nội dung như: (i) Thông qua định hướng thị trường hóa để đưa các DNNN thành những chủ thể thị trường độc lập; (ii) Thúc đẩy DNNN sở hữu hỗn hợp dưới nhiều loại hình, dưới nhiều phương thức nhưng không đặt nặng tiến độ hoàn thành; (iii) Tiếp tục thúc đẩy thực hiện thí điểm các Công ty đầu tư, *vận doanh*<sup>2</sup> vốn nhà nước và điều chỉnh chức năng cơ quan quản lý giám sát tài sản nhà nước; (iv) Thực hiện chế độ phân phối thu nhập doanh nghiệp phù hợp với nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa; và (v) Tăng cường dẫn dắt DNNN trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế. Bài viết sẽ tập trung vào năm nội dung trên để thấy được tổng thể những cải cách, đổi mới đối với DNNN của Trung Quốc trong giai đoạn tới.

## **1. Thông qua định hướng thị trường hóa để đưa các DNNN thành những chủ thể thị trường độc lập**

“Đưa DNNN thành những chủ thể thị trường độc lập, phát huy và giải phóng mạnh mẽ sức sống của doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh của thị trường và phát triển vai trò đầu tàu của DNNN, là một trong những quan điểm xuyên suốt trong Chỉ thị, cũng là điểm tập trung, nền tảng của đợt đẩy mạnh cải cách DNNN của Trung Quốc lần này”<sup>3</sup>.

Quan điểm này được phát triển từ tư tưởng “thị trường đóng vai trò mang tính quyết định trong phân phối các nguồn lực”<sup>4</sup> và được thể hiện trong Chỉ thị, thông qua một số biện

---

<sup>1</sup> Báo cáo Đại hội đảng nhiệm kỳ XVIII của Trung Quốc chỉ ra “cần phải kiên định củng cố, phát triển thành phần kinh tế nhà nước, phát triển đa dạng các hình thức sở hữu tài sản công, đẩy mạnh cải cách doanh nghiệp nhà nước, hoàn thiện các thể chế quản lý tài sản nhà nước, thúc đẩy vốn nhà nước tập trung nhiều hơn vào các lĩnh vực liên quan đến an toàn quốc gia và các ngành quan trọng, là huyết mạch của nền kinh tế quốc dân; không ngừng tăng cường sức sống, khả năng chống chọi, tầm ảnh hưởng của kinh tế nhà nước.” 党的十八届三中全会《决定》

<sup>2</sup> Trong báo cáo số 9/2014 của Viện Chiến lược và Chính sách tài chính về “Kinh tế Trung Quốc năm 2014 và xu hướng điều chỉnh chính sách” có đưa tên các công ty này là “Công ty quản lý và vận hành vốn nhà nước”. Để đảm bảo bao quát đúng chức năng của các công ty này, từ “vận hành” sẽ được chuyển thành “vận doanh” (vận hành và kinh doanh), vừa có hàm ý *điều tiết, quản lý* vừa có hàm ý *kinh doanh* vốn nhà nước.

<sup>3</sup> Theo phát biểu tại buổi họp báo sau công bố Ý kiến của Chương Hi Võ, phó chủ nhiệm SASAC

<sup>4</sup> Đây được coi là bước đột phá về mặt lý luận về cải cách thể chế kinh tế được Trung Quốc đưa ra trong Kỳ 3 Đại hội Đảng nhiệm kỳ XVIII (十八届三中全会)

pháp chủ yếu bao gồm: 1) Thực hiện quyền tự chủ theo quy định pháp luật của DNNN<sup>5</sup>; 2) Chuyển biến trong chức năng của Chính phủ (từ vai trò là quản lý cấp trên sang vai trò là chủ sở hữu); 3) Thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính và chuyển giao quyền tự chủ cho doanh nghiệp; 4) Thúc đẩy các DNNN hoàn thiện cơ chế kinh doanh thị trường hóa; 5) Thúc đẩy tái cấu trúc DNNN theo mô hình công ty cổ phần; 6) Tích cực thu hút các loại hình đầu tư; và 7) Triển khai, đẩy nhanh tiến trình DNNN tham gia vào thị trường cạnh tranh bình đẳng.

Cải cách thị trường hóa DNNN được tiến hành song song với những cải tổ về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý giám sát tài sản nhà nước (SASAC)<sup>6</sup>. Trung Quốc đặt mục tiêu thực hiện tốt **“một chuyển biến, hai danh mục công khai, ba quy về vị trí, bốn trọng điểm”**<sup>7</sup>.

Thứ nhất, **Một chuyển biến** chính là cần định vị chính xác chức năng, nhiệm vụ của chủ sở hữu theo mức độ góp vốn vào doanh nghiệp, chuyển từ tập trung quản lý toàn bộ mọi hoạt động của doanh nghiệp sang tập trung quản lý dựa trên phần vốn góp.

Thứ hai, **Hai danh mục công khai** chính là thông qua xác định có tính khoa học ranh giới quản lý, giám sát của người góp vốn đối với tài sản nhà nước từ đó xây dựng *danh mục công khai giám sát quản lý* và *danh mục công khai về trách nhiệm, quyền hạn các bên*.

Thứ ba, **Ba quy về vị trí** tức là phân quyền cho đúng đối tượng: Trao quyền tự chủ trong việc ra quyết định kinh doanh cho doanh nghiệp; Trao quyền quản lý công ty con cho doanh nghiệp cấp một; Quy định chức năng quản lý nhà nước cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc chính phủ.

Thứ tư, **Bốn trọng tâm** chính là trọng tâm quản lý tốt cơ cấu vốn nhà nước; Quy chuẩn hóa quy trình vận doanh vốn; Nâng cao lợi ích từ vốn và Đảm bảo an toàn vốn.

Thị trường hóa DNNN được thực hiện cùng với tăng cường giám sát, phòng tránh thất thoát tài sản nhà nước. Nội dung về giám sát được quy định với một loạt các biện pháp gồm (i) *“Bốn kênh phòng tuyến”* bao gồm kênh tăng cường giám sát nội bộ doanh nghiệp; Kênh giám sát của người góp vốn; Kênh giám sát đặc thù trong từng ngành, lĩnh vực cụ thể; và Kênh giám sát của xã hội thông qua công khai, minh bạch thông tin. Đây là sự kết hợp giám sát chặt chẽ giữa các tổ chức, đối tượng có liên quan đến hoạt động của DNNN tạo thành *“vòng tròn hoàn hảo”* giữa việc kết hợp giám sát trước, giám sát trong và giám sát sau.

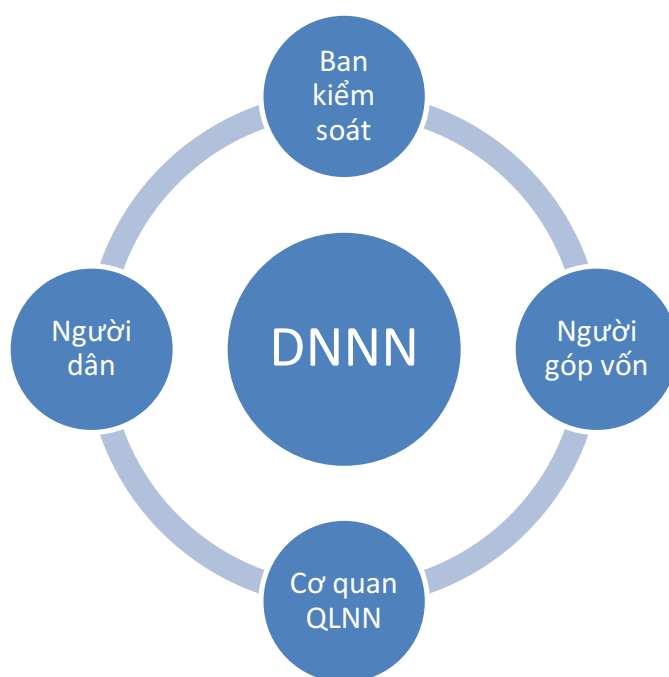
---

<sup>5</sup> DNNN thực sự trở thành những chủ thể thị trường độc lập tự chủ kinh doanh, tự chịu lãi lỗ, tự đương đầu rủi ro, tự kiểm soát, tự phát triển theo quy định của pháp luật (không phải thông qua phê duyệt của cơ quan cấp trên khi quyết định các hoạt động của mình).

<sup>6</sup> Cơ quan quản lý giám sát tài sản nhà nước của Trung Quốc được thành lập trong lĩnh vực, trong đó lớn nhất và quản lý, giám sát toàn bộ là SASAC.

<sup>7</sup> “一个转变、两个清单、三个归位、四个重点”

Hình . Bốn kênh phòng tuyến trong giám sát DNNN của Trung Quốc



Bên cạnh biện pháp giám sát, việc đưa ra “*Sáu cơ chế*” cũng góp phần tăng tính liên kết trong giám sát và đảm bảo sự chặt chẽ, phối hợp nhịp nhàng, tránh chồng chéo. “*Sáu cơ chế*” bao gồm: Xây dựng, kiện toàn các cơ chế xác minh, điều chuyển và cải cách; Cơ chế phối hợp công tác giám sát; Cơ chế phản hồi ý kiến giám sát; Cơ chế điều tra ngược, truy cứu trách nhiệm trong việc đưa ra các quyết sách sai quan trọng, không làm tròn chức vụ, lạm dụng chức vụ; Cơ chế chất vấn trách nhiệm giám sát tài sản nhà nước trong doanh nghiệp; Và cơ chế chống tham ô, tham nhũng có hiệu quả trong dài hạn.

## **2. Thúc đẩy DNNN sở hữu hỗn hợp dưới nhiều loại hình, dưới nhiều phương thức nhưng không đặt nặng tiến độ hoàn thành.**

Trung Quốc phát triển chế độ sở hữu hỗn hợp cho DNNN với mục tiêu: Thúc đẩy DNNN thay đổi cơ chế kinh doanh, nâng cao hiệu quả phân bổ và vận doanh vốn nhà nước. Đây được cho là khâu đột phá để giữ và tăng giá trị cho tài sản nhà nước một cách tốt hơn, nâng cao sức sống và sức cạnh tranh của các doanh nghiệp nhà nước, đánh dấu cải cách DNNN bước sang giai đoạn tăng tốc<sup>8</sup>. Tính đến hết 2014 số lượng DNNN tiến hành chuyển đổi thành công ty cổ phần đạt 78%, các doanh nghiệp trung ương đạt 85% so với mức 30% của năm 2003, các doanh nghiệp niêm yết có cổ phần nhà nước khổng chế đạt 1075 doanh nghiệp, trong đó các công ty niêm yết do doanh nghiệp trung ương khổng chế là 367 doanh nghiệp. Các công ty niêm yết chiếm 54,9% tổng tài sản, 49,5% tài sản cố định, 59,8% doanh thu của các doanh nghiệp trung ương. Tính đến cuối năm 2015, tổng giá trị tài sản của các doanh nghiệp nhà nước Trung Quốc đạt 119 nghìn 200 tỷ Nhân dân tệ. Trong đó, doanh nghiệp Trung ương đạt 47 nghìn 600 tỷ Nhân dân tệ. Số doanh nghiệp Trung ương từ 115

<sup>8</sup> Theo Vương Quân - Phó trưởng Ban Tư vấn và Nghiên cứu - Trung tâm Giao lưu kinh tế quốc tế Trung Quốc.

doanh nghiệp cuối năm 2012 điều chỉnh xuống còn 106 doanh nghiệp hiện nay, đã giảm sự cạnh tranh về sản phẩm cùng loại, tăng cường hiệu ứng điều phối giữa các ngành nghề.

Thực hiện bổ sung ưu, nhược điểm, thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển giữa các loại hình sở hữu theo nguyên tắc “Chính phủ định hướng, thị trường điều phối: tôn trọng quy luật phát triển của thị trường và quy luật phát triển của doanh nghiệp, lấy doanh nghiệp làm trọng tâm, phát huy triệt để vai trò của thị trường”<sup>9</sup>.

Để thực hiện mục tiêu trên, Chỉ thị đưa ra các nội dung thực hiện khác nhau đối với từng loại doanh nghiệp: (i) Phân tách các DNNN đang hoạt động theo phương thức hỗn hợp và các doanh nghiệp phù hợp để hoạt động theo phương thức hỗn hợp. Thông qua thực hiện cổ phần hóa, đưa DNNN lên sàn niêm yết để thúc đẩy thực hiện sở hữu hỗn hợp, cùng với đó là hoàn thiện chế độ doanh nghiệp hiện đại (mô hình công ty cổ phần), nâng cao hiệu quả vận doanh vốn nhà nước. Đối với các DNNN phù hợp sở hữu hỗn hợp thì tiếp tục thúc đẩy tiến trình cải cách với phương châm là phát huy triệt để vai trò của cơ chế thị trường<sup>10</sup>. (ii) Phân biệt rõ loại hình doanh nghiệp thương mại (kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận) và doanh nghiệp công ích, trong đó các doanh nghiệp thương mại mà ngành nghề kinh doanh chính có mức độ cạnh tranh cao phải tiến hành cải cách hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Các doanh nghiệp thương mại thuộc các ngành quan trọng, lĩnh vực then chốt liên quan tới an ninh quốc gia, thực hiện những hạng mục lớn, thì nhà nước cần nắm giữ cổ phần khống chế. (iii) Phân cấp khác nhau giữa các tập đoàn, tổng công ty và các công ty con. Ở cấp tập đoàn, tổng công ty (doanh nghiệp cấp I), nhà nước sẽ giữ cổ phần chi phối đối với một số lĩnh vực được quy định. Với các lĩnh vực khác, khuyến khích thông qua các hình thức niêm yết, mua bán sáp nhập, tái cấu trúc, phát hành trái phiếu chuyển đổi,... để thu hút các nhà đầu tư bên ngoài. Ở cấp công ty con thuộc tập đoàn, tổng công ty (doanh nghiệp cấp II trở xuống) hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, lĩnh vực nghiên cứu phát triển, thì thu hút các nguồn vốn ngoài nhà nước, tăng tốc quá trình đổi mới sáng tạo, đổi mới trong quản lý và mô hình kinh doanh của các doanh nghiệp này.

Về phương thức thực hiện cụ thể: Một mặt Trung Quốc sẽ khuyến khích các nguồn vốn ngoài nhà nước thông qua tham gia cổ phần, mua lại quyền cổ phần, mua các loại trái phiếu chuyển đổi, chuyển đổi quyền cổ phần,... để tham gia vào quá trình cải cách, tái cấu trúc DNNN hay quá trình tăng vốn với các DNNN niêm yết, tham gia vào quản lý kinh doanh doanh nghiệp. Mặt khác, Trung Quốc dự kiến sẽ phát huy tối đa vai trò của các công ty đầu tư, vận doanh vốn nhà nước, thông qua các hình thức thị trường hóa, để tiến hành đầu tư quyền cổ phần vào các doanh nghiệp ngoài nhà nước, chủ yếu trong các lĩnh vực dịch vụ công cộng, kỹ thuật cao, bảo vệ môi trường, sinh thái và các ngành sản xuất mang tính chiến lược, có tiềm năng lớn, khả năng phát triển mạnh.

*Một điểm đáng chú ý khác đó là Trung Quốc không đặt tiến độ cho cải cách sở hữu hỗn hợp. Ý kiến chỉ đạo có nêu “cần phát huy mạnh mẽ vai trò của cơ chế thị trường, kiên trì thực thi chính sách sát với địa bàn, sát với ngành nghề, sát với doanh nghiệp; cần giữ 100% vốn*

<sup>9</sup> Theo Liên Duy Lương, phó chủ nhiệm Ủy ban Phát triển cải cách quốc gia Trung Quốc.

<sup>10</sup> Theo “Ý kiến của Quốc vụ Viện về DNNN phát triển kinh tế sở hữu hỗn hợp” 国务院关于国有企业发展混合所有制经济的意见 -国发〔2015〕54号 Ban hành ngày 24/9/2015

*thì phải giữ, cần cổ phần không chế thì phải không chế, cần tham gia góp vốn thì phải góp; không “ép duyên”; không “ôm đồm”, không đặt tiến độ; chín muồi một doanh nghiệp làm một doanh nghiệp.”*

Về vấn đề người lao động nắm giữ cổ phần trong chế độ sở hữu hỗn hợp, Trung Quốc sẽ ưu tiên thực hiện thí điểm đối với các Viện chuyên về nghiên cứu, doanh nghiệp kỹ thuật cao, kỹ thuật mới, các doanh nghiệp dịch vụ kỹ thuật có vốn nhân lực và các yếu tố khoa học kỹ thuật cao. Khuyến khích những nghiên cứu viên, nhân viên quản lý kinh doanh, các cán bộ cốt cán có ảnh hưởng lớn hoặc trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh và sự phát triển của doanh nghiệp nắm giữ cổ phần.

### **3. Tiếp tục thúc đẩy thực hiện thí điểm các Công ty đầu tư, vận doanh vốn nhà nước và điều chỉnh chức năng cơ quan quản lý giám sát tài sản nhà nước**

Mục tiêu của nội dung cải cách hoàn thiện thể chế quản lý tài sản nhà nước của Trung Quốc hiện nay là “lấy quản lý vốn là chính”<sup>11</sup> để tăng cường quản lý giám sát vốn nhà nước, giải quyết tốt mối quan hệ giữa chính phủ và thị trường, không ngừng tăng cường năng lực, tầm ảnh hưởng và khả năng phòng tránh rủi ro của DNNN<sup>12</sup>.

Điều hành của các cơ quan quản lý, giám sát tài sản nhà nước sẽ chủ yếu qua các công ty vận doanh vốn Nhà nước, thông qua việc hệ thống hóa cơ cấu quản trị pháp nhân, sử dụng các biện pháp thị trường để định hướng các doanh nghiệp cấp dưới, tránh việc chính phủ trực tiếp can thiệp vào thị trường, tiến thêm một bước trong quá trình phân tách chính quyền và doanh nghiệp.

Với cách thành lập các công ty đầu tư, vận doanh vốn nhà nước ở cấp trung ương có thể tránh việc chồng chéo người góp vốn và doanh nghiệp, tránh kéo dài chuỗi ủy quyền (ủy quyền tổ chức, đại diện người góp vốn), tạo thuận lợi cho quá trình giải quyết mối quan hệ về quyền hạn và trách nhiệm giữa cơ quan quản lý, giám sát tài sản nhà nước và các công ty có chức năng đầu tư vốn nhà nước. Hạng mục này đang được thực hiện thông qua thí điểm thành lập một số Công ty quản lý, vận doanh vốn nhà nước ở cấp trung ương và địa phương từ đó rút kinh nghiệm và mở rộng cải cách<sup>13</sup>. Sau khi thành lập các Công ty đầu tư, vận doanh vốn nhà nước, việc điều chỉnh, tối ưu hóa cơ cấu vốn nhà nước ở các phạm vi và lĩnh vực khác nhau sẽ do các công ty này đảm nhiệm. Nhằm hình thành năng lực cạnh tranh ở tầm quốc tế, các công ty đầu tư, vận doanh vốn nhà nước sẽ có quy mô vốn tương đối lớn.

---

<sup>11</sup> Ý kiến chỉ đạo nêu rõ cần “Quản lý vốn là chủ yếu”, đồng thời chi tiết hóa trên 04 phương diện: (i) Lấy quản lý vốn là chủ yếu để thúc đẩy chuyển biến trong chức năng của tổ chức quản lý, giám sát tài sản nhà nước; (ii) Lấy quản lý vốn là chủ yếu để cải cách cơ chế ủy quyền kinh doanh vốn nhà nước; (iii) Lấy quản lý vốn là chủ yếu để thúc đẩy phân bổ lưu động hợp lý hóa vốn nhà nước; (iv) Lấy quản lý vốn là chủ yếu để thúc đẩy tập trung thống nhất quản lý các phần tài sản nhà nước có tính chất kinh doanh.

<sup>12</sup> Theo Hứa Hồng Tài trợ lý bộ trưởng Bộ Tài chính Trung Quốc.

<sup>13</sup> Kể từ đầu năm 2014, Trung Quốc đang lên phương án thí điểm cải cách đối với 6 doanh nghiệp Trung ương, tiếp đó 20 tỉnh, thành phố đã ban hành “Phương án cải cách doanh nghiệp, vốn nhà nước” – Viện CL&CSTC – Báo cáo “Kinh tế Trung Quốc năm 2014 và xu hướng điều chỉnh chính sách”

Theo đó, một số chức năng của SASAC sẽ được chuyển sang cho công ty đầu tư, vận doanh vốn, bao gồm<sup>14</sup>: Các chức năng được chuyển giao liên quan đến quyết định kế hoạch đầu tư, một bộ phận quyền quản lý tài sản và ra các quyết sách quan trọng. Đưa toàn bộ quyền được quy định trong pháp luật về tự chủ ra quyết sách kinh doanh của doanh nghiệp trả về cho doanh nghiệp. Tăng cường quản lý giám sát về tổng thể các tập đoàn công ty, các hạng mục quản lý liên quan đến công ty con về cơ bản sẽ thuộc về doanh nghiệp cấp I<sup>15</sup>. Chuyển các chức năng trong phối hợp quản lý nhà nước của SASAC về cho các cơ quan nhà nước có liên quan.

Cùng với chuyển biến trong phân cấp quản lý, cũng có sự thay đổi trong cách thức quản lý tài sản nhà nước. Theo trình tự quản lý giám sát trước, trong và sau thì khâu “trước” doanh nghiệp sẽ tự chủ động quyết định theo các quy định, trình tự được chuẩn hóa (khác với trước đây là phải báo cáo và chờ phê duyệt của SASAC), khâu “trong” sẽ tăng cường giám sát, khâu “sau” sẽ tăng cường chất vấn và truy cứu trách nhiệm. Cách thức mới này sẽ vận dụng nhiều hơn việc quy chuẩn hóa, luật hóa và thị trường hóa trong quản lý, giám sát, giảm thiểu các khâu báo cáo, thẩm định, phê duyệt, tránh được việc hành chính hóa công tác quản lý doanh nghiệp.

Với việc hình thành các công ty quản lý, vận doanh vốn nhà nước, Trung Quốc sẽ thực hiện “một doanh nghiệp - một chế độ” để quản lý các DNNN. Thông qua biên soạn quy chế doanh nghiệp, quy chuẩn hóa các hoạt động của hội đồng quản trị, tuyển chọn và quản lý nghiêm ngặt người đại diện vốn nhà nước và hội đồng giám sát, từ đó ý trí của chủ sở hữu Nhà nước thể hiện ngay trong quy chế quản trị công ty chứ không thông qua thẩm định, phê duyệt, chỉ đạo từ trên xuống như trước. Ngoài ra, Trung Quốc cũng thực hiện việc phân loại để quản lý. Căn cứ theo xác định chức năng khác nhau để có quy hoạch chiến lược, mô hình vận doanh vốn, cơ chế tuyển dụng nhân lực, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh,... khác nhau với từng doanh nghiệp. Hình thức này được thí điểm ở cấp trung ương, các địa phương sẽ căn cứ vào tình hình thực tế để lựa chọn áp dụng.

#### **4. Thực hiện chế độ phân phối thu nhập doanh nghiệp phù hợp với nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa**

Trung Quốc đang nghiên cứu ban hành phương án cụ thể về phân phối thu nhập, cơ chế tiền lương trong doanh nghiệp theo hướng khuyến khích tiếp cận với cơ chế thị trường nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Phương hướng tổng thể như sau:

---

<sup>14</sup> Ý kiến về một số vấn đề liên quan đến cải cách và hoàn thiện thể chế quản lý tài sản nhà nước(国务院关于改革和完善国有资产管理体制的若干意见国发〔2015〕63号) đây là một trong các văn bản tiếp tục cụ thể hóa các nội dung trong Ý kiến chỉ đạo về đẩy mạnh cải cách DNNN

<sup>15</sup> Trong mô hình quản lý giám sát được hình thành từ sau khi SASAC được thành lập đến nay, cơ chế phân quyền quản lý giữa SASAC và doanh nghiệp được thực hiện thông qua cơ chế “3 trọng 1 đại”. Nói cách khác SASAC sẽ tiến hành quản lý các sự vụ công việc quan trọng, công tác cán bộ quan trọng, bố trí các hạng mục quan trọng và các khoản luân chuyển điều động tiền vốn lớn. Như vậy SASAC quản lý các doanh nghiệp bao trùm hầu hết các mặt hoạt động, thực hiện phân cấp quản lý cho doanh nghiệp theo mức độ quan trọng của từng hoạt động. Cơ chế phân cấp quản lý-tự chủ với từng doanh nghiệp được quy định trong điều lệ doanh nghiệp (cũng do SASAC thông qua). Với cơ chế này, phạm vi quản lý của SASAC vươn xa tới cả các công ty con, doanh nghiệp cấp I, cấp II,... miễn là doanh nghiệp, dự án đủ lớn theo quy định của SASAC.

Một mặt, tiến hành cải cách cơ chế xác định tổng mức tiền lương của DNNN, kết hợp với cải cách về định vị, phân loại chức năng của doanh nghiệp. Từng bước mở rộng quyền quyết định tiền lương mang tính cạnh tranh cho DNNN. Đối với một số DNNN có thu nhập quá cao, tiếp tục thực hiện chính sách điều tiết song song tổng tiền lương và mức lương. Mặt khác, chỉ đạo các DNNN cải cách mạnh mẽ hơn chế độ phân phối thu nhập nội bộ doanh nghiệp. Thực hiện ở mức cao hơn quyền tự chủ trong phân phối nội bộ DNNN. Doanh nghiệp sẽ tham khảo mức giá tiền lương trên thị trường lao động, kết hợp với mức độ cạnh tranh trên thị trường và hiệu quả kinh tế, căn cứ vào vị trí chức năng và hiệu quả, công hiến để tự mình quyết định mức tiền lương đối với các vị trí lao động khác nhau. Đáng chú ý, Chỉ thị có nêu: “kéo giãn một cách hợp lý khoảng cách trong phân phối tiền lương nội bộ, tăng cường mức độ cạnh tranh về thù lao đối với đội ngũ cốt lõi và vị trí quan trọng của doanh nghiệp”.

Liên quan đến nội dung cải cách chế độ thù lao đối với người phụ trách DNNN, cơ chế tiền lương sẽ phù hợp với phương thức tuyển dụng, với tính chất, chức năng doanh nghiệp, với hiệu quả kinh doanh. Cụ thể: (i) Sẽ thực hiện theo nguyên tắc phân loại quản lý, những người phụ trách doanh nghiệp do phân công của Đảng Ủy các cấp, của Chính phủ, các cơ quan. Trung Quốc tiến hành quy định chặt chẽ, quy chuẩn hóa về kết cấu thù lao, xây dựng cơ chế thù lao hợp lý, có tính khoa học. Đối với đội ngũ giám đốc chuyên nghiệp được tuyển dụng thông qua cơ chế thị trường, thì cơ cấu và mức tiền lương sẽ do Hội đồng quản trị căn cứ theo cơ chế phân phối thù lao theo thị trường để quyết định. (ii) Thực hiện kết hợp giữa khuyến khích và quy định pháp luật: Với những người phụ trách doanh nghiệp do tổ chức điều phối, về cơ bản thù lao sẽ được quyết định dựa trên vị trí chức trách và mức độ chịu rủi ro mà người đó phải đảm nhiệm. Với những vị trí giám đốc được tuyển dụng theo thị trường, việc xác định mức thù lao cần xem xét đến nhiều yếu tố khác nhau như tính chất, quy mô kinh doanh khác nhau của doanh nghiệp, trách nhiệm kinh doanh mà người đó được nhận,.... thù lao cho đội ngũ này mang tính khác biệt cao và tăng cường đánh giá thông qua hiệu quả kinh doanh.

## **5. Tăng cường vai trò là hình mẫu và dẫn dắt của DNNN trong quá trình chuyển đổi, nâng cấp nền kinh tế**

Các DNNN của Trung Quốc chiếm vị trí chi phối trong các lĩnh vực trọng yếu, ngành nghề liên quan đến an toàn quốc gia và vận mệnh kinh tế quốc dân, hiện vẫn là đòn bẩy quan trọng cho nền kinh tế nước này. Do đó, muốn thực hiện chuyển đổi, nâng cấp nền kinh tế, phát triển các thực thể kinh tế thì nhất thiết phải phát huy vai trò đầu tàu của DNNN<sup>16</sup>.

Để thực hiện mục tiêu này, các DNNN hướng tới: (i) Lấy đổi mới sáng tạo làm động lực cho phát triển; đẩy nhanh nghiên cứu phát triển các kỹ thuật nòng cốt, kỹ thuật có tính bao quát; nâng cao năng lực cạnh tranh cốt lõi; (ii) Thúc đẩy ứng dụng mạng Internet và các lĩnh vực chế biến chế tạo, nâng cao toàn diện trình độ tự động hóa; (iii) Ưu tiên chất lượng thương hiệu, không ngừng nâng cao giá trị thương hiệu của doanh nghiệp và ngành chế biến chế tạo Trung Quốc; (iv) Thúc đẩy phát triển xanh, tăng cường nghiên cứu và ứng dụng các kỹ thuật, trang thiết bị bảo vệ môi trường, kỹ thuật tiên tiến nhằm tiết kiệm nguyên, nhiên vật

---

<sup>16</sup> Theo Tân Quốc Bản – Thứ trưởng Bộ Công nghiệp và Thông tin hóa – Trung Quốc; Tiêu Á Khánh – Chủ nhiệm Ủy ban giám sát và quản lý tài sản Nhà nước Trung Quốc.

liệu. Tích cực xây dựng hệ thống sản xuất xanh; (v) Tập trung vào những trọng tâm chiến lược, thúc đẩy phát triển các ngành có ưu thế, ngành chiến lược, trọng điểm là: kỹ thuật thông tin thế hệ mới; các máy công cụ CNC cao cấp và công nghệ robot; thiết bị hàng không, vũ trụ; thiết bị công trình hàng hải; thiết bị giao thông đường sắt tiên tiến; ô tô chạy bằng năng lượng mới; vật liệu mới;... (vi) Thúc đẩy việc điều chỉnh cấu trúc, tăng cường hợp tác chiến lược và tái cấu trúc sáp nhập giữa các DNNN; tối ưu hóa bố cục DNNN; nâng cao hiệu quả và vai trò tổng thể của kinh tế nhà nước.

Về vấn đề phân phối thu nhập từ vốn nhà nước, tăng phúc lợi xã hội “Sẽ nâng cao tỷ lệ nộp lên ngân sách công đối với thu nhập từ bốn nhà nước, đến năm 2020 sẽ nâng lên mức 30%, các khoản thu được dùng cho bảo đảm và cải thiện dân sinh<sup>17</sup>. Trong quá trình thành lập các Công ty đầu tư, vận doanh vốn nhà nước, sẽ thực hiện chính sách chuyển một phần vốn nhà nước cho Quỹ bảo hiểm xã hội nắm giữ, việc này có lợi cho giải quyết vấn đề công bằng giữa các thế hệ và giảm áp lực chi phí dưỡng lão trong tương lai.

Hiện nay, Trung Quốc đã lần lượt xây dựng và ban hành 13 ý kiến hoặc phương án về cải cách DNNN, vẫn còn 9 văn kiện đang tiến hành trình tự liên quan, toàn bộ văn kiện đồng bộ sắp hoàn tất. Bước tiếp theo, cải cách DNNN sẽ thúc đẩy tái cơ cấu và hợp nhất, tối ưu hóa sắp xếp nguồn lực trong cùng ngành, lĩnh vực; nâng cao chức năng tổng thể và hiệu quả vận hành của các doanh nghiệp Trung ương, xây dựng một loạt công ty đa quốc gia có sức cạnh tranh khá mạnh. Ngoài ra, sẽ thông qua tái cơ cấu các doanh nghiệp thông qua cổ phần hóa theo hướng liên minh sản xuất giữa các ngành nghề, vun đắp động lực tăng trưởng kinh tế mới xoay quanh các ngành công nghiệp mới nổi mang tính chiến lược như mạng internet, chế tạo thông minh, công nghệ thông tin, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường, dự án trên biển, v.v.

## **6. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**

Nghị quyết Đại hội XII nhấn mạnh một trong những nhiệm vụ trọng tâm của giai đoạn 2016 – 2020 là “Chú trọng giải quyết tốt vấn đề cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước” nhằm khắc phục những mặt còn tồn tại trong quá trình sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu DNNN giai đoạn 2011 – 2015. Việc nghiên cứu định hướng cải cách DNNN của Trung Quốc có thể rút ra những bài học kinh nghiệm quý cho Việt Nam:

Thứ nhất, nhận định vai trò đầu tàu của DNNN trong nền kinh tế, cần xác định rõ các ngành, lĩnh vực mục tiêu, trọng điểm của quốc gia cần có sự tham gia của DNNN. Theo đó, các DNNN sẽ thu hẹp về số lượng nhưng đảm bảo về chất lượng, quy mô và cơ cấu. Tái cơ cấu DNNN cần đảm bảo nguyên tắc bảo toàn, phát triển vốn của Nhà nước, hoạt động có hiệu quả và tăng cường hội nhập.

---

<sup>17</sup> Tỷ lệ lợi nhuận hiện nay các DNNN của Trung Quốc phải nộp được phân thành 4 mức là 20%, 15%, 10%, 5% lợi nhuận sau thuế (được thu về Ngân sách Nhà nước để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, phần lớn lợi nhuận được để lại doanh nghiệp để tái đầu tư, nhằm phát triển doanh nghiệp) và không phải nộp về NSNN. Tuy nhiên, tỷ lệ này có thể được điều chỉnh hàng năm và điều chỉnh theo từng đối tượng doanh nghiệp cụ thể.

Thứ hai, Tạo sự kết nối, liên minh trong sản xuất giữa DNNN và doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Tạo thành chuỗi liên kết sản xuất hướng đến nâng cao năng lực cạnh tranh toàn diện của các khu vực doanh nghiệp, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, hỗ trợ các DNNVV, doanh nghiệp trong ngành công nghiệp hỗ trợ phát triển.

Thứ ba, tăng cường giám sát liên hoàn giữa các khâu trước, trong và sau và của các chủ thể tham gia vào hoạt động của DNNN, nhằm tạo tính chủ động, phối hợp nhịp nhàng, không chồng chéo và hướng đến công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình.

Thứ tư, dựa trên đánh giá về hiệu quả hoạt động của mô hình cơ quan quản lý, giám sát tài sản Nhà nước Trung Quốc (SASAC) trong 10 năm qua và những cải cách của mô hình này trong giai đoạn tới nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc lựa chọn một mô hình cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước của Việt Nam phù hợp, hiệu quả trong giám sát, quản lý hoạt động đầu tư và sử dụng vốn nhà nước, góp phần thúc đẩy nhanh tiến trình cải cách DNNN trong giai đoạn 2016 – 2020.

#### Danh mục tài liệu tham khảo

1. 国务院关于国有企业发展混合所有制经济的意见 -国发〔2015〕54号 Ban hành ngày 24/9/2015
2. 国务院关于改革和完善国有资产管理体制的若干意见国发〔2015〕63号
3. Báo cáo “Kinh tế Trung Quốc năm 2014 và xu hướng điều chỉnh chính sách” (2015), Viện CL&CSTC.
4. Báo cáo “Cải cách DNNN Trung Quốc trong giai đoạn tới (2015), Viện CL&CSTC.
5. “Trung Quốc triển khai 10 thí điểm cải cách DNNN”, Tường Thu, Thông tấn xã Việt Nam, 2/2016.

# **CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP RA NƯỚC NGOÀI CỦA TRUNG QUỐC VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM**

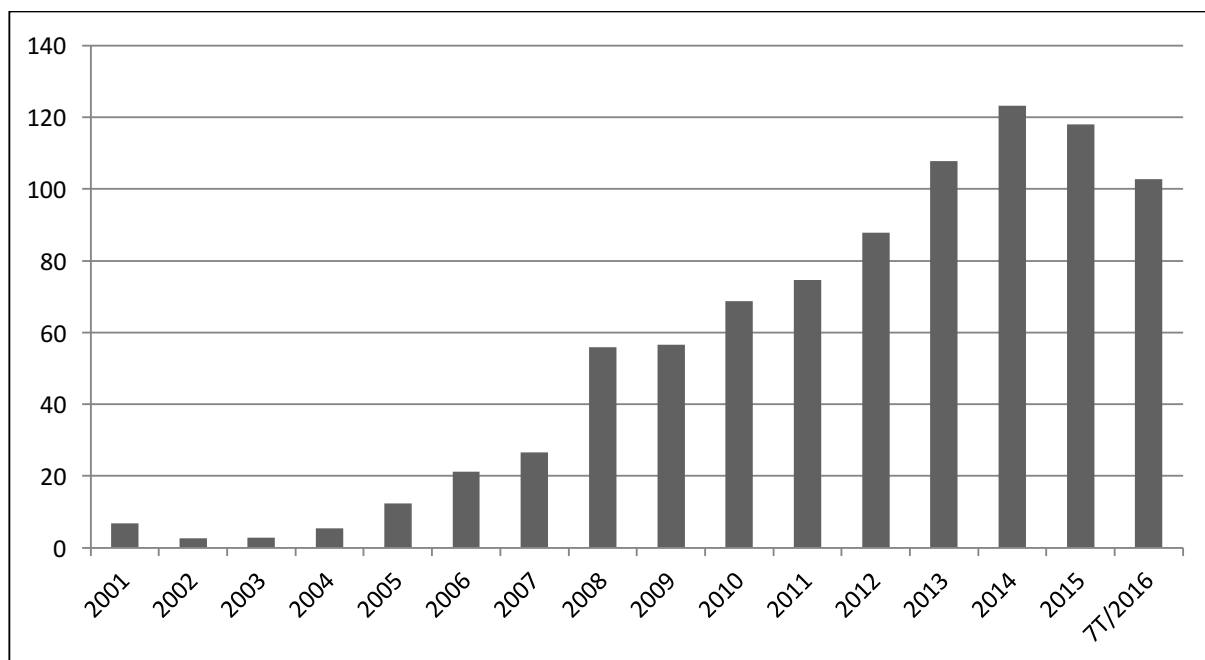
**ThS. Phạm Thành Chung**

**Viện Chiến lược và Chính sách tài chính**

## **1. Thực trạng đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc**

Cùng với chiến lược thu hút FDI, ngay từ năm 1979 Trung Quốc mở cửa cho đầu tư ra nước ngoài. Tuy nhiên giai đoạn này, đầu tư ra nước ngoài chỉ ở mức thấp. Số liệu thống kê cho thấy, giai đoạn 1990-2000, đầu tư FDI ra nước ngoài của Trung Quốc chỉ dao động từ 1-2 tỷ USD mỗi năm (ngoại trừ năm 1992-1993, FDI đạt trên 4 tỷ USD). Kể từ năm 2000, Trung Quốc chính thức công bố chiến lược “bước ra ngoài” và những năm sau đó liên tục thực thi các biện pháp để hỗ trợ chiến lược này. Kết quả là đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc giai đoạn sau đó đã tăng trưởng khá ấn tượng. Đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc đã tăng nhanh đáng kể, đặc biệt từ sau năm 2008 khi nền kinh tế thế giới rơi vào khủng hoảng. Nếu như năm 2005, FDI ra nước ngoài của Trung Quốc là 12,3 tỷ USD thì đến năm 2014 con số này đã tăng lên mức 123,1 tỷ USD, mà mức đầu tư cao nhất từ trước đến nay. Đầu tư FDI ra nước ngoài của Trung Quốc tăng mạnh do: (i) do cơ chế ngày càng mở cửa của Trung Quốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho lượng vốn của Trung Quốc chảy ra nước ngoài; (ii) do khả năng tài chính của Trung Quốc ngày càng mạnh. Với nguồn ngoại tệ dồi dào (tính đến ngày 31/12/2013 đạt 3.820 tỷ USD<sup>1</sup>), Trung Quốc đang triển khai hàng loạt chính sách và giải pháp thúc đẩy đầu tư ra nước ngoài để tìm kiếm lợi nhuận; (iii) tăng cường khả năng ảnh hưởng của Trung Quốc đối với nền kinh tế thế giới. Năm 2015, mức đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc suy giảm trong năm 2015 tuy nhiên lại tăng mạnh trở lại trong năm 2016, 7 tháng đầu năm 2016 nước này đã đầu tư ra nước ngoài dưới hình thức trực tiếp đầu tư đạt 102,8 tỷ USD tăng 61,8% so cùng kỳ 2015.

**Hình 1: Vốn đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc giai đoạn 1990-2016, đơn vị tính: tỷ USD**



*Nguồn: Tổng hợp Niên giám thống kê Trung Quốc*

Trong những năm gần đây, cùng với những chính sách hỗ trợ mạnh mẽ từ phía Chính phủ Trung Quốc, vốn đầu tư ra nước ngoài tăng mạnh theo các năm, cơ cấu đầu tư ra nước ngoài của nước này cũng đã có những chuyển dịch nhất định.

*Về đích đến đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc:* Châu Á luôn là khu vực thu hút được nhiều đầu tư trực tiếp nước ngoài nhất của Trung Quốc, trung bình giai đoạn từ 2007 đến 2014, khu vực này chiếm tỷ trọng 68,9% tổng đầu tư của Trung Quốc. Trong Châu Á thì Trung Quốc đầu tư chủ yếu vào Hồng Kông, riêng nước này đã chiếm khoảng 80% vốn vào Châu Á của Trung Quốc, đầu tư vào Việt Nam chỉ chiếm 0,5% (số liệu năm 2012). Khu vực đứng thứ 2 và đang có xu hướng tăng lên trong những năm gần đây đó là khu vực Mỹ La Tinh, trung bình từ 2007 đến hết 2014 chiếm 12,3% tổng vốn đầu tư của Trung Quốc. Các khu vực khác còn chiếm tỷ trọng thu hút đầu tư khiêm tốn. Tỷ trọng các khu vực Châu Phi, Châu Âu, Bắc Mỹ, Châu đại dương trung bình giai đoạn 2007-2014 lần lượt là 4,52%; 6,82%; 3,55%; 3,45%.

Khu vực Châu Á luôn là khu vực đích đến đầu tư chủ yếu của các nhà đầu tư Trung Quốc. Đầu tư vào khu vực này luôn chiếm khoảng 60-78% tổng vốn đầu tư FDI ra nước ngoài của Trung Quốc. Trong 3 năm 2012 - 2014 vốn đầu tư

ra nước ngoài của Trung Quốc tăng mạnh, thì tỷ trọng đầu tư vào Châu Á tăng mạnh so với năm 2010 và 2011. Bên cạnh đó, theo số liệu thống kê lũy kế đến năm 2011, đầu tư FDI của Trung Quốc vào các nước đang phát triển chiếm tới 89% tổng số vốn đầu tư FDI ra nước ngoài của Trung Quốc.

Trong khu vực Châu Á, đầu tư FDI của Trung Quốc chủ yếu tập trung vào Hồng Kông. Nguyên nhân do các nhà đầu tư trong nước của Trung Quốc mượn Hồng Kông như là một điểm trung gian để đầu tư, ra nước ngoài hay đầu tư ngược trở lại Trung Quốc. Việc này làm số liệu về cơ cấu đích đến đầu tư thực sự của các nhà đầu tư Trung Quốc trở nên không rõ ràng. Xem xét số liệu đầu tư nước ngoài của Hồng Kông có thể thấy tỷ trọng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Hồng Kông lớn nhất là đến từ Trung Quốc, chiếm đến 37% tổng đầu tư trực tiếp, trong đó 81,9% là vào lĩnh vực dịch vụ đầu tư và mua bán cổ phần, bất động sản và dịch vụ kinh doanh. Đầu tư ra nước ngoài của Hồng Kông năm 2012 cũng có đến 40,7% là đầu tư vào Trung Quốc đại lục trong đó 32,4% là vào Quảng Đông<sup>2</sup>. Có thể thấy một lượng không nhỏ vốn đầu tư của Trung Quốc vào Hồng Kông đã quay ngược trở lại đầu tư vào Trung Quốc. Việc này làm số liệu đầu tư vào cũng như ra của Trung Quốc tăng lên. Bên cạnh đó, hiện tượng này cũng xảy ra tương tự đối với dòng vốn đầu tư của Trung Quốc vào một số đảo thuộc khu vực Mỹ La Tinh.

Các nhà đầu tư của Trung Quốc sử dụng các dịch vụ tài chính đã rất phát triển của Hồng Kông để tiến hành hoạt động đầu tư của mình, việc tách riêng số liệu đầu tư của Hồng Kông khiến thực trạng đầu ra nước ngoài của Trung Quốc được nhìn nhận không hoàn toàn chuẩn xác. Trong thời gian tới với việc đẩy mạnh phát triển trung tâm tài chính thương mại Thượng Hải, dự kiến dòng vốn đầu tư ra nước ngoài sẽ thông qua đây nhiều hơn, các dòng vốn đầu tư qua Hồng Kông rồi quay trở lại trong nước sẽ giảm bớt.

*Về lĩnh vực đầu tư:* Đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc đến hết 2014 đã có ở hầu hết các lĩnh vực kinh tế, tuy nhiên đến nay vẫn tập trung ở một số ngành như: Thuê mướn và dịch vụ kinh doanh; Tài chính; Khai khoáng; Chế biến chế tạo; Bán buôn bán lẻ. 5 ngành này năm 2014 đầu tư đạt 548,6 tỷ USD chiếm 78% tổng đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc.

Lĩnh vực Thuê mướn và dịch vụ kinh doanh luôn chiếm tỷ trọng cao nhất tuy nhiên đang trong xu hướng giảm trong những năm gần đây (thực chất là

---

<sup>2</sup> External Direct Investment Statistics of Hong Kong 2013

thông qua Hồng Kông để tiến hành mua bán sát nhập các công ty nước ngoài). Thay vào đó, tỷ trọng đầu tư vào lĩnh vực khai khoáng, bán buôn bán lẻ, tài chính, xây dựng kiến trúc và chế biến chế tạo tăng lên. Đặc biệt ngành khai khoáng có đầu tư tăng vọt năm 2013. Thể hiện rõ mục tiêu đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc đó là tìm kiếm nguồn nguyên nhiên liệu, thị trường, công nghệ mới và nâng cao vị thế trong các khu vực và trên thế giới.

Trong các lĩnh vực Trung Quốc đầu tư vào Châu Á (ngoại trừ lĩnh vực thuê mướn và dịch vụ kinh doanh đầu tư chủ yếu vào Hồng Kông) thì chiếm đa số là các dự án trong lĩnh vực sản xuất điện và các dự án giao thông vận tải (năm 2013, đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam đạt 2,87 tỷ USD tăng hơn 7 lần so với năm 2011 là chủ yếu vào các dự án giao thông vận tải, xây dựng hệ thống đường sắt trên cao). Bên cạnh đó một số dự án khai khoáng, kinh doanh khách sạn nhà hàng cũng được các nhà đầu tư Trung Quốc tập trung đầu tư.

Đầu tư của Trung Quốc vào Châu Âu trong những năm gần đây tập trung vào một số nước như Đức, Anh, Pháp, chủ yếu vào một số ngành chế biến chế tạo như dự án sản xuất điện, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất giống trong nông, lâm nghiệp, bên cạnh đó đầu tư vào lĩnh vực tài chính cũng có tốc độ phát triển khá cao.

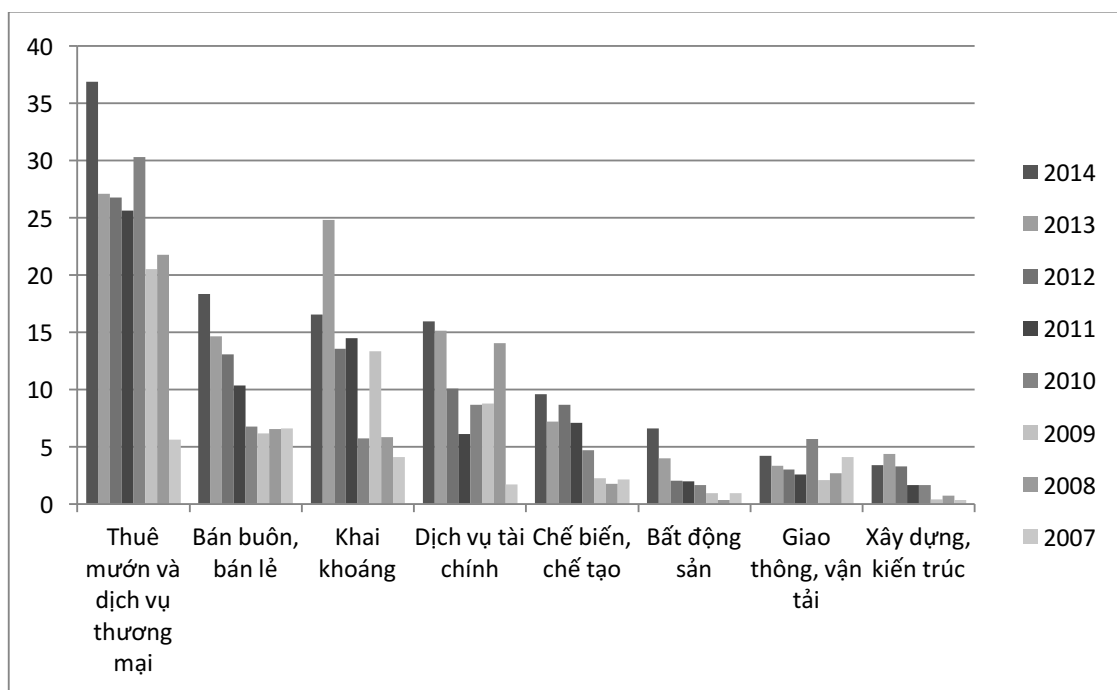
Ở khu vực Bắc Mỹ, trong những năm gần đây đầu tư của Trung Quốc tăng lên tại Mỹ chủ yếu vào một số dự án trong lĩnh vực dầu khí, vật liệu mới, tấm pin năng lượng mặt trời, thực phẩm. Đầu tư tại Canada một số dự án trong lĩnh vực khoa học công nghệ, công nghệ thông tin, phần mềm,...

Đầu tư của Trung Quốc vào khu vực Mỹ la tinh chủ yếu là các dự án sản xuất điện, khai thác, các hạng mục công trình xây dựng<sup>3</sup>.

---

<sup>3</sup> Theo website dịch vụ công cộng các hàng mua đầu tư của Bộ Thương Mại Trung Quốc

**Hình 2: Một số lĩnh vực đầu tư ra nước ngoài chủ yếu của Trung Quốc giai đoạn 2007 - 2014 (triệu USD)**



*Nguồn: Tổng hợp Niên giám thống kê Trung Quốc*

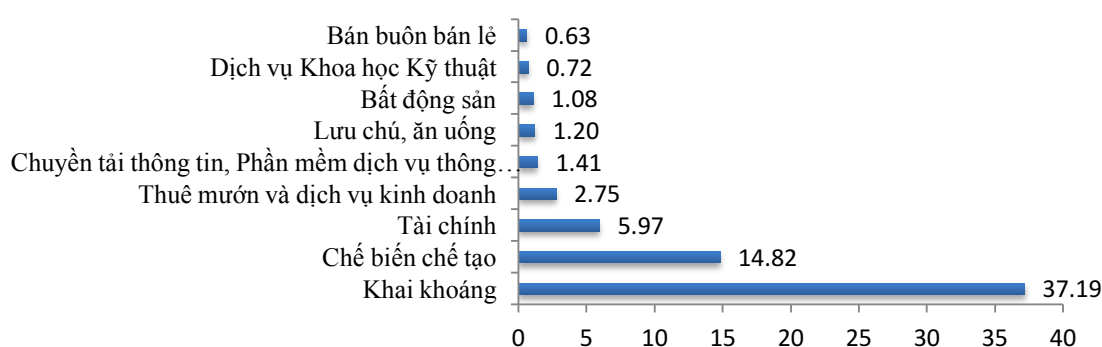
*Về hình thức đầu tư:* đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc tương đối đa dạng tuy nhiên hình thức mua bán sáp nhập đang ngày càng chiếm ưu thế, các nhà đầu tư Trung Quốc có xu hướng mua lại các doanh nghiệp ở nước sở tại hơn là đầu tư thành lập dự án, doanh nghiệp mới. Các vụ mua bán sáp nhập chủ yếu trong lĩnh vực khai khoáng và chế biến chế tạo.

Năm 2015, có 401 hạng mục mua bán sáp nhập, lượng vốn giao dịch thực tế đạt 52,9 tỷ USD, trong đó đầu tư trực tiếp là 40,1 tỷ USD. Các lĩnh vực mua bán sáp nhập chủ yếu ở ngành khai khoáng, chế biến chế tạo, bất động sản,...Điển hình là việc tập đoàn hóa học, cao su Trung Quốc dùng 4,6 tỷ USD mua lại 60% cổ phần của một công ty Pirelli của Ý. Theo số liệu chi tiết có được của năm 2013, mua bán sáp nhập lĩnh vực khai khoáng đạt 37,18 tỷ USD, chế biến chế tạo đạt 14,82 tỷ USD, tổng hai ngành này đã chiếm đến 78,88% tổng đầu tư ra nước ngoài thông qua mua bán sáp nhập của Trung Quốc. Số liệu phản ánh nhu cầu về tài nguyên của Trung Quốc ngày càng lớn. Về loại tài nguyên thì chủ yếu là dầu khí (chiếm 95%), ngoài ra còn một số loại tài nguyên khác là than, vàng, đồng, nhôm. Các hạng mục đầu tư dầu khí chủ yếu ở một số nước thị trường mới như Brasil, Nga, Ai Cập, Ngô Dăm Bích, Peru và một số

nước phát triển như Mỹ, Canada, Singapore. Các dự án khai thác kim loại chủ yếu là ở nước Úc.

Khác với mua bán sắt nhập trong lĩnh vực khai khoáng, mua bán sắt nhập lĩnh vực chế biến chế tạo của Trung Quốc chủ yếu là ở các quốc gia phát triển (chiếm 60,8% tổng đầu tư), bao gồm các nước như: Mỹ, Úc, Đan Mạch, Đức, Pháp, Ý, Anh, Nhật. Mục tiêu chủ yếu là nhanh chóng có được những kỹ thuật tiên tiến, thương hiệu, hệ thống thị trường. Năm 2013 hạng mục trong lĩnh vực chế biến chế tạo lớn nhất đó là Công ty ShuangHui International của Trung Quốc mua lại Công ty Smithfield Foods của Mỹ (đây là công ty cung ứng thịt lợn lớn nhất thế giới) với giá 7,1 tỷ USD.

**Hình 3: Một số lĩnh vực mua bán sắt nhập ra nước ngoài của Trung Quốc năm 2013 (tỷ USD)**



*Nguồn: Viện nghiên cứu khoa học xã hội Trung Quốc*

## **2. Xu hướng điều chỉnh các chính sách đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc**

Cuối những năm 70 của thế kỷ 20, Trung Quốc bắt đầu thực hiện chính sách cải cách mở cửa, đã bắt đầu tạo những tiền đề cấu thành cho những chính sách đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Trung Quốc, đồng thời tiếp sau đó chính phủ cũng đã có những chuyển biến trong các chính sách quy định về quản lý mở rộng đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Trung Quốc<sup>4</sup>. Tuy nhiên những chính

---

<sup>4</sup> Năm 1979 Quốc vụ viện Trung Quốc ban hành “15 hạng mục liên quan đến cải cách mở cửa”, đưa việc thành lập doanh nghiệp ở nước ngoài, phát triển mở rộng đầu tư ra nước ngoài trở thành một bộ phận của cải cách mở cửa; Tháng 5 năm 1984, Bộ mặt dịch vụ kinh doanh nước ngoài công bố “Thông tư về nguyên tắc và hạn chế trong thẩm định và phê chuẩn việc thành lập các doanh nghiệp góp vốn phi mậu dịch tại khu vực Hồng Kông, MaCao và nước ngoài”; Tháng 7 Năm 1985 ban hành “Quy định thực hiện về biện pháp quản lý và thẩm duyệt việc thành lập các doanh nghiệp phi mậu dịch ở nước ngoài”; Tháng 3 năm 1989, Cục quản lý ngoại hối quốc gia Trung Quốc ban hành “Biện pháp quản lý đầu tư ngoại hối ở nước ngoài”; Tháng 7 năm 1996, Bộ tài chính ban hành “Biên pháp quản lý tài chính đầu tư nước ngoài”; Tháng 4 năm 1997 Cục quản lý

sách tại thời điểm đó, về cơ bản đều rất khắt khe trong việc thẩm duyệt các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, giám sát và quản chế ngoại hối. Chỉ cho đến đầu thế kỷ 21 (năm 2000), việc khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển mở rộng đầu tư trực tiếp ra nước ngoài mới trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng của chiến lược “Bước ra ngoài” (chiến lược này bao gồm 3 bộ phận: Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, hợp đồng công trình quốc tế và hợp tác lao động quốc tế) và được chính thức thể hiện tại “bản kế hoạch 15 năm”, được Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc thông qua vào tháng 3 năm 2001, đồng thời yêu cầu kiện toàn hệ thống dịch vụ trong các mặt: tiền tệ, bảo hiểm, ngoại hối, thuế tài chính, nhân lực, pháp luật, dịch vụ thông tin, quản lý xuất nhập cảnh... của đầu tư ra nước ngoài, để tạo ra điều kiện thực hiện chiến lược “Bước ra ngoài”, cùng với đó là hoàn thiện kết cấu quản trị pháp nhân và cơ chế quản trị nội bộ của các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài, quy phạm hóa quản lý đầu tư ra nước ngoài. Các chính sách về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Trung Quốc bắt đầu nhanh chóng chuyển từ hạn chế sang khuyến khích và hỗ trợ có trọng điểm, biểu hiện:

### *2.1. Đơn giản hóa trình tự thẩm duyệt, quy phạm quản lý giám sát đầu tư ra nước ngoài*

Bộ Thương mại Trung Quốc sau quá trình cải tổ của mình, năm 2003 ban hành “Thông tư về việc những vấn đề liên quan đến việc làm tốt việc thí điểm thẩm duyệt đầu tư ra nước ngoài”, thực hiện thí điểm trao quyền hạn và đơn giản hóa thủ tục thẩm duyệt cho 12 tỉnh thành phố trong đó có Bắc Kinh, các cơ quan Mậu dịch kinh doanh quốc tế của các địa phương được thẩm duyệt các dự án nâng lên mức dưới 3 triệu USD (trước là 1 triệu USD). Quốc vụ viện Trung Quốc vào tháng 7 năm 2004 cũng đưa ra “Quyết định về cải cách thể chế đầu tư”, tiến thêm một bước đưa chế độ thẩm duyệt chuyển sang chế độ thông qua tiêu chuẩn định sẵn cho các hạng mục đầu tư ra nước ngoài. Tiếp đó vào ngày 1/5/2009 chính thức áp dụng “Biện pháp quản lý đầu tư ra nước ngoài”<sup>5</sup> mới, tiếp tục lới lỏng quyền hạn thẩm duyệt cho địa phương, đồng thời đơn giản hóa trình tự thẩm duyệt và nội dung thẩm duyệt, rút ngắn đồng thời quy định chặt chẽ thời gian thẩm duyệt<sup>6</sup>.

---

<sup>5</sup> 2009 年 《境外投资管理办法》

<sup>6</sup> Đối với các dự án đầu tư ra nước ngoài, phi nguyên nhiên liệu, thấp hơn 10 triệu USD, Bộ Thương mại và cơ quan chủ quản Thương mại cấp tỉnh có thời gian rà soát và thẩm duyệt trước đây là 15~20 ngày làm việc rút ngắn chỉ còn 2 ngày làm việc, đồng thời chỉ cần điền vào các đơn trong “Biện pháp quản lý đầu tư ra nước ngoài” để được thẩm duyệt.

Tháng 12/2013 Chính phủ Trung Quốc ban hành “Danh mục hạng mục đầu tư cần Chính phủ phê duyệt - bản năm 2013”. Trong đó quy định đầu tư từ phía Trung Quốc với mức trên 1 tỷ USD, liên quan tới khu vực, quốc gia, ngành nghề nhạy cảm sẽ do cơ quan chức năng của Quốc vụ Viện phê duyệt. Ngoài những dự án quy định ở trên thì các dự án trên 300 triệu USD của doanh nghiệp Trung ương và địa phương phải báo cáo cho cơ quan chức năng của Quốc vụ Viện (không phải thông qua phê duyệt). Với quy định mới này thì hình thức quản lý theo phê duyệt đã dần chuyển sang quản lý báo cáo, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài, giảm rủi ro chính sách, tăng tỷ lệ đầu tư và tránh đánh mất cơ hội đầu tư.

Ngày 6/9/2014, Bộ Thương Mại Trung Quốc ban hành “Biện pháp quản lý đầu tư ra nước ngoài” mới và có hiệu lực từ 6/10/2014. Quy định mới này ngoài việc chuyển dần thủ tục từ hình thức phê duyệt sang hình thức báo cáo (điền biểu mẫu thông tin) còn: (i) Giảm bớt thời gian làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài. Với các dự án thuộc diện phải báo cáo thì trong vòng 3 ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài, với các dự án phải thông qua phê duyệt thì với doanh nghiệp Trung ương là 20 ngày, doanh nghiệp khác là 30 ngày; (ii) Tiến hành chuyển từ phân cấp phê duyệt dự án theo quy mô đầu tư sang phân cấp theo tính chất doanh nghiệp. Doanh nghiệp Trung ương sẽ do Bộ Thương mại trực tiếp phê duyệt. Doanh nghiệp khác sẽ do địa phương phê duyệt. (iii) Loại bỏ yêu cầu doanh nghiệp phải báo cáo sau khi hoàn tất thủ tục đối với doanh nghiệp thực hiện đầu tư thông qua công ty nắm giữ cổ phần không chế (đầu tư gián tiếp).

## *2.2 Nói lỏng quản lý ngoại hối đối với đầu tư ra nước ngoài*

Năm 2003, Cục quản lý ngoại hối quốc gia Trung Quốc xóa bỏ 26 hạng mục thẩm duyệt hành chính trong đó có thẩm tra rủi ro ngoại hối đầu tư ra nước ngoài, thẩm duyệt bảo hiểm quy hồi lợi nhuận từ đầu tư ra nước ngoài, hoàn trả số tiền đã thu bảo hiểm lợi nhuận từ đầu tư ra nước ngoài, đồng thời cho phép lợi nhuận của doanh nghiệp từ đầu tư ở nước ngoài dùng cho tăng vốn hoặc tái đầu tư ở nước ngoài, thủ tục thẩm tra nguồn gốc tiền ngoại hối đầu tư ra nước ngoài được từng bước đơn giản hóa và cuối cùng là xóa bỏ. Tháng 5 năm 2005, Cục quản lý ngoại hối quốc gia đưa quyền hạn thẩm tra tiền ngoại hối từ 3 triệu USD nâng lên 10 triệu USD. Tháng 7 năm 2006, Cục quản lý ngoại hối quốc gia, xóa bỏ hoàn toàn hạn chế trong thẩm tra nguồn gốc và hạn mức mua ngoại hối cho hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Năm 2009, nhằm để tạo điều kiện thông thoáng cho các tổ chức trong nước tiến hành các hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, quy phạm hóa và hoàn thiện quản lý ngoại hối trong đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, Cục quản lý ngoại hối quốc gia ban hành “Quy định quản lý ngoại hối trong hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các tổ chức trong nước”, chính thức xóa bỏ thẩm tra nguồn gốc ngoại hối, chỉ cần khi tiến hành đăng ký ngoại hối, báo cáo rõ tình trạng nguồn gốc của ngoại hối. Đặc điểm lớn nhất của Quy định này là mở rộng các dòng sử dụng ngoại hối trong hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Trước đó dòng sử dụng ngoại hối chủ yếu là từ tiền ngoại hối tự có, Quy định mới này thêm vào hoạt động vay trong, ngoài nước; dùng tiền NDT mua ngoại tệ hoặc mua tài sản hữu hình, vô hình và các dòng vốn ngoại hối khác được quy định cho phép bởi Cục quản lý ngoại hối, và vẫn phải thông qua kiểm tra. Lợi nhuận từ nước ngoài của tổ chức trong nước thông qua hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài cũng có thể để lại dùng cho hoạt động đầu tư trực tiếp ở nước ngoài, việc này làm cho các doanh nghiệp trong nước sử dụng ngoại hối càng dễ dàng hơn. Xét về nội dung, Quy định mới này vừa nhấn mạnh vào các chính sách hỗ trợ trước đầu tư, vừa nhấn mạnh vào các chính sách bảo đảm cho phát sinh sau đầu tư và cũng nhấn mạnh đơn giản hóa trình tự, tăng cường tính tiện lợi, đưa trọng tâm vào giám sát quản lý sau đầu tư, phòng tránh tẩu tán không lành mạnh vốn ra nước ngoài trong hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp.

### 2.3. Các chính sách hỗ trợ thuế, tài chính và tiền tệ

(i) *Hạng mục hỗ trợ vốn*. Nhằm để khuyến khích và định hướng các doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư ra nước ngoài, chính phủ Trung Quốc lần lượt đưa ra 3 chính sách liên quan đến hỗ trợ vốn: Thứ nhất là vào tháng 10 năm 2000, ban hành “Biện pháp (thí điểm) quản lý mở rộng nguồn vốn trên thị trường quốc tế cho các DNNVV”, hỗ trợ tiền chi phí trước đầu tư cho các DNNVV đầu tư ra nước ngoài thành lập doanh nghiệp. Thứ hai là vào tháng 10 năm 2004 hỗ trợ chi phí trước đầu tư cho nhưng hạng mục hợp tác kinh tế ở nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài thuộc loại tài nguyên”, Tháng 10 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành “Biện pháp chấp hành quản lý quỹ hạng mục đặc thù cho rủi ro thăm dò khoáng sản tại nước ngoài”, tiến hành hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp cho các hoạt động đầu tư ra nước ngoài. Thứ ba là năm 2003, Bộ Thương mại, Bộ tài nguyên đất ban hành “Quỹ hàng mục đặc thù cho hoạt động mở rộng thăm dò tài nguyên khoáng sản ở nước ngoài”.

(ii) *Hỗ trợ từ Quỹ đầu tư ngành.* Nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp Trung Quốc “Bước ra ngoài”, trong vai trò là ngân hàng chính sách của Trung Quốc, ngân hàng Phát triển Quốc gia từ năm 1998 đến nay, đã góp vốn cùng với các tổ chức khác trong nước thành lập ra 4 Quỹ đầu tư theo ngành, đó là quỹ hợp tác đầu tư ZhongRui, Quỹ đầu tư DNNVV Trung Quốc – DongMeng, Quỹ đầu tư trực tiếp Trung Quốc - BiLiShi và Công ty TNHH Quỹ phát triển Trung Phi<sup>7</sup>. Công ty TNHH Quỹ phát triển Trung Phi do ngân hàng Phát triển Quốc gia nắm 100% vốn cổ phần được thành lập vào Tháng 5 năm 2007, vốn đăng ký 100 triệu USD, giai đoạn 2 tăng vốn lên 300 triệu USD, cuối cùng đạt đến 500 triệu USD, hỗ trợ các doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư vào thị trường Châu Phi dưới phương thức là góp vốn cổ phần và đầu tư vốn...

(iii) *Hỗ trợ vay vốn đầu tư.* Tháng 10 năm 2004 Ủy ban cải cách phát triển quốc gia Trung Quốc, Ngân hàng XNK Trung Quốc ban hành “Thông tư về việc cung cấp hỗ trợ vay vốn cho các hạng mục trọng điểm đầu tư tại nước ngoài được quốc gia khuyến khích”, mỗi năm sẽ đưa ra các “khoản vay đặc biệt cho đầu tư nước ngoài”, được hưởng lãi suất ưu đãi xuất khẩu. Tháng 8 năm 2005, Bộ Thương mại và Công ty bảo hiểm tín dụng xuất khẩu Trung Quốc đưa ra “Thông tư về việc thực hiện các biện pháp ưu đãi đặc biệt về bảo hiểm tín dụng xuất khẩu cho các tổ chức kinh doanh cá thể và các doanh nghiệp ngoài quốc doanh phát triển mở rộng thị trường quốc tế”. Cục quản lý ngoại hối quốc gia vào tháng 8 năm 2005 ban hành “Thông tư về việc điều chỉnh phương thức quản lý việc các ngân hàng trong nước cung cấp bảo lãnh mang tính cấp vốn cho các doanh nghiệp đầu tư tại nước ngoài”, việc thông qua bảo lãnh ra nước ngoài mang tính cấp vốn trước đây ở dạng từng khoản mục báo cáo Cục quản lý ngoại hối, được chuyển thành dạng quản lý theo khống chế số dư, tiện lợi hơn trong đầu tư ngoại hối.

(iv) *Chính sách thuế.* Tổng cục thuế quốc gia Trung Quốc năm 2007 ban hành “Ý kiến về làm tốt công tác quản lý và dịch vụ thu thuế cho các doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư ra nước ngoài”. Tháng 4 năm 2009 Tổng cục Thuế Trung Quốc ban hành “Biện pháp quản lý liên quan đến thuế Thu nhập doanh nghiệp của thu nhập ở nước ngoài”, “Biện pháp nghiệp vụ cụ thể miễn giảm gián tiếp thuế Thu nhập doanh nghiệp”..., nhằm để các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp ra nước ngoài được hưởng nhanh nhất các ưu đãi được quy định trong Luật thuế. Đồng thời, để giảm nhẹ gánh nặng thuế quốc tế cho các doanh nghiệp

đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, Trung Quốc đã ký kết bản “hiệp định thuế” hoặc “hiệp định tránh đánh thuế 2 lần” với hơn 90 nước, khu vực.

Ngày 25 tháng 12 năm 2009, Tổng cục Thuế Trung Quốc ban hành “Thông thư về việc những vấn đề liên quan đến miễn giảm thuế cho các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài”<sup>8</sup>, tiến hành bổ sung và hướng dẫn cụ thể. Theo đó các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hưởng miễn giảm trực tiếp và miễn giảm gián tiếp. Miễn giảm trực tiếp: Phần thu nhập có được từ hoạt động đầu tư ra nước ngoài sẽ được triết khấu thuế 10%.; Miễn giảm gián tiếp: được áp dụng cho các cá nhân, công ty (công ty mẹ) có cổ phần trong các công ty nước ngoài (công ty con) trên 20% và được triết khấu bằng số thuế thu nhập doanh nghiệp mà công ty con phải nộp nhân với tỉ lệ cổ phần. Tổng mức miễn giảm nếu như thấp hơn số thuế Thu nhập doanh nghiệp mà công ty mẹ phải nộp (theo Thuế suất 25%) thì phần chênh lệch là phần thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ; Nếu Tổng mức miễn giảm nếu như cao hơn số thuế Thu nhập doanh nghiệp mà công ty mẹ phải nộp (theo Thuế suất 25%) thì phần chênh lệch không được khấu trừ trong kỳ mà, cũng không được liệt vào chi phí, được kết chuyển vào số dư khấu trừ thuế của năm sau (thời hạn kết chuyển không quá 5 năm)<sup>9</sup>.

## 2.4 Bảo hộ đầu tư ra nước ngoài

Tính đến hết năm 2015, Trung Quốc đã tiến hành ký kết hơn 110 hiệp định song phương. Trong hiệp định đã ký với “khu vực mậu dịch tự do”, ngoài những quy định về tự do thương mại cho hàng hóa và dịch vụ, chính phủ Trung Quốc còn ký hiệp định về “Tự do hóa đầu tư” nhằm tạo thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp nước này đầu tư ra nước ngoài, Hiệp định “Tự do hóa đầu tư”

<sup>9</sup> Ví dụ: Một công ty của Trung Quốc nắm 50% cổ phần một công ty con ở nước ngoài. Công ty con có lợi nhuận trước thuế là 200 triệu, Thuế suất thuế TNDN ở nước ngoài này là 15%, Tỉ lệ khấu trừ Thuế TNDN là 10%; Lợi nhuận chịu thuế của công ty mẹ từ công ty con là 100 triệu, Thuế suất thuế TNDN của Trung Quốc là 25%. Số thuế phải nộp của công ty con là 30 triệu (200x15%), còn lại lợi nhuận sau thuế là 170 triệu, phân lợi nhuận theo cổ phần cho công ty mẹ là 85 triệu.

Lợi nhuận chịu thuế của công ty mẹ từ công ty con = 85x(1-15%)=100 triệu

Thuế phải nộp của công ty mẹ = 100x25% = 25 triệu (1)

Số thuế miễn giảm trực tiếp = 85x10% = 8,5 triệu (2)

Số thuế miễn giảm gián tiếp = 30x85/170 = 30x50% = 15 triệu (3)

Tổng số thuế được miễn giảm = (2) + (3) = 8,5 + 15 = 23,5 triệu(4)

Số thuế công ty mẹ phải nộp cho lợi nhuận từ đầu tư ra nước ngoài (sau miễn giảm)

Trung Quốc – ASEAN đã được ký vào năm 2002 và kiện toàn năm 2010<sup>10</sup>. Trung Quốc hiện có 14 bản hiệp ước về khu vực mậu dịch tự do, đến nay đã đưa vào thực hiện 12 trong số đó gồm Trung Quốc với ASEAN, Singapore, Pakistan, New Zealand, Chile, Peru, Costa Rica, Iceland, Switzerland, Hàn Quốc và Úc, nội bộ với Hong Kong và Macao, Đài Loan.

Ngoài ra, công ty bảo hiểm tín dụng xuất khẩu Trung Quốc tiến hành hoạt động bảo hiểm chiến tranh, hải công, chính trị,... cho các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc. Chính phủ Trung Quốc tiến hành hỗ trợ trực tiếp chi phí mua bảo hiểm đầu tư nước ngoài, cho bảo hiểm tín dụng của các công trình thầu tại nước ngoài; tiến hành ưu đãi và hỗ trợ phí bảo hiểm cho các DNNVV mua bảo hiểm tín dụng xuất khẩu<sup>11</sup>...

#### *2.5. Dịch vụ thông tin và quản lý tổng hợp đầu tư ra nước ngoài*

Nhằm cung cấp các dịch vụ hoàn thiện hơn cho các hình thức đầu tư ra nước ngoài, Bộ Thương mại Trung Quốc vào năm 2003 đã thành lập cơ quan chuyên môn về dịch vụ - Trung tâm xúc tiến đầu tư ra nước ngoài (Cục xúc tiến hạng mục đầu tư), đồng thời không ngừng hoàn thiện “Hệ thống thông kê đầu tư trực tiếp ra nước ngoài”; “Hệ thống quản lý đầu tư ra nước ngoài”; “Hệ thống thông tin phát triển tài nguyên khoáng sản ở nước ngoài”; “Hệ thống báo cáo trở ngại đầu tư ra nước ngoài” tại website của Bộ Thương mại; Tháng 7 năm 2006 ban hành “Biện pháp chấp hành dịch vụ cáo tố cho các doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư ra nước ngoài”, đồng thời thành lập “Trung tâm phục vụ cáo tố cho doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài thuộc Bộ Thương mại”, phục vụ miễn phí hoạt động cáo tố cho doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư ra nước ngoài.

Bộ Thương mại còn tạo ra nhiều diễn đàn thông tin thị trường, hướng dẫn ngành nghề đầu tư ra nước ngoài và thiết lập chế độ báo cáo đầu tư của Trung Quốc ra các nước. từ năm 2003 bắt đầu biên tập “Báo cáo môi trường đầu tư, mậu dịch của Trung Quốc ra các nước”, đồng thời bắt đầu phát hành “Danh mục hướng dẫn mậu dịch, gia công của nước ngoài Trung Quốc – các nước” Châu Phi, khu vực Trung Đông, Mỹ La Tinh, Châu Á,... Năm 2004 bắt đầu

---

<sup>10</sup> Trung Quốc đã ký kết các hiệp định song phương đa phương và khu vực FTA về tự do mậu dịch bao gồm: Trung Quốc – ASEAN (ký năm 2002, hoàn thành năm 2010); “Xấp xếp về thiết lập quan hệ mậu dịch mật thiết hơn” giữa Trung Quốc đại lục và đặc khu HongKong MaCao (CEPA, ký năm 2003, mỗi năm ký thêm các điều bổ sung); Trung Quốc- Pakistan (ký 4/2005); Trung Quốc – Chile (11/2005); Mậu dịch châu á thái bình dương (9/2006 bắt đầu thực hiện); Trung Quốc – Niu Di Lân (ký 4/2008); Trung Quốc – Singapore (ký 10/2008); Trung Quốc – Peru (ký 4/2009); Trung Quốc – (có hiệu lực từ 8/2011): Nguồn <http://fta.mofcom.gov.cn/>

<sup>11</sup> Nguồn: Trung tâm thông tin đầu tư và Tài chính Trung Quốc

biên soạn “Mục lục hướng dẫn ngành nghề đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc với các nước”, biên tập theo từng nước, khu vực “Chỉ dẫn hợp tác đầu tư nước ngoài”. Các báo cáo này cung cấp cho các doanh nghiệp của Trung Quốc thông tin về pháp luật, chính sách thuế, tình hình thị trường, cơ hội ngành nghề, và thông tin tín dụng doanh nghiệp,... của các nước và khu vực. Đã giảm bớt rất nhiều những ảnh hưởng không tốt do thiếu thông tin đến các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài.

Để tháo gỡ khó khăn về nguồn nhân lực trong quản lý kinh doanh quốc tế hóa của các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài, trên cơ sở tham khảo kiến nghị của các bên, Bộ Thương mại đã biên soạn quy hoạch về công tác đào tạo bồi dưỡng nhân lực cấp cao cho kinh doanh xuyên quốc gia và đầu tư ra nước ngoài, Biên tập một loạt các sách, tạp trí, giáo trình về đào tạo, phát hành vào tháng 4 năm 2009, Tháng 7 năm 2007 đã khởi động “kế hoạch bồi dưỡng nhân lực kinh doanh xuyên quốc gia”

## 2.6. Thành lập các “Khu hợp tác mậu dịch ở nước ngoài”

Nhằm giải quyết vấn đề thiếu kinh nghiệm đầu tư kinh doanh quản lý, năng lực huy động vốn quốc tế kém, ý thức rủi ro thấp và năng lực phòng tránh rủi ro yếu, ở nước ngoài của đại bộ phận các DNNVV của Trung Quốc. Trên cơ sở nghiên cứu rõ ràng, tham khảo, sử dụng các kinh nghiệm thành công trong đầu tư ra nước ngoài, vào nửa cuối năm 2006, Bộ Thương mại Trung Quốc chiếu theo “Chỉ đạo của chính phủ về thị trường hóa vận hành lấy doanh nghiệp làm chủ thể”, đã đầu tư 2 tỷ NDT thành lập một số “Khu hợp tác mậu dịch” tại một số nước có hệ thống chính trị tương đối ổn định và có quan hệ tương đối tốt với Trung Quốc (chủ yếu là các nước đang phát triển), thu hút các doanh nghiệp Trung Quốc đặc biệt là các DNNVV đến các khu này tiến hành đầu tư. Cho đến hết năm 2011, lượt 2, 19 “Khu hợp tác mậu dịch” đã vận hành, Lượt thành lập thứ 3 đang tiến hành đấu thầu đầu tư. Thực tiễn chỉ ra, các “Khu hợp tác mậu dịch” ở nước ngoài là một lựa chọn thành công của Trung Quốc trong phát huy “Hiệu ứng tập trung” và định hướng các doanh nghiệp của Trung Quốc “Bước ra ngoài”<sup>12</sup>.

---

<sup>12</sup> 潘啟松，泰國“泰中貿易工業園”招商中土企的投資實踐[D]，浙商，2009-06-05

### ***3. Một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam về chính sách đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài từ kinh nghiệm của Trung Quốc.***

Từ thực trạng và chính sách đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc có thể rút ra một số nhận định sau:

(1) Trung Quốc trong những năm gần đây không ngừng đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài với mục tiêu mở rộng tìm kiếm những thị trường tiềm năng, nâng tầm ảnh hưởng trong khu vực và quốc tế, giải quyết nhu cầu ngày càng cao về nguyên liệu, nhiên liệu cho nền kinh tế trong nước.

(2) Trung Quốc đầu tư chủ yếu vào khu vực Châu Á và Mỹ La Tinh, trong đó chủ yếu là vào Hồng Kông và một số đảo thuộc khu vực Mỹ La Tinh, thực chất là việc các nhà đầu tư Trung Quốc thông qua các nước này để đầu tư ra nước ngoài hoặc đầu tư trở lại Trung Quốc đại lục. Đích đến của các nhà đầu tư Trung Quốc chủ yếu hướng đến một số nước có nguồn dầu mỏ, các nước phát triển có công nghệ tiên tiến, một số nước thị trường mới nổi.

(3) Ngành thuê mướn và dịch vụ kinh doanh có tỷ trọng đầu tư lớn nhất thể hiện sự lớn mạnh của các nhà thầu Trung Quốc trong các lĩnh vực xây dựng công trình (đầu tư vào lĩnh vực này cũng bao gồm việc các nhà đầu tư Trung Quốc thông qua nước thứ ba để thực hiện đầu tư). Tiếp đó là các lĩnh vực Khai khoáng, Bán buôn bán lẻ, Tài chính, Chế biến chế tạo, thể hiện rõ mục tiêu đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc như đã nêu trên.

(4) Trung Quốc chú trọng hình thức đầu tư thông qua mua bán sáp nhập, với hình thức này các doanh nghiệp của Trung Quốc sẽ có được những công nghệ mới đồng thời nhanh chóng tiếp cận thị trường của nước đích đến đầu tư.

(5) Trong giai đoạn đầu các DNNN chiếm tỷ trọng đầu tư lớn, với vai trò dẫn dắt đầu tư và có sự hậu thuẫn của Chính phủ, sau khi đã có những tiền đề vững chắc, các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế trong những năm gần đây cũng đã dần nâng tỷ trọng đầu tư ra nước ngoài.

(6) Về mặt chính sách, Trung Quốc thực hiện hàng loạt các biện pháp thúc đẩy đầu tư ra nước ngoài bắt đầu bằng việc đơn giản hóa, gỡ bỏ các rào cản trong việc thẩm duyệt dự án đầu tư ra nước ngoài.

(7) Chính sách ngoại hối cũng được lỏng lẻo, tăng cường hỗ trợ trước và sau đầu tư.

(8) Đẩy mạnh các biện pháp hỗ trợ về vốn, thành lập các quỹ đầu tư hỗ trợ đầu tư ra nước ngoài, hỗ trợ cho vay, hỗ trợ về thuế,...

(9) Ngoài ra, Trung Quốc còn có các chính sách bảo hộ cho các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài: thông qua ký kết các hiệp định song phương; thúc đẩy hoạt động bảo hiểm đầu tư ra nước ngoài,...

(10) Cung cấp thông tin, tư vấn đầy đủ cho các nhà đầu tư trong nước về các thị trường đầu tư nước ngoài cùng với các hoạt động hỗ trợ tổ tụng, bảo đảm pháp lý cho các doanh nghiệp.

(11) Thông qua việc thành lập các khu hợp tác mậu dịch ở nước ngoài, thực chất là khu vực quần thể các doanh nghiệp Trung Quốc nhằm giải quyết vấn đề thiếu kinh nghiệm đầu tư kinh doanh quản lý, năng lực huy động vốn quốc tế kém, ý thức rủi ro thấp và năng lực phòng tránh rủi ro yếu, ở nước ngoài của đại bộ phận các DNNVV của Trung Quốc.

*Một số tác động có thể có của chính sách đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc đến Việt Nam.*

Việc Trung Quốc thúc đẩy đầu tư ra nước ngoài và giá trị đầu tư tăng mạnh trong những năm gần đây, thông qua phân tích có thể nhận thấy một số xu hướng và mục đích chính đã nêu ở trên. Những định hướng và sự dịch chuyển đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc có những tác động nhất định đến Việt Nam, cụ thể:

Trong giai đoạn trước, Trung Quốc đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài chủ yếu vào các ngành khai khoáng phục vụ nhu cầu sản xuất trong nước của nước này, như các loại quặng kim loại, đất hiếm,... Tuy nhiên, chịu ảnh hưởng của việc dư thừa sản lượng một số ngành công nghiệp trong nước nên nhu cầu tài nguyên của Trung Quốc cũng đã giảm nhiệt, đầu tư ra nước ngoài vào lĩnh vực khai khoáng dần chuyển sang đầu tư vào các ngành liên quan đến dầu khí. Các tập đoàn dầu khí của với sự hậu thuẫn mạnh mẽ của Chính phủ Trung Quốc đang ngày càng lớn mạnh và có tầm ảnh hưởng lớn dần trên thị trường xăng dầu thế giới, việc này tạo ra mối nguy cơ tiềm tàng không những về kinh tế mà cả về an ninh quốc phòng của Việt Nam.

Trung Quốc đẩy mạnh các hình thức mua bán sát nhập đầu tư mạnh vào các nước phát triển ở Châu Âu và Bắc Mỹ với mục đích nhanh chóng nắm bắt khoa học kỹ thuật mới, thương hiệu, hệ thống thị trường. Cùng với đó là làn

nghe lạc hậu hơn. Cả hai làn sóng này nhằm hỗ trợ cho quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng, đào thải công nghệ cũ và phát triển công nghệ hiện đại, tiên tiến của các nước phát triển của Trung Quốc. Điều này tạo ra áp lực không nhỏ cho Việt Nam:

(i) Một mặt các doanh nghiệp trong nước sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt của các sản phẩm Trung Quốc không những cả về giá cả mà cả về chất lượng. Trung Quốc thông qua việc mua lại các thương hiệu của Châu Âu sẽ thâm nhập sâu hơn vào chuỗi sản phẩm hàng hóa toàn cầu, cùng với việc Việt Nam thực hiện những cam kết mở cửa hội nhập, áp lực cạnh tranh từ những hàng hóa Trung Quốc mang thương hiệu quốc tế sẽ ngày càng lớn.

(ii) Bên cạnh đó việc Trung Quốc tiến hành đào thải các công nghệ cũ, công nghệ ô nhiễm môi trường sẽ tạo ra làn sóng đầu tư ra nước ngoài đến các nước đang phát triển khác mang theo những công nghệ này. Việt Nam nếu như không có những biện pháp sàng lọc dự án đầu tư, tăng cường công tác quản lý về môi trường, công nghệ thì rất có thể sẽ phải hứng chịu những tác động tiêu cực từ làn sóng này.

Trung Quốc tăng cường đầu tư mua lại các chuỗi cung ứng sản phẩm kể cả tại các nước phát triển và những thị trường mới nổi khiến cho hàng hóa Việt Nam phải chịu thêm nhiều áp lực cạnh tranh nhất là khi các doanh nghiệp nước ta đều nhỏ và chưa hình thành được chuỗi cung ứng sản phẩm tại nước ngoài. Quá trình mua lại các chuỗi cung ứng hàng hóa của Trung Quốc cũng là để nước này giải quyết nhu cầu trong nước đang ngày càng đòi hỏi cao hơn về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm. Thị trường tiêu thụ hàng hóa trong nước của Trung Quốc đang dần chuyển sang phân khúc hàng hóa chất lượng cao hơn, Trung Quốc cũng là nước tiêu thụ hàng hóa xa xỉ hàng đầu thế giới. Do đó, các mặt hàng Việt Nam xuất sang Trung Quốc nếu như không đáp ứng được các yêu cầu về chất lượng rất có thể sẽ bị đào thải và thay thế bằng các mặt hàng đến từ các nước phát triển.

Các dự án đầu tư ra nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn (chủ yếu đầu tư các doanh nghiệp sản xuất giống cây trồng vật nuôi) của Trung Quốc cũng phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây, khiến cho sản xuất nông nghiệp của rất nhiều nước trong đó có Việt Nam ngày càng bị phụ thuộc vào Trung Quốc. Hiện nay nền nông nghiệp của nước ta đang phụ thuộc tương đối lớn vào Trung Quốc cả về giống cây trồng vật nuôi, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật cũng như thị trường tiêu thụ.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. IIS 中国对外投资报告 - 中国社会科学院 -  
2013年中国对外直接投资回顾与2014年展望
2. 近年关于海外投资的政策变迁-<http://business.sohu.com/20120315/n337862176.shtml>
3. [2010]解读财税[2009]125号：企业境外所得税收间接抵免新规定  
[http://www.chinaacc.com/new/635\\_796\\_201012/16le690478089.shtml](http://www.chinaacc.com/new/635_796_201012/16le690478089.shtml)
4. [2011年修订]“外商投资产业指导目录”2011年第12号令
5. 中华人民共和国商务部令2009年第5号《境外投资管理办法》，中华人民共和国商务部.商务部令 2009年第5号
6. [2006]促进企业海外投资财税政策的国际比较及借鉴,中国会计网,  
<http://www.canet.com.cn/wenyuan/czlw/czzc/200807/18-15925.html>
7. [2011] 姚枝仲,李众敏. 中国对外直接投资的发展趋势与政策展望,  
《国际经济评论》2011 年第2 期
8. [2009] 周升起,中国对外直接投资：现状、趋势与政策. 东亚论文 第 75 期
9. [2011] Mai Lan (theo Financial Times) , Chiến lược đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc, <http://tammhin.net/Phantich/4088/Chien-luoc-dau-tu-ra-nuoc-ngoai-cua-Trung-Quoc.html>
10. 中华人民共和国商务部令2009年第5号《境外投资管理办法》，中华人民共和国商务部.商务部令 2009年第5号
11. [2006] 促进企业海外投资财税政策的国际比较及借鉴, 中国会计网,  
<http://www.canet.com.cn/wenyuan/czlw/czzc/200807/18-15925.html>
12. [2011] 姚枝仲,李众敏. 中国对外直接投资的发展趋势与政策展望,  
《国际经济评论》2011 年第2 期
13. [2009] 周升起,中国对外直接投资：现状、趋势与政策. 东亚论文 第 75 期
14. 改革开放以来中国利用外资的历史考察1978-2005
15. 商务部关于2013年全国吸收外商投资工作的指导意见
16. 全国商务工作会议明确2013年商务工作主要任务 -陈德铭：稳中求进，  
开拓创新，实现商务事业持续健康发展 [http://www.gov.cn/gzdt/2012-12/28/content\\_2301145.htm](http://www.gov.cn/gzdt/2012-12/28/content_2301145.htm)
17. 中共中央文献研究室编：《十五大以来重要文献选编》（下），  
人民出版社2003年9月版，第1936页。
18. 中国的对外贸易（2011年12月）中华人民共和国国务院新闻办公室[http://www.gov.cn/zwgk/2011-12/07/content\\_2013475.htm](http://www.gov.cn/zwgk/2011-12/07/content_2013475.htm)
19. YangPyuungsup, 中国入世五年盘点，KIEP 今日世界经济，地06-40号，  
2006.12.7， 4-6 页
20. 大韩贸易投资振兴公司，《中国法人税统一, 韩国企业的对华投资战略需重整》，  
《中国投资新闻》第 43 号, 2007.3.16, 第 1- 2 页。

21. 商务部关于2013年全国吸收外商投资工作的指导意见-  
文章来源：商务部外国投资管司